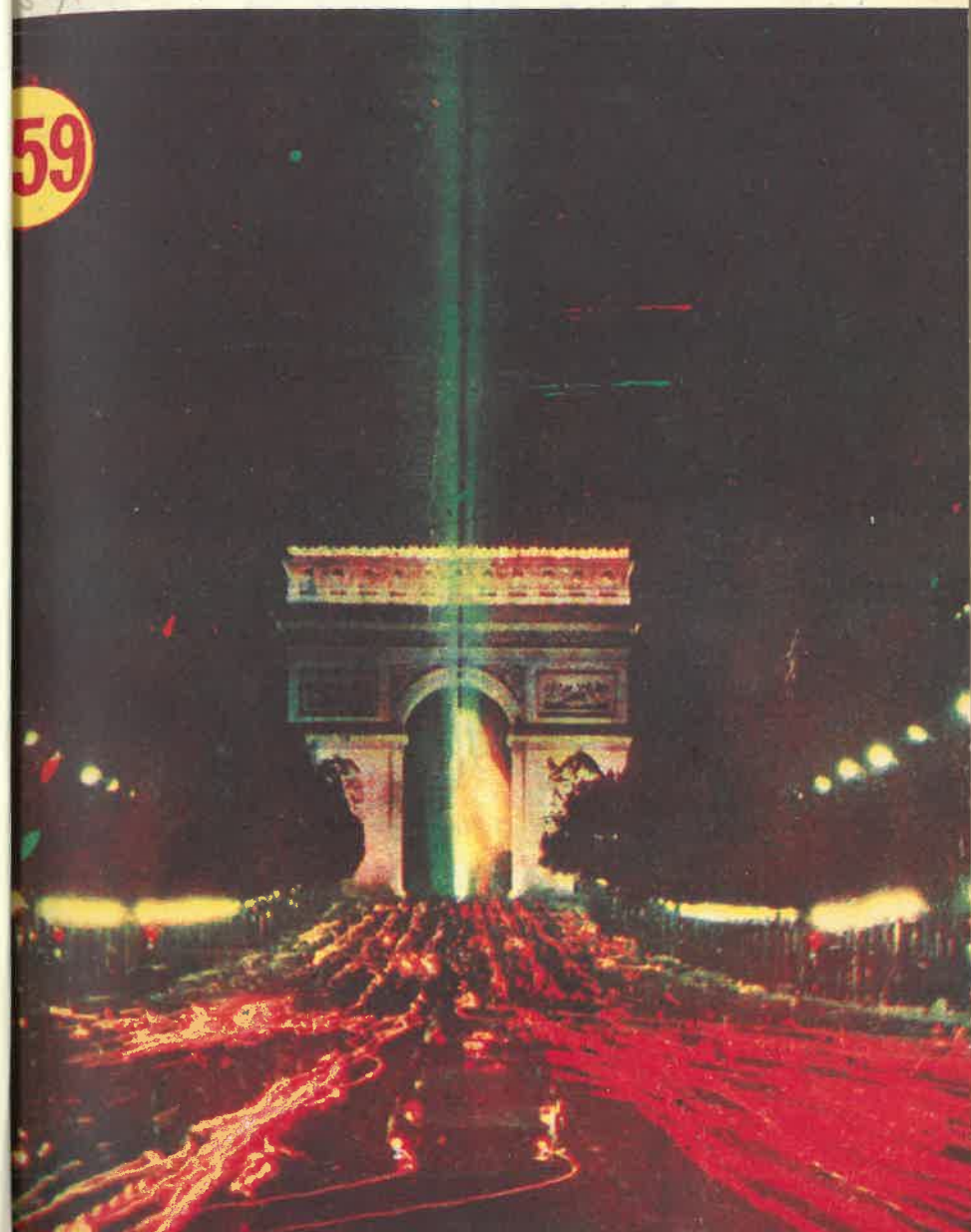


PHỐ THÔNG

Giám đốc, Chỉnh bút : Nguyễn Vũ



PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

CƠP PHAN XÂY DỰNG VĂN-HOÀ VIỆT NAM
PHỐ BIÊN VĂN HOÀ ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-đốc, Chỉ bút ; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XIII — số 259 — 1-1-1971

- | | | |
|---------------------------------------|-------------------|---------|
| 1 — Trung Học Quảng Ngãi - Nghĩa Thực | P.T | 5 — 10 |
| 2 — Chính Nó | Giang-Tân | 11 — 27 |
| 3 — Tìm hiểu | Đông-Tùng | 27 — 37 |
| 4 — Lụt ở Huế (thơ) | Tr-Hữu Nghiễm | 38 — |
| 5 — Một thuở tin yêu | Hoàng Điệp | 39 — 47 |
| 6 — Chế độ bảo hiểm và xã hội | | |
| Tây Đức | Đào-Thị Ngọc Diệp | 48 — 57 |
| 7 — Hẹn sau (thơ) | Hoàng-Văn-Vĩnh | 58 — |
| 8 — Nhà kiến trúc tài danh | Ng-Tử-Quang | 59 — 64 |
| 9 — Vài giai thoại trong | | |
| phong trào | Phạm.Văn-Sơn | 65 — 68 |
| 10 — Cho em lần cuối (thơ) | Đặng-Huyền-Thu | 69 — |
| 11 — Một tôn giáo lớn Ấn | | |
| độ giáo | Chu Minh Thụy | 70 — 75 |
| 12 — Chiếc vòng cứu mệnh | Mạch Quế Hương | 76 — 81 |

13 — Chân thành (thơ)	Phương-Đài	82 —
14 — Vòm trời vãn hóa quốc tế	Ng-Khắc-Tiến-Tùng	83 — 87
15 — Phần Trữ đầu châu	Tân Nhân	88 — 96
16 — Hero dote	Nguyễn-Quang-Tô	97 — 103
17 — Bao giờ quên được	Điện Thủy	104 — 105
18 — Đá vọng phu	Thái Tầu	109 — 111
19 — Tao-Đàn Quỳnh-Dao	P.T.	112 — 121
20 — Sách báo mới	P.T.	122 — 125

★ **Phổ-Thông số tới : 260**
ra ngày 15-1-1971

Đặc-Biệt XUÂN

Văn-hóa Việt-Nam và Quốc tế.

★ Anh Chị em Sinh Viên Học sinh và quý vị Phụ-Huynh ở Quốc nội và Quốc-ngoại nên đón xem :

Tuyển tập xuân
Thăng-Bờm

của Thi-văn Đoàn Thăng Bờm SAIGON — HUẾ — DALAT
— PARIS — BRUXELLES — GENEVE — MUNICH —
TOKYO — NEWYORK — MANILA. Hoan toàn Offset —
nhiều màu. Duy nhất ở VIỆT-NAM

★ *Thân ái chúc các Bạn Thiên Chúa Giáo
một Lễ Giáng-Sinh, và Năm Mới dương lịch,
vui tươi, hạnh phúc*

★ *Nos Meilleurs Voeux de joyeux Noël et de
Bonne Année*

★ *Merry Christmas and Happy New Year
to our Friends Readers.*

★ *Frohe Weihnachten und ein gutes neues
Jahr.*



Một trường học miễn phí độc nhất vô nhị ở Việt-Nam: Trung-học

Quảng - Ngãi Nghĩa - Thục

Quảng-ngãi Nghĩa-Thục là một Trung Học miễn phí có mục đích giúp đỡ học sinh nghèo khỏi dở dang việc học, củng cố tác phong Đạo Đức của học đường và phát triển nền văn hóa truyền thống tốt đẹp của Dân tộc.

Để thực hiện hữu hiệu các mục tiêu trên, Quảng Ngãi Nghĩa Thục đứng ngoài mọi chi phối của tôn giáo, chính trị. Bởi thế, những con em dù ở phe phía thù nghịch nào, nhà trường không quan tâm đến.

Trường sở xây cất do các vị sáng lập viên.

● Quyền lợi và bổn phận của sáng lập viên :

1. — Làm chủ nhà trường, duy trì, bảo vệ và phát triển đường lối của Q.N.N.T
2. — Giới thiệu học sinh đáng được vào Q.N.N.T
3. — Ứng cử và bầu ban quản trị để trực tiếp điều khiển nhà trường.

Nếu không có gì trở ngại học sinh QNNT sẽ được hưởng « thực phẩm hòa bình », như thế mỗi học sinh ít nhất được cấp phát bữa ăn trưa đơn giản mỗi ngày

Ngoài ra, mỗi tháng ít nhất một lần QNNT sẽ tổ chức những buổi diễn thuyết mục đích đề tạo sự sinh hoạt của những người trí thức trong tỉnh.

Đề tiến trên đã phát triển sâu rộng QNNT kêu gọi và chấp nhận mọi sự trợ giúp về tinh thần lẫn vật chất bất cứ từ đâu đến, bất cứ ở hiệp hội đoàn thể tôn giáo nào, với điều kiện tôn trọng đường lối thuần túy văn hóa của QNNT đã đề ra.

Tóm lại QNNT là một trường học miễn phí, mới có ở Quảng-Ngãi và cả ở miền Nam Việt-Nam dành ưu tiên cho học nghèo khổ, tuy sáng lập viên thuộc đủ thành phần tôn giáo chính trị... nhưng Quảng Ngãi Nghĩa-Thục đứng ngoài ảnh hưởng của tôn giáo, chính trị

Mục đích tối thượng là phục vụ cho lớp trẻ nghèo khổ, và đồng thời, phục hưng nền văn hóa nhân bản và Dân Tộc

★ Ban Giám Đốc

- Hiệu Trưởng : Ông Nguyễn Liệu
- Phụ Tá Hiệu Trưởng : Ông Phan-Như-Thức (nghị viên Nguyễn văn Minh)
- Giám Học : Ông Hà Nguyễn Thạch
- Hiệu-Đoàn-Trưởng : Ông Nguyễn Cao Cạn
- Giám Thị : Ông Trần Minh — Bùi Chười
- Ô. Vương Thanh-Khắc Minh — Phạm Đình Hiệu — Lê Vật Nguyên — Chế Quân.

★ Ban Đại diện Sáng Lập Viên :

4. — Đóng góp 5000đ (năm nghìn đồng) để xây
cất trường sở, thư viện v.v...

● **Thành phần học sinh của Quảng Ngãi
Nghĩa Thực :**

1. — Con em của những gia đình nghèo khổ —
ưu tiên cho học sinh ở xã Tư chánh

2. — Con em của thương phế binh, tử sĩ,
nạn nhân chiến tranh.

3. — Con em sáng lập viên.

● **Học sinh Q.N.N.T phải có 1 sắc thái
phong độ đặc biệt :**

■ 1. — Tuyệt đối tuân hành kỷ luật nghiêm, chủ
trương đường lối của nhà trường đề ra.

2. — Lễ độ, hòa nhã, không a dua chạy theo các,
cảm dổ sa đọa của thời đại

3. — Quyết tâm tu dưỡng rèn luyện 1 tinh thần
thần tủy dân tộc.

4. — Tiến tới mặc y phục bằng vải nội hóa
đứng đắn, gọn gàng, giản dị.

Giáo sư của Q.N.N.T là những người đã từng lo
âu cho nền giáo dục lâu nay. Quyết tâm nỗ lực đào
tạo lớp học sinh nhất là về phương diện đạo đức.

**Hiệu trưởng Giáo sư không đặt vấn đề
thù lao.**

Một đặc điểm đáng lưu ý hiện nay trên 50 Giáo
sư gồm các thành phần : giáo chức, quân nhân
nhân sĩ, trong tỉnh tán đồng đường lối, chủ trương
của Q.N.N.T tham gia việc giảng huấn, Rất nhiều
giáo sư chuyên dạy các lớp đệ Nhị cấp xuống dạy
các lớp 6, 7 tại Quảng-Ngãi Nghĩa-Thực.

Ngoài những giờ ấn định của bộ Văn hóa-Giáo dục
QNNI chủ trương tăng cường các giờ lịch sử, triết
học, phổ thông, sinh ngữ và đặc biệt có giờ « Tinh
thần dân tộc VN »., mục đích tạo cho học sinh
một tinh thần yêu kính dân tộc và một kiến thức
tương đối khá.

Trường sở tại vùng núi Thiên-Bút, tọa lạc trên
một khu đất rộng thanh tịnh ngó về hướng đông.
Một địa điểm rất thuận tiện cho việc giảng dạy học
sinh. Trường sở rộng rãi, cao ráo... Nhà trường sẽ
xây một thư viện để cho những người thích khảo
cứu tìm hiểu, học hỏi...

Niên khóa đầu 1970 — 1971, QNNNT chỉ mở các lớp
6,7,8,9. Đặc biệt lưu ý đến 6. Niên khóa sau trường
sẽ mở thêm các lớp đệ Nhị cấp. Để tiện lợi cho
học sinh ở xa các lớp sẽ học trọn một buổi, nghỉ 1
buổi.

— Chủ Tịch : Ông Phan Tiên

— Phó Chủ Tịch : Bác Sĩ Hoàng Trọng Văn

— Tổng Thư Ký : Ông Trần Đức Được

★ **Ban Giáo Sư :**

— 108 giáo sư

— 78 giáo sư có giờ dạy tại trường.



Quái-Đàn Tây-Phương

CHÍNH NÓ

● ÉONID ANDRÉEV (Nhà Văn Nga)

★ GIANG TÂN dịch

(Tiếp theo)

VỜI lối xảo trá của người
òn tuổi, Volodva làm bộ nhún
vai hỏi lại tôi :

— Ông nói cái gì với em đấy?
Em không hiểu gì cả. Em không
thấy cái gì ngoài tuyết rơi.

Ông chú ý đến vật gì đó ?

— Ta có chú ý.

— Cái gì vậy ông ?

Tôi nghĩ rằng Volodva có ý

chối cãi sự thật nên tôi cũng
không nài nỉ gì thêm.

Qua ngày hôm sau, cảnh cũ
diễn lại. Nhưng lần này tôi đứng
cạnh Norden. Cũng giống như
hôm qua, sau khi nhìn chúng
tôi, bóng đen quay mặt và lui
dần rồi biến hẳn sau góc cầu
nhà. Cũng như Volodva ngày
hôm qua, Norden để mắt theo
dõi bóng đen một hồi lâu.

Tôi quay sang hỏi Norden :

— Ông thấy đó chứ. Tôi cố

gượng cười.

Thấy tôi cười, Norden gật gù :
— Ừ ! Cậu phải vui lên chứ !
Nhưng cậu hỏi tôi câu gì đó ?

Đưa tay đặt lên vai tôi, trông Norden có vẻ thành thật lắm.

Tôi biết rõ Norden có thấy bóng đen đó, nên tôi hỏi dồn :

— Ông thấy chứ ?

— Không !

— Không ! Vô lý. Chính câu trả lời của ông cũng đã chứng tỏ là ông đã trông thấy. Nhưng vì sao ông lại chối nhận sự thật kia ?

Norden nhần mặt lại, cố gắng cười. Tự nhiên tôi cảm thấy mình bất lực, thất vọng đến chán chường.

Tôi la lên thật lớn :

— Đủ rồi ! Đủ rồi !

Norden hỏi lại tôi :

— Đủ cái gì ?

Tôi nghĩ rằng Norden sẽ tìm cách chiều chuộng tôi. Ông ta

sẽ ôm lấy tôi và hôn lên má. Nhưng không. Norden tiếp tục chất vấn tôi :

— Hẳn có người nào làm cho cậu phiền. Một tên gia nhân chẳng ? Tôi không thể tha thứ một trường hợp như thế xảy ra trong nhà tôi. Cậu cho biết rõ câu chuyện, tôi có cách trừng trị chúng. Hay là cậu có điều chi buồn. Ồ ! Tuổi trẻ. Tuổi trẻ lắm lúc cũng có những cái buồn to lớn.

Tôi bắt đầu suy nghĩ nhiều. Norden chế diễu tôi chẳng ? Hay chính ông ta muốn tìm cách che dấu nỗi ưu tư của chính ông ta. Vì sao lúc nào Norden cũng muốn làm cho tôi cười, tôi vui, bên trong, hẳn Norden có một mối lo nào chẳng ?

Một chương trình vĩ đại được đặt ra. Nhân dịp lễ Giáng Sinh, Norden đặt làm một cây Noel thật lớn. Ông ta còn dự tính mua sắm thật nhiều. Lễ dĩ nhiên, ông ta sẽ ra tỉnh ngay

để thực hiện những dự định đó.

Những ngày kế tiếp, màn bí mật chập xuống dày đặc quanh tôi. Trước mắt tôi lúc này chỉ còn lại những hình bóng mờ mờ, những con người chạy đi chạy lại và xung quanh tôi là những tiếng động xôn xao những tiếng la to nổi vui mừng một cách giả tạo, những cách đùa giỡn chẳng làm một ai vui thích, những tiếng cười giống như tiếng vải bị xé... tất cả là một sự thất vọng tột độ.

Cây Noel được dựng lên. Đó là một cây thông lớn làm cho căn phòng thoảng có mùi nhựa mùi nến cháy... cái không khí giống hệt không khí trong một căn phòng của người chết, Theo tập tục trong gia đình thì, chính bà Moll sẽ thắp và tắt nến. Norden cầm giữ thang, còn tôi trèo lên cao giăng giầy điện, gắn những bóng đèn màu cùng những giầy màu bạc lấp lánh. Tiếp đó là những buổi lễ phiên phức được cử hành quanh cây

Giáng Sinh rồi vũ màn vũ do một nữ nhạc sĩ vô hình đệm đàn theo.

Đêm đến lại là một chuyện khác. Tôi phải hầu chuyện với Norden. Có nhiều lập luận của Norden làm cho tôi tức giận đến phát điên. Tôi quyết định phải hành động. Tôi cứ để cả quần áo nguyên nằm lên giường cố gắng chờ đợi người khách kỳ lạ của tôi xuất hiện ở cửa sổ. Trái với những lần trước, chính tôi gọi tên người khách kỳ lạ đó trước. Vào gần 1 giờ sáng, linh tính báo cho tôi biết hắn đến. Tôi chạy ngay lại cửa sổ, kéo tấm màn ra.

Hắn xuất hiện trước mặt tôi. Tôi nhìn hắn từ đầu đến chân, đến đôi vai rộng của hắn. Hắn hời hợt và cũng tỏ ý muốn hăm dọa hắn, tôi lao về phía cánh cửa lớn.

Nhưng hắn bước đi và lùi xa dần. Tôi nhón chân, cố gắng bứt giây tiếng động, bước qua hai căn phòng đến gần cạnh cửa

lớn, tôi đánh một cây quạt lên nhưng ánh lửa hé lên liền tắt ngấm. Lúc nắm được tay nắm, tôi đẩy cửa ra lao ngay vào bóng tối... Suýt rụng phải hẳn. Hẳn chỉ cách tôi độ một bước. Hình bóng hẳn dựng lên sau một đồng đa cao có tuyết phủ trắng xóa, Chúng tôi đứng lại, mặt đối mặt trong thời gian khá lâu và cứ mỗi giây đồng hồ thì nỗi Sợ hãi cứ tăng thêm trong lòng tôi. Nhưng may mắn là tôi còn tỉnh trí vì vậy tôi cứ bước thục lùi, đến cánh cửa lớn, tôi buồn người vào, với tay đóng ngay cửa lại, không quên khóa lại. Tôi không rõ là hẳn có ý định mở cửa không. Riêng tôi cả thân hình run lên lẩy bẩy, tôi chậm rãi đi về phía phòng riêng của tôi.

Bóng đen ấy cứ mãi ám ảnh tôi. Đêm hôm ấy, tôi thao thức mãi nhưng trí óc vẫn sáng suốt của một thanh niên hoàn toàn khỏe mạnh, tôi nghĩ rằng không thể bị ảo ảnh được. Muốn được hoàn toàn yên ổn, tôi lấy có bị bệnh không tham dự vào việc

chuẩn bị cho đêm Giáng sinh. Tôi thả bộ trên con đường lầy lội đi tới một nhà ga.

Ngày hôm ấy trời xám xịt và giá lạnh.

Thường thường những con người đơn độc, bị mất tinh thần là vì đã phạm phải một tội ác nào nên cái nhìn của họ luôn luôn bị ám ảnh những chuyện ma quái. Trường hợp của tôi không giống những người đó. Tôi chưa hề phạm một tội ác nào. Tôi cũng không bị một đau khổ nào quá tàn bạo, như vậy tôi không lo lắng về mặt ấy. Và lại giữa tôi và người khách kỳ lạ đó lại không có một liên hệ mật thiết nào ràng buộc cả. Vậy thì vì sao hẳn cứ đứng ở cửa sổ và dò xét tôi một cách bí mật như vậy?

Hẳn muốn gì?

Tôi đã lặp đi lặp lại nhiều lần là tôi không hề rõ những chuyện gì đã xảy ra trong gia đình này. Phải chăng Norden đã phạm phải rất nhiều tội ác? Phải

chăng, bóng đen đó là một trong những bóng ma vất vưởng, những hồn oan hiện trên dương thế?

Sức khoẻ của tôi vẫn dồi dào. Mỗi tuần mỗi lên cân. Trong trường hợp như vậy thì tôi cần gì phải đến khám bệnh tại một bác sĩ chuyên về thần kinh làm gì.

Nói tóm lại, bóng đen ấy muốn gì. Chung qui tôi cũng chỉ là một sinh viên nghèo, một ông thầy kem trẻ tầm thường mà thôi.

Nhưng tôi lầm nhảm những câu ấy khi một mình đi trên con đường vắng vẻ. « Ta chỉ là một Sinh viên nghèo, kem trẻ kiếm thêm tiền mà thôi » Tôi có ý muốn đi tìm gặp con ma đó - nếu quả hẳn là con ma để nói cho hẳn đã lầm. Nhưng làm thế nào để nói chuyện với một con ma? Làm thế nào để thuyết phục một con người đã không còn thể xác? Toàn chuyện vô lý!

Vừa bước, tôi vừa lầm nhảm

những câu nói đó cho đến khi tôi nhận ra rằng tư tưởng của tôi xoay tròn giống như con ngựa của một gánh xiếc cứ chạy vòng quanh trên Sân khấu.

Tôi phải tìm cách thoát khỏi vòng tròn ma quái ấy mới được. Nhưng biết làm thế nào?

Tôi thấy bất lực trong việc tìm một lối thoát. Bây giờ tôi không còn bước đi mà chạy. Tôi không còn nghĩ đến bóng đen kia là con ma nữa, mà tôi lại lo lắng khi nhận biết đầu óc mình bị rối loạn một cách vô lý. Tôi muốn thét lên thật lớn và muốn được trốn vào phòng riêng của mình. Dù sao thì ở trong phòng tôi cũng bớt thấy trống trải hơn.

Tôi quay trở về nhà.

Ngôi nhà xem chừng vui vẻ êm ấm hơn mọi ngày. Tôi mỉm cười. Những khách đến dự lễ Giáng sinh mỗi lúc mỗi đông. Hôm nay có mặt hai người cháu của Norden. Cả hai đều là Sinh viên

Có giáo dục, giống như hai giọt nước, Cả hai phụ giúp với Norden và lũ trẻ đã làm xong công việc trang điểm cho cây Giáng Sinh trong lúc đó tiếng nhạc từ tầng lầu trên vang vọng đưa xuống. Những điệu vũ hôm nay xem chừng hấp dẫn hơn, Tôi còn nhớ hôm ấy, tôi đã cùng đi dạo chơi với họ, nhậu nhẹt với họ và cùng họ cười đùa vui vẻ. Và nhất là đêm đó, chúng tôi đã khiêu vũ thả giàn. Một bà nọ cùng với hai cô con gái trẻ đẹp đã cùng chung vui với chúng tôi. Những ngày kế tiếp, khách khứa vẫn đông. Tôi lấy làm ngạc nhiên về số người đông đảo đó, một điều kỳ lạ là trí nhớ của tôi không còn nhớ đến một khuôn mặt nào nữa. Nhưng tôi lại còn nhớ rất rõ màu sắc quần áo họ mặc, trong đó có cả những bộ quân phục của các vị tướng. Rồi tôi liên tưởng đến bộ quân phục của một tướng lĩnh trong tủ kính của một tiệm may nào đó.

Thôi hãy trở lại cái ngày có sự xuất hiện của hai chàng sinh

viên, bà nọ cùng với hai người con gái của bà.

Đêm hôm ấy tôi đã vui chơi một cách quá mức cho nên sau cuộc vui, đầu óc hơi choáng váng. Tôi mặc nguyên cả bộ áo quần nằm trên giường, ngủ lúc nào không hay. Vào khoảng hai hay ba giờ sáng gì đó, tôi cảm thấy khát nước vô hạn bắt buộc tôi phải ngồi dậy. Một sự im lặng dễ sợ tràn lan khắp căn nhà. Nhìn về phía cửa sổ hôm ấy tôi quên kéo tấm màn lại — thấy xuất hiện người khách kỳ lạ của tôi. Tôi uống cạn hai ly nước.

Hắn vẫn còn đứng đó. Rồi với một sự mê say lạ lùng, tôi lần về phía cửa lớn, lao mình vào đêm tối.

Mọi việc xảy ra giống như đêm trước. Cầm lấy nắm tay cửa, tôi đẩy mạnh cánh cửa bước ra. Hắn vẫn im lặng chờ đợi tôi ở bên ngoài. Thân hình to lớn của hắn hiện lên sau mô đá. ời cũng giữ im lặng. Bỗng có tiếng chó sủa xa xa. Rồi hắn bước đi. Tôi

bước đi theo. Tôi chỉ cách hắn có một bước chân. Hắn bước lại mở tung các cánh cửa rồi bước vào phòng tôi. Đến lúc này tôi cứ ngỡ rằng cái bóng đen ấy chính là cái bóng của chính tôi. Tôi có vẻ lúng túng. Tôi vội đóng cửa lại và ngồi dựa lưng vào thành ghế. Khi cặp mắt tôi đã quen với bóng tối, lúc này tôi nhận thấy một cái bóng đậm in vào vách. Nếu mà tôi không biết nơi đó chỉ là bức tường trơn thì tôi định ninh có một bóng người xuất hiện ở chỗ ấy.

Lại một lúc khá lâu trôi qua. Người khách kỳ lạ của tôi vẫn im lìm. Tôi dè dặt bước tới, vừa bước vừa đưa bàn tay ra phía trước cho đến khi ngón tay đụng vào bóng đen. Khi ngón tay đã đụng vào, tôi có cảm giác đã sờ vào lớp vải bao lấy những bắp thịt rắn chắc. Tôi vội rút tay ra, đứng im như trời trồng, không biết làm gì nữa.

Cổ tôi lúc này đã khô rát

nhưng tôi cũng cố nói lên câu nói quen thuộc: «Ta chỉ là một sinh viên nghèo, kèm trẻ kiếm thêm tiền mà thôi»

Không có tiếng trả lời.

Tôi có quyết định quay lại giường nằm. Đôi mắt hắn vẫn theo dõi tôi. Lúc tôi ngồi trên giường, những chiếc lò-so kêu lên rảng rảng. Quá khiếp sợ, tôi vội vàng kéo chiếc mền nặng lên che mặt. Lúc này tôi mới nhớ ra là tôi đã quên tháo cả giày trước khi lên giường. Từ đây, những việc ấy không còn quan hệ nữa. Tôi nằm thẳng lưng, mắt nhìn lên trần nhà vì tôi nghĩ rằng tư thế đó có lẽ giữ đúng lễ độ nhất với người khách kỳ lạ của tôi. Chính lúc này hắn lại ngồi gần tôi. Hắn ngồi ngay ở mép giường rồi đưa tay đẩy nhẹ tôi vào vách. Hắn đặt bàn tay lên trán tôi.

Bàn tay lạnh và nặng.

Tôi thiếp đi lúc nào không rõ

Trong cuộc đời tôi, kể ra

thì tôi đã phải nhận lãnh không biết bao nhiêu sự đau khổ : Người cha thương yêu nhất của tôi đã thở hơi cuối cùng ngay trước mắt tôi, nhiều cuộc tình thương lẫn tình yêu đã làm cho tôi vô cùng đau khổ. Mỗi lần nghĩ đến những đau khổ đó, tìm tôi như muốn vỡ ra từng

mảnh. Từ đêm đó, từ đêm tay tôi sờ vào lớp vải bọc da thì trần chắc từ đêm bàn tay nặng và lạnh đặt lên trán tôi, tôi bắt đầu ăn mất ngon, ngủ mất yên thật vậy, nằm xuống, vì quá mệt, tôi đã ngủ liền, nhưng chỉ vài phút sau đó, tôi lại thức dậy, tri óc nghĩ mông lung. Mọi vấn đề dường như nảy sinh trong đầu óc rồi thấm dần khắp thân thể. Những vấn đề lo nghĩ đó ăn dần vào ngón tay tôi vào lòng ngực tôi, rồi vào máu chạy lên tim và tràn ngập khắp nơi. Sự sợ hãi làm cho tâm trí tôi bần thần, bao kỷ ức êm đẹp của tuổi trẻ tàn dần, tàn dần ngay cả ý muốn về cuộc sống, trong linh hồn đau đớn của tôi dường như chỉ còn sự lo âu ngự trị.

Hắn ngồi đó, ngồi sát bên tôi bàn tay lạnh và nặng của hắn đè lên trán tôi -- từ đó, tôi coi như dấu hiệu báo trước cho một sự chết chóc bi thảm sắp đến với cuộc đời của tôi.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy như thường lệ. Căn phòng vẫn trống trơn. Mọi vật vẫn nằm đúng chỗ cũ. Một tia sáng đầu tiên của mặt trời màu đỏ chiếu lên khung cửa kính. Tôi cảm thấy một mối lạ thường. Nhìn vào gương mặt, tôi nhận thấy khuôn mặt của tôi vẫn buồn ủ dột như những ngày trước, vẫn là khuôn mặt xám, lạnh lùng, đúng là gương mặt của một người đau khổ vì thiếu tình thương.

Thật không có gì buồn chán hơn.

Đối với tôi, có một cái gì thay đổi ghê gớm lắm. Phải rồi ! Số người đồng đạo những đêm trước đã biến đâu mất, và còn bức tường kia, bức tường đêm nào in rõ bóng đen, nay vẫn hoàn là bức tường trống rỗng.

Bước vào phòng ăn, tôi lại bắt gặp Norden. Tự nhiên, tôi cảm thấy ghê tởm ông ta, ghê tởm từ cái bắt tay của ông ấy.



Sáng hôm ấy, Norden có tổ chức một buổi tuyết ném chơi. Khi trở về phòng riêng tôi định viết một lá thư cho một người bạn, cũng là sinh viên ở Pétersbourg. Lá thư với lời lẽ kêu cứu. Người sinh viên này, thật ra không phải là bạn thân-vì tôi không có bạn thân nào cả-nhưng anh này có cảm tình với tôi. Nói tóm lại, đó là một thanh niên hào hiệp, sẵn sàng giúp đỡ kẻ khác. Tôi báo tin cho anh bạn biết là một tai họa đang hăm dọa tôi và tôi muốn anh ta đến cứu tôi... Nhưng tôi không dám viết thẳng nói về điều đó mà lại dùng những câu bóng bẩy, do đó bức thư dù có được gửi đi, cũng chẳng đem một kết quả gì mới lạ cho tôi cả. Nghĩ vậy, tôi lại không gửi thư đi.

Về sau, tôi tìm thấy một phong bì dán kín nhưng ngoài phong bì không hề đề địa chỉ gì cả, nằm gọn trong một túi áo của tôi.

Phải chăng, tôi đã quên địa chỉ của người bạn ? Tôi không nhớ rõ. Bức thư cũng không đề ngày tháng. Nội dung là thư như sau :

Bạn M-V. Nếu bạn quá không bận việc, bạn đến đây... Nhiều chuyện kỳ lạ đang diễn ra... Bạn nên cố giúp, đưa tôi khỏi nơi này.

Dưới lá thư là chữ ký của tôi.

Tôi nghĩ rằng có lẽ từ đêm ác mộng đó, tôi đã mất lần trí nhớ, hay nói đúng hơn, trí nhớ của tôi bị kém dần.

Suốt thời gian tá túc tại nhà Norden, cuộc đời của tôi như bị chìm đắm trong sương mù. Tỉnh thoảng nổi lên vài cái chớp ngắn ngủi. Rồi lại hoàn

toàn xáo trộn.

Tôi đã nói với quý bạn biết là tôi không còn nhớ mặt một ai trong các vị tân khách của Norden cả. Thật là lạ lùng. Tôi đã cố moi trí nhớ của mình nhưng chỉ còn nhớ đến y phục của họ: chỉ có y phục thôi, những vị tân khách đó như không có đầu làm cho tôi có ý nghĩ là các bộ quần áo đó đã chạy thoát ra khỏi các tủ áo để tham dự vào các buổi khiêu vũ. Tôi cũng không nhớ là họ đã chuyện trò gì với nhau nữa. Thật tình, không có đến một tiếng nào còn nằm lại trong trí của tôi nữa. Tuy

nhiên, cũng như những người khác, tôi cũng đã tham dự vào các buổi khiêu vũ đó. Ngay cả vấn đề thời gian nữa. Tôi không nhớ các đêm vui ấy đã diễn ra vào lúc nào, trong thời gian bao lâu? Có khi tôi cho rằng nó lâu vài ba tuần lễ, có lúc tôi lại nghĩ các đêm vui đó kéo dài hai ba ngày thôi. Có một điểm đặc biệt nữa là tôi

biết chắc chắn là những ý nghĩ của tôi không phải phát sinh trong lúc tôi bị loạn óc. Trái lại, tôi rất tỉnh trí. Bây giờ thì khác, sau một cơn bệnh, có khi tôi thường lãng trí. Nhưng vào thời kỳ đó, tôi nhớ tất cả với một lòng tự tin vững mạnh. Có một điều thì không thể nào tôi quên được. Đó là những đêm, hần xuất hiện lại ngồi bên mép giường, đặt bàn tay nặng và lạnh lên trán tôi. Những cuộc viếng thăm ấy trở thành như cái lệ. Đêm đến, khi các tân khách ra về, tôi để nguyên bộ quần áo lên giường. Tôi nằm ngủ được vài giờ sau rồi bỗng thức dậy lao mình vào trong bóng tối để mở cửa. Hần đã đợi tôi sẵn đó. Đoạn tôi và hần trở lại phòng. Bây giờ tôi cởi quần áo ngoài ra, luồn mình vào chiếc mền, hần lại ngồi ở mép giường, đặt bàn tay nặng và lạnh lên

trán tôi. Chỉ với sự cọ xát đó cũng đủ làm cho tôi nằm ngủ thiêm thiếp trong lo sợ. Sự lo

sợ và giấc ngủ. Tôi sợ hãi đến độ chẳng bao giờ tôi dám sờ đến hần hoặc mở miệng nói chuyện với hần. Tôi liên tưởng đến một y sĩ trầm lặng chuyên cần mỗi ngày đúng giờ, đúng khắc đến thăm con bệnh.

Sự lo lắng của tôi thật là kinh hoàng. Ngày lại ngày trôi đi. Những buổi sáng u buồn, kể những buổi chiều ủ dột, đối với tôi, thời gian lúc này sao dài quá.

Tôi phải nói thêm rằng là không hiểu vì lý do nào mà từ lúc rạng đông cho đến đêm tối, khi nào tôi cũng nghe tiếng cười quái đản của Norden cùng âm thanh vô nghĩa:

— Tanzieren ! Tanzieren !

Tôi không còn nhớ những âm thanh khác duy những tiếng Tanzieren, Tanzieren cứ còn văng vẳng mãi bên tai tôi. Những tiếng đó đến với tôi cả trong giấc ngủ, trong tâm tư ất hần tiếng nhạc, tiếng cười, nhịp điệu trong các điệu vũ... Tiếng nói đó nghe như tiếng lặp lại

của một con kết dọi vào tất cả ngõ ngách trong căn nhà. Tiếng nói đó lên cao đến «nốt» cao nhất, mang nhiều tính cách đe dọa:

— Tanzieren ! Tanzieren !

Tôi còn nhớ vào một đêm nọ, giữa lúc không khí đang vui nhộn, tiếng nhạc từ lầu trên bỗng ngưng bật, tôi không để ý đến thái độ của các tân khách ra sao vì họ chen chúc nhau đứng vào một góc tường, nhưng giữa lúc đó Norden xuất hiện giữa căn phòng, râu, tóc rối loạn, mặt mày dữ tợn, vừa nắm bàn tay vừa la hét như điên:

— Tanzieren ! Tanzieren !

Người ta trở lại khiêu vũ hăng say hơn. Ánh sáng chói mắt như do một trận hỏa hoạn to lớn tỏa ra. Còn tân khách, sao mà đông thế? Số tân khách đông lên gấp 10, gấp 100... trong đêm vui đó. Và chính đêm hôm ấy, tôi có cảm giác kỳ lạ là dường như có sự xuất hiện của Elena bên cạnh tôi. Và Elena là một trong các vị tân khách đó.

Phải chăng tôi đã trở thành trò chơi của trí tưởng tượng của tôi. Phải chăng vì sức khỏe không được dồi dào làm cho tôi có ý nghĩ đó? Đêm hôm ấy, khu vườn được thắp sáng. Cảnh sáng đó thúc dục tôi một mình dạo bước theo bờ biển. Tôi bước lại tháp đá, nơi mộ của Elena, tôi đứng lại thật lâu và nghĩ đến Elena. Một Elena do trí tưởng tượng của tôi xuất hiện trong đầu óc tôi. Thế rồi, tôi nhớ là Elena đã ngồi cạnh tôi, tôi còn tưởng như nghe cả giọng nói của nàng, còn cảm thấy mặt nàng đụng vào da mặt của tôi. Nhưng rồi Elena đã ra đi để không bao giờ trở lại trong trí óc của tôi nữa.

Trí óc tôi còn giữ lại một kỷ niệm rõ ràng nhất. Đó là những cảm giác làm cho tôi trở thành một nhân chứng mù lòa. Bao âm mưu đen tối đang diễn ra chung quanh tôi. Một cuộc tranh đấu gay go mà tôi phải đương đầu với những vật vô hình. Không khí quanh tôi như lúc nào cũng ngột thở. Biết đâu

Norden cũng chỉ là một di viên bất đắc dĩ, đóng vai trò giống vai tuồng của tôi.

Đó là cuộc sống ban ngày của tôi. Ban đêm không thuộc quyền của tôi. Ban đêm dành riêng cho bóng đen, cho người khách kỳ lạ của tôi. Cảm xúc, muốn... tất cả chìm đắm trong lo âu chết người, mà tôi không thể chia bớt nỗi khổ đau của tôi với một ai cả. Vì nỗi lo âu đó đã ăn sâu vào giấc ngủ, không thể nào chế ngự nổi, không thể vượt qua, ghê rợn khôn cùng. Cái buổi xấu xí đó ở ngoài không gian và thời gian.

Các buổi khiêu vũ luôn luôn chấm dứt bằng tiếng nói xé tai của Norden: *Tanzieren! Tanzieren!* Và khi tiếng nhạc dứt, tiếp đến là một sự im lặng dễ sợ. Thường thường cảnh đó bắt đầu vào khoảng 1 giờ sáng. Đêm đó tương tự như một đêm trong tháng 11, trong khi trời giông bão thì bà Moll, tức vợ của Norden, người đàn bà vô hình

đó lên cơn. Tiếng khóc của Norden, đánh thức tôi dậy nhưng tôi nghĩ là chẳng nên ra khỏi phòng làm gì. Tôi định ninh bóng đen sẽ không đến nên cởi quần áo mặc ngoài, lên giường ngủ lại. Tôi lắng tai nghe thì dường như có tiếng chân lên xuống liên hồi ở cầu thang. Tiếng chân bước lên cầu thang mỗi lúc mỗi dồn dập. Những âm thanh đó báo hiệu cho một tai họa sắp xảy đến với tôi, nhưng quái lạ, đêm đó, tôi cảm thấy mừng hơn một chút vì nghĩ rằng, bóng đen sẽ không đến thăm tôi. Tôi có thể yên ổn bắt đầu thiêu thiêu ngủ theo nhịp điệu dồn dập của những bước chân bước lên cầu thang. Tôi nghĩ thầm một cuộc đời đời mới sẽ đến với tôi vì bóng đen sẽ không bao giờ tới nữa, không bao giờ tôi thấy lại đôi vai rộng của hắn và cái đầu nhỏ yếu của hắn.

Sáng dậy, tôi nhận thấy ngôi nhà im lặng một cách lạ thường.

trái với thường lệ. Có lẽ, sau một đêm nhộn nhịp, tất cả mọi người, kể cả bọn gia nhân còn ngái ngủ. Tôi mặc quần áo và đi xuống phòng ăn.

Một xác chết đàn bà nằm ruỗi thẳng trên bàn.

Tôi chưa bao giờ được thấy mặt bà Moll, vợ của Norden nhưng tôi nhận ra ngay người chết, chính là nàng.



Không một cộng nhang, không một lời tụng kinh, im lặng hoàn toàn. Xác chết vẫn nằm đơn độc trên mặt bàn. Có lẽ, người trong nhà không hay biết nàng đã chết?

Có lẽ nào? Họ biết chứ! Nhưng vì sao họ vẫn ngủ.

Nhưng không phải tôi nghĩ đến những người kia.

Cũng đừng vội cho tôi loạn trí. Chưa lúc nào, tâm trí tôi sáng suốt như lúc này. Nhưng đối với tôi thì những người đó cũng không còn có nữa.

Moll còn trẻ và đẹp thật. Nàng là người đàn bà luôn luôn tôi biết, luôn luôn tôi yêu. Tôi đã yêu nàng mà không biết, tìm nàng mà không hay. Không cần phải lại gần để nhìn thấy cái nốt ruồi nằm ở gần con mắt — chính là cái hạt đẹp — tôi biết rõ cái nốt ruồi nằm ở chỗ ấy. Tôi cũng không cần sờ vào những ngón tay búp măng của nàng. Những ngón tay ấy đang đan vào nhau và nằm lên ngực nàng như để dò nhịp tim đập. Tôi cũng đã biết rõ điều đó. Tôi cũng không cần phải mở mí mắt của nàng để nhìn kỹ đôi mắt nàng. Không cần nữa vì cái nhìn của nàng đã quá quen thuộc đối với tôi. Ôi ! Ánh mắt ấy dịu hiền biết bao. Lòng tôi quặn thắt khi tôi nghĩ đến những ngón tay kia đã thoăn thoắt chạy trên phím đàn ở trên lầu kia để ở dưới này, bọn người nọ cười nói, khiêu vũ, nhảy múa quay cuồng. Norden có biết những điều đó chẳng.

Hãy tha thứ cho ông ta vì

chắc chắn ông ta chẳng biết cả. Và cũng hãy tha tội cho khi tôi vô tình đã viết lên tuyết các tên Elena, tôi không có ý nghĩa gì cả. Khi — Nàng không đẹp. Nhưng nàng có một cái gì mà không ai có thể giải thích được. Nàng chỉ là người đàn bà mà tôi yêu trọn đời của tôi mà tôi không hay biết. Suốt cuộc đời tôi, tôi đã nghĩ đến những người khác, những vật khác chưa lần nào mà ý nghĩ của tôi thoáng nghĩ tới nàng cho tất cả những suy tư trước mắt của tôi đều giả dối. Suốt cuộc đời tôi, tôi đã từng ngắm nhìn khuôn mặt khác, từng vênh tai để nghe những giọng khác. Đối với nàng, tôi chưa hề thấy chưa hề nghe. Cũng vì vậy mà mọi vật đã thấy đều là không có thật, đều là ảo tưởng. Nàng là chân lý của tôi và tôi chưa bao giờ được ngắm nàng.

Đó là tất cả ý nghĩ của tôi khi tôi thấy xác Moll. Từ trong lòng tôi quặn thắt. Ngày nay tôi không còn biết gì nữa. Tôi cũng

không thể nhớ lại được những sắc nét trên khuôn mặt xanh xao ấy khuôn mặt mà tôi đã chăm chú ngắm nhìn rất lâu, và đối với tôi thân thiết biết bao. Có một điều mà tôi không thể xác nhận được là mối tình đó phát sinh một cách đột ngột lại hết sức sâu đậm, sâu đậm cũng giống như nỗi buồn đang dày xéo lòng tôi. Ngay lúc đó, tôi không biết là nàng đã chết, nhưng dần dần khi thấy toàn thân nàng không động đậy, khi thấy căn phòng rỗng và chìm đắm trong một im lặng dễ sợ, tôi mới biết rõ sự thật... và tôi đã khóc nức nở... Rồi như một người máy, nước mắt đầy tròn tôi bước thẳng trước mặt tôi, đi ra ngoài.

Tôi chỉ mặc một cái áo bành tô, đầu không đội mũ, nhưng tôi không cảm thấy lạnh lẽo gì cả. Tôi bước dọc theo khu vườn lúc này đã bao phủ một lớp tuyết dày và đi ra bờ biển. Tôi cứ cặm cụi bước, mà không ngừng. Bàn chân tôi đã dẫm lên mặt nước đông đặc thành nước

đá. Bước chân đi rất dễ dàng vì trên mặt nước đó là những sợi tuyết bao phủ. Tôi cứ lao mình vào lòng một sa mạc trắng và nhẵn. Nước mắt ở đôi mắt tôi đã khô. Đầu óc của tôi không còn mang một ý nghĩ gì nữa cả.

Tôi vẫn cảm đầu bước. Mỗi bước chân đưa tới, tôi lại bị thu hút bởi khoảng rộng mênh mông trắng xóa và trống không đó. Ở đây không có đường đi, không có một dấu vết nào cả. Cuối cùng, sự mệt nhọc và giá rét bắt buộc tôi phải dừng chân. Tôi đưa mắt nhìn ra chung quanh chỉ thấy trống không và một màu trắng xóa.

Không, tôi không mơ !

Phải chăng đó là một giấc mơ ? Một giấc mơ không biên giới mà tôi không có hy vọng nào tránh thoát được. Tôi chỉ còn biết phục tùng, bị cái vô cùng kia chế ngự. Đó là số phận của một con ngựa đã kiệt sức, không còn một hy vọng nào

mong thấy được đoạn cuối của khúc đường. Đó cũng là số phận của những tâm hồn lang thang đi khắp đó đây và chỉ thấy nhíp điệu ở bước chân của mình. Thỉnh thoảng một đôi nơi, mặt tuyết phủ lên thật dày làm cho bước chân bị chôn chặt lại. Lúc đó tôi đứng lại, đưa mắt nhìn ra chung quanh, miệng lầm bầm như một cái máy :

— Ôi khổ đau ! Ôi buồn !

Đôi mắt tôi còn ôm lấy khoảng trống vô tận đó xem chừng cũng đã bạc phếch, trắng bạc như đôi mắt của nàng, và cũng như đôi mắt của nàng, không còn nhận lấy ánh sáng nữa !

Lúc khởi đầu cuộc đi, tôi còn nói một đôi chút, nhưng dần dần, tôi bị kiệt sức. Tôi bước và ngừng chân lại một cách rất im lặng. Cái lạnh không làm cho tôi đau đớn. Trái lại, không khí giá buốt đó luồn vào quần áo của tôi, ăn vào da thịt của tôi làm cho tôi cảm thấy là lạ. Nhưng rồi dần dần cùi nhỏ, đầu gối tê cóng lại. Không thể co

vào được. To lo lắng là từ chối của tôi có thể bị lòng lạnh nên tôi lại tiếp tục bước, quan sát tuyết dưới bước chân tôi. Tôi bắt đầu cảm thấy rất khó nhọc nhấc chân lên mà trời sắp tối. Có phải trời tối thật chẳng hay mắt tôi đã bị quáng gà nhìn màu trắng qua màu xám ?

Cho đến lúc tôi không còn nhìn thấy gì nữa cả... có lẽ tôi đã trở thành mù lòa rồi chăng ? Tôi vẫn tiếp tục nặng nề cất bước... cho đến khi tôi ngã quỵ và bất tỉnh.

Sau đó, tôi không còn nhớ gì nữa.



Tôi không còn nói thêm gì về tôi nữa.

Người ta kể lại cho tôi biết có một bọn ngư phủ đã tìm thấy tôi nằm bất tỉnh trên mặt tuyết. Đến bệnh viện, các y sĩ bắt đầu gỡ tuyết, nước đá bám dày vào tay chân của tôi. Tôi như người mất trí luôn trong hai ba tháng.

Norden gợi tiền lo săn sóc tôi. Rồi từ đó, tôi không bao giờ nghe tin tức gì về ông ta nữa. Bóng đen kia cũng biến mất. Tôi biết rằng hẳn không bao giờ trở lại nữa.

Bây giờ thì tôi sẽ rất vui mừng để đón hẳn nếu hẳn xuất hiện trở lại.

Vì bây giờ, tôi tự coi như đã chết rồi. Tôi không còn biết lý lẽ nữa. Người ta hỏi tôi : «Mày có cái gì ẩn ức trong lòng vậy ? Vì sao, mày không chịu lên tiếng ? Vì sao mày lại muốn chết ? »

Thật là khó nhọc cho tôi !

Chắc chắn rằng, vì thương mến tôi mà họ hỏi tôi như vậy. Tại sao họ lại đến giúp đỡ cứu sống tôi. Những câu hỏi đó làm cho lo sợ. Người ta có thể biết vì sao người ta chết không ?

Tôi không biết gì để trả lời họ. Sống mà vì sao họ làm khổ tôi ?

Bây giờ, tôi sống ở nhà người bạn tên M.V — người bạn mà tôi đã viết thư cho anh. Vào tuần lễ tới, vào cuối tháng năm, anh bạn đó muốn dẫn tôi về đồng quê. Lẽ dĩ nhiên, tôi rất vui mừng. Nhưng tại sao tôi cứ nói mãi, cứ hỏi mãi như vậy ?

Chiều hôm qua, chúng tôi dạo chơi trên mấy hòn đảo. Vui vẻ dễ chịu lắm. Nơi đây có nhiều du khách. Tuy đêm đến, tôi vẫn thấy một chiếc thuyền buồm ra khơi, chiếc buồm trắng xuất hiện khá lâu ở nơi chân trời.

Thế là hết. À ! Tôi quên nói với quý bạn là tôi không yêu Eleua, mà cũng chẳng yêu Moll. Tôi không nghĩ đến họ nữa.

Lần này, tôi hoàn toàn dứt khoát với họ.

LEONID ANDRÉEV
GIANG TÂN dịch



Tìm hiểu, phân tích và so sánh hai nhân vật Tây Hán :

TRƯƠNG - LƯƠNG

và

PHẠM - TĂNG

●●● ĐÔNG-TÙNG

(Tiếp theo)

Dã biết tới chuyện đó mà cuối cùng ông vẫn bị thua cuộc, thua cuộc bởi những nguyên nhân phức tạp khác. Chúng tôi sẽ nói rõ ở đoạn sau. Ở đây chúng ta chỉ nên phân tích hai người Trương-Lương và Phạm-Tăng đều là người tri kỷ tri bỉ. Chúng ta không nên căn cứ vào thành bại mà cho

ông nào hơn ông nào.

D. - NHƯNG PHẠM-TĂNG
LÀ MỘT NẠN NHÂN CỦA
NỘI GIÁN

Nã-Phá-Luân là một danh tướng của nước Pháp xưa có nói : « Một điệp viên đặt đúng chỗ, thường khi thâm nhập quả bằng mấy Sư-đoàn ».

Thiệt vậy, xét trong lịch sử Cổ, Kim Đông-Tây, vai trò gián điệp quả là tối quan trọng. Hàng chục sư-đoàn quân đội Nga-Hoàng bị quân Nhật đánh tan tành tại cửa Lữ-Thuận vào năm 1904, trong cuộc Nga — Nhật chiến tranh, chỉ nhờ công của một nữ gián điệp Nhật nàng Nhĩ - Hình.

Trong toàn bộ gián điệp nói chung, người ta khu biệt thành ba bộ phận là: Phản-gián, Nội-gián và Tử-gián. Nội gián điệp ngay ở nội bộ mình, bị đối phương bố trí đi sâu vào, cũng có khi người trong nội bộ mình vì lẽ này hay lẽ khác rồi trở lại làm gián điệp cho đối phương.

Nhưng trong trường hợp nội gián mà Hạng-Vũ và Phạm-Tăng bị ở đây là không đúng vào một trong hai trường hợp kể trên, nghĩa là không phải do Trương-Lương hay Lưu-Bị bố trí vào, mà cũng chẳng phải nội bộ của họ Hạng phản bội chi cả. Đây chỉ là một nguyên nhân rất phức tạp, mà chúng ta có thể

cho nó vào trường hợp ngẫu nhiên, vì nó ngoài sức tưởng tượng của Trương-Lương ngoài ý muốn của Phạm-Tăng và Hạng-Vũ.

Sở là Hạng-Vũ có một người chú, đồng thời là một tướng quan của Sở, tên là Hạng-Bá, vốn dĩ trung thành với gia tộc họ Hạng. Nhưng Bá là một người bạn tốt thân thiết với Trương-Lương. Khi Bá được tin Sở sẽ đem đại binh đi tập kích Lưu-Bang tại Quan-Trung, Bá sợ người bạn thân của ông là Trương-Lương sẽ bị chết vùi trong khói lửa, nên đang đêm đi ngựa sang mật báo cho Trương tránh đi nơi khác để khỏi chết. Thực ra Bá không có ý phản bội Sở, cứu Lưu-Bang, là kẻ thù không đội trời chung với Sở, mà chỉ vì tư tình muốn cứu một người bạn mà thôi.

Nhưng vô tình Bá đã làm tiết lộ bí-mật quân-sự quân-cơ. Khi biết quân cơ bị tiết lộ, Phạm-Tăng bèn bảo Sở Bá Vương đình chỉ việc tập kích để giết Lưu-

Bang-đem đó, vì lẽ đối phương biết trước tất nhiên sẽ chuẩn bị đề phòng.

Nhưng ở đây ta cũng phải dừng lại một phút để thần phục cái tài ba của Trương Tử Phòng đã tận dụng lá bài Hạng-Bá để gián tiếp thuyết phục Sở-Bá-Vương, phá đổ toàn bộ kế hoạch của Phạm-Tăng : Phen này định giết chết cả Lưu-Bang lẫn Trương-Lương.

Tiền Hán Thư Quyển thượng, hồi 22 với đề mục «Hạng Bá dạ tâu cứu Trương-Lương» Chép rằng :

«Trong khi Lưu-Bang và tướng vừa tới được Quan-Trung, tạm Bái-Thượng, thực lực còn yếu. Trương-Lương còn hết sức lo ngại Sở-Bá-Vương sẽ mang đại binh tới tiêu diệt. Thì một đêm không trăng sao, Trương-Lương được tin báo có ông bạn thân là Hạng-Bá tới tìm, Trương-Lương hết hồn vì ông biết trước việc sắp xảy ra rồi.

Thế rồi Trương-Tử-Phòng đã bố trí cho Lưu-Bang một diệu kế để thuyết phục Hạng-Bá, đồng thời gián tiếp Hạng-Vũ qua lời trình bày hộ của một ông chủ hiền lành gần như không hại là Hạng-Bá. Thế rồi trong đêm đó Trương-Lương theo chân Hạng-Bá tới doanh trại Hạng Vũ, để điều trần hộ Lưu-Bang. Cũng như Gia-Cát Không-Minh đã sang Đông-Ngô để thuyết phục Tôn-Quyền, Chu-Du trong trận đánh bại Tào-Tháo ở Xích-Bích vậy.

Trước sự trợn mắt phòng mang của Sở Bá Vương Trương Tử Phòng đã dùng ba táclưỡi, kèm theo con cò mồi Hạng-Bá để đánh đổ toàn bộ kế hoạch của Phạm-Tăng, lần đầu tiên là giết ngay Trương-Lương, rồi mang đại binh tiêu diệt Lưu-Bang để thống nhất thiên-hạ.

Thất bại trong kế hoạch đầu tiên, Phạm-Tăng vẫn chưa chịu xuôi tay, ngã lòng, mà ông cứ việc bố trí một kế hoạch thứ hai.

Tiền Hán Chí hồi thư 23, với đề mục : «Hạ vong Tần-Hồng-Môn thiết yếu» (Đại tiệc ở Hồng-Môn để khao mừng việc Lưu-Bang cùng nhau tiêu diệt Đinh-Tần) viết tiếp. Đây là một yến tiệc, do kế hoạch Phạm-Tăng bày ra, để lừa Lưu-Bang và Trương-Lương tới dự rồi đồng thời thanh toán luôn.

Họ Phạm nghĩ rằng lần này Lưu-Bang và Trương-Lương tới dự Hạng-Vũ lần này là tự dẫn thân vào lò sát sinh. Điều đó không phải là Trương-Tử-Phòng không biết làm sao hơn, vả chăng ông cũng đã nắm chắc được con bài Hạng-Bá để lèo lái cho Hạng-Vũ, phải theo kế hoạch của mình, mà Phạm-Tăng phải cần rằng ngồi nhìn thất bại. Và Phạm-Tăng đã giết chết vua tôi Lưu-Bang giữa bữa tiệc Hồng-Môn hội âm, đều bị Trương-Tử-Phòng phá vỡ hết. Phá vỡ đây chưa hẳn là tài trí họ Trương — đã hơn hẳn họ Phạm, mà yếu tố chính là vì con người Hạng-Vũ hiếu thắng, anh hùng rơm, hay là phụ nhân chi nhân, có

túc chi ái, không biết trừ khử một đối thủ lợi hại cho tương lai của mình, thêm vào đó là một con bài nội gián vô tình của Hạng-Bá, đã đem Phạm-Tăng từ thất bại này tới thất bại khác.

Và cuối cùng Phạm-Tăng bị phản gián thiệt, bị phản gián đến thất bại cuối cùng, rồi uất hận sôi lên, phát bối ung mà chết, sau khi bị Hạng-Vũ đuổi về.

Tây Hán Chí hồi thư 63 với mục :

« Trúng phản gián Phạm-Tăng tạo biếm » (Trúng kế phản gián Phạm-Tăng bị đuổi về) viết tiếp :

« Thất bại trong kế hoạch lần thứ hai của Phạm-Tăng vua tôi Lưu-Bang thoát chết, họ Phạm lại một lần nữa hiến kế cho Hạng-Vũ, phong cho Lưu-Bang vào Ba Thục (Tứ Xuyên) kế hoạch này đặt Lưu-Bang trước một bức tường. Không vâng lời chăng. Hạng-Vũ sẽ có cơ để

mang đại binh tới tiêu diệt. Vâng lời vào Ba Thục chẳng? Vào Ba Thục chỉ là một cách đi đây khéo, vì vào đó biết khi nào mà ra được? Đối với Hạng Vũ coi như đã thanh toán xong Lưu Bang, vì đã nhốt được con hùm vào cũi Phạm Tăng nghĩ thế.

Trước hai con đường cụt, vua tôi Lưu Bang sẽ theo con đường nào. Trước hết Lưu Bang ngỏ ý với mưu thần Trương Lương, nhất định không chịu vào Ba Thục thả chết chứ không chịu nhục,

Nhưng Trương Lương nói :
Ác sách của Phạm Tăng bày cho Hạng Vũ là đặt chúng ta trước một sự nhục nhã, nên chúng ta không đủ sức chịu đựng mà phải kháng hành với họ, thì họ đủ lý do dùng quân sự để giải quyết với ta. trong khi ta đang yếu. Bởi vậy, chúa công cứ việc vâng lời vào Ba Thục. nhưng là lùi một bước để rồi tiến hai, ba bước hơn, hay là làm liều một trận để rồi chết tốt hơn ???

Lưu Bang là một người rất phục thiện và biết nghe lời, cho nên khi nghe Trương-Tử-Phong nói những lời chỉ luận thế thì ông làm theo ngay.

Sau khi họ Lưu kéo quân qua Sơn-Đạo để vào Ba-Thục là con con đường tối hiểm trở và duy nhất, Trương-Lương hạ lệnh cho công-binh đốt phá hàng nghìn chiếc cầu. Họ Lưu hoảng hốt hỏi :

— Sơn-Đạo là con đường duy nhất để vào ra, tại sao quân sư lại cho đốt phá đi, rồi chúng ta sẽ ra bằng con đường nào? Không lẽ nắm chết mãi ở Ba-Thục sao? Trương Tử-Phong cười rử rồi giải thích :

— Đốt phá cầu Sơn-Đạo là cốt để đánh lạc hướng Phạm-Tăng và Hạng-Vũ, là chúng ta không dám nuôi mộng ra khỏi Ba-Thục mà kháng hành với họ nữa để họ tha hồ cao ngô ngử yên, trong khi chúng ta bướng oai sức nhuệ để

chờ ngày ra... Cái thành công của chúng ta mà cũng là cái thất bại của Phạm-Tăng và Hạng Vũ là ở chỗ đó. Tôi sợ kế hoạch này không qua nổi cái lão Phạm Tăng thôi.

Thiệt đúng như thế, sau khi Hạng-Vũ được tin là Lưu-Bang đi qua Sơn-Đạo đã đốt hết tất cả cầu, gã cười hã hã nói : Thế là cái lão Lưu-Bang sẽ chết già ở trong ấy, không còn dám có tham vọng ra nhảy múa ngoài này nữa đâu. Phạm-Tăng ngắt lời. Theo tôi thấy, Lưu Bang không phải là người không dám nuôi mộng lớn, thêm vào đó lại còn có lão Trương-Lương là một tay đa mưu túc trí, xin bệ hạ chớ có chủ quan, khinh địch rồi không đề phòng. Hạng-Vũ chống chế :

— Sao Ngài lại quá đề cao bọn đó như vậy?

— Tôi không đề cao đối phương, nhưng tôi cần phải biết và nói cho bệ hạ biết khả năng của đối phương, đó là Lưu-Bị và Trương-Lương.

Dự đoán của họ Phạm thiệt không sai chút nào : Lưu Bang vào Ba Thục, chiêu mộ thêm lính tráng, tướng lĩnh, mưu sảo thêm khi giới, lương thảo, lại được thêm Hàn Tín về dưới cờ, thực lực trở nên khá mạnh, trong khi đó, Hạng Vũ chỉ là một gã thô phỉ nằm vùng,

Con chim đã đủ lông cánh, tất nhiên con chim phải bay.

Hạng Vũ đóng đô ở Bành thành được mật báo rằng : Lưu Bang đang cho công binh tu bổ lại Sơn Đạo. Hạng Vũ rung đùi nói tự đắc.

— Hàng nghìn chiếc cầu, hoàn tất cũng phải ba hay bốn năm, trong khi ta bình định xong thiên hạ rồi, hỏi Lưu Bang còn đâu là đất đứng.

Thế nhưng Hạng Vũ đã lầm rồi (Chỉ riêng Phạm Tăng là lo ngại con đường gián đạo mà đại tướng Hàn Tín kéo quân ra khỏi Ba Thục không phải là con đường Sơn Đạo mà là « Trần

Trương » con đường chỉ có Trương Lương và Hàn Tín biết theo kiến thức địa dư học của ông. Hàn Tín biết khi ông bỏ Hạng Vũ về với Lưu Bang ở Ba Thục, cũng theo con đường này, con đường người tiểu phu đã bày vẽ cho ông. mà ông phải chém đầu người tiểu phu ấy.

Cho mãi tới khi Hạng Vũ hay tin, thì Hàn Tín kéo quân đi trước, Lưu Bang đi sau ra khỏi Ba thục, lược định xong Tam Tần rồi Thanh thế đã trở nên hùng vĩ, mối nguy hiểm của Sở Bá Vương đã bày ra trước mắt rồi, Phạm Tăng vô cùng lo ngại.

Tuy nhiên người túc tri đa mưu như họ Phạm ông không bày mưu thiết kế cho Hạng Vũ xoay chuyển lại tình thế. Sở là ông hay tin Hàn Tín đã kéo quân ra khỏi Ba Thục, bắt Ngụy báo chém Hạ Duyệt, chiêu phục ông nước Triệu, thôn tính luôn cả nước Yên, tới đâu như nơi đó không có người. Riêng Lưu-Bang chỉ đóng quân ở Vĩnh-Dương, ngồi nhận tin tức

chiến thắng của Hàn-Tín từ mặt trận đưa về. Phạm Tăng nói với Hạng-Vũ rằng: Trong lúc này mà mang đại binh đi đánh với Hàn-Tín là một việc hết sức thất sách, vì thế lực Hàn-Tín toàn thịnh. Theo tôi nghĩ, hiện nay bao nhiêu binh hùng tướng mạnh đều theo Hàn-Tín đi viễn chinh, ở Vĩnh-Dương với Lưu Bang chỉ còn lại một số quân già yếu... mặc dù có mưu thần Trương-Lương bên cạnh, như trên ngôi bụt và lỗ miệng có đản đầu nổi giặc? Vậy chúa công hãy mau mau giốc toàn lực đánh thẳng về Vĩnh-Dương. Vĩnh-Dương bị hạ, Lưu Bang bị bắt, khi Hàn-Tín trở về chỉ là một con rấu bị chặt đầu, không hơn không kém.

Đúng như thế, Lưu Bang ở Vĩnh-Dương hay tin Hạng-Vũ kéo đại binh tới vây thành Trương-Lương hoảng hốt nói: Đây quả là lão Phạm-Tăng đã biết, toàn bộ lực lượng của ta đang bỏ đi chinh phạt phương xa, nên gã đã bày cho Hạng Vũ «Bỏ nơi mạnh, đánh chỗ yếu

Thích thực đi công hù) là một nguyên tắc căn bản trong binh pháp.

Phạm-Tăng với Trương-Lương thật là kỳ phùng địch thủ, xà tri xà túc vậy.

Bây giờ ta phải làm sao? Lưu-Bang hỏi:

— Ngay bây giờ bệ hạ phải thực hiện ba kế hoạch:

1). — Chọn cho được một người có biệt tài ăn nói, tới ngay doanh trại Hạng-Vũ, xin điều đình với điều kiện, cắt Vĩnh-Dương để đồng lãnh thổ của Sở, ký hòa ước hòa bình giữa Hán-Sở.

2). — Lập tức báo tin cho Hàn-Tín, phải mang quân về giải Vĩnh-Dương gấp.

3). — Phải thực hiện cho bằng được một kế hoạch phản gián công phu, trong dịp tốt này, đề ly gián cho Hạng-Vũ Phạm-Tăng giết nhau nếu không phải rời bỏ nhau

thì chúng ta mới mong bình tĩnh nổi thiên hạ, còn Phạm-Tăng bên cạnh Hạng-Vũ ngày nào là ta còn chưa yên ngày đó.

Có lẽ chưa thấu triệt nỗi kế hoạch, cho nên Lưu-Bang còn hỏi lại, gần như quá ngây thơ.

— Đã nói chuyện giảng-hòa còn gọi Hàn-Tín về làm gì nữa? Đã có cuộc Hán-Sở bất tương xâm rồi, thì làm gì phải thanh toán Phạm-Tăng nữa?

Trương-Lương cười:

— Sao bệ hạ lại còn nghĩ và nói thế? Nói chuyện giảng hòa chỉ có nghĩa là làm cho giây đưa kéo dài câu chuyện, để có hi giờ cho Hàn-Tín kéo quân về kịp. Thực tế Hán-Sở không bao giờ có chuyện điều đình thực sự trong giai đoạn mà chúng ta đã gần toàn thắng. Muốn tiêu diệt Hạng-Vũ không thể không trừ khử Phạm-Tăng, vì Tăng là bộ đầu não của họ Hạng. Trước kia chưa khi nào ta dám nghĩ tới là vì hoàn cảnh chưa che phép

bố trí kế-hoạch phản gián để phản thanh toán Phạm-Tăng thì nay đã đến lúc có hoàn cảnh cho chúng ta thực hiện.

Người được Trương-Lương chọn đi thuyết khách về việc giảng-hòa là Tùy-Hà một tay ăn nói lưu loát nhất trong hàng ngũ tướng tá Lưu-Bang:

Khi Hạng-Vũ được tin Lưu-Bang sai Tùy-Hà sang giảng-hòa liền mở cuộc hội nghị mưu sĩ để bàn :

Phạm Tăng nói :

Việc giảng hòa của Lưu-Bang chỉ là một thủ đoạn xảo quyết do Trương Lương bày ra. Đó chẳng qua là một hoãn binh chi kế, để chờ Hàn-Tín kéo quân về kịp.

Vậy trước hết chúa công phải chém đầu Tùy - Hà rồi giốc toàn lực đáng gấp thành Vĩnh Dương bắt cho bằng được Lưu Bang. Nếu chúng ta hành động không

kịp thời, để Hàn Tín kéo quân kịp, thì đại cuộc chúng ta hỏng hết.

Lại một lần nữa Kỳ phước định thủ : Trương Lương nghĩ thế nào, làm gì ? đều không quyết. Mất nỗi Phạm Tăng, ấy thế cuối cùng họ Phạm phải bị thua cuộc, thua cuộc đây không phải vì tài trí bất cập (?) mà tại họ Phạm lái phải một chiếc không ăn tay lái là Hạng Vũ cuối cùng chiếc xe ấy đã đem nghiệp ông xuống hố.

Toàn bộ kế hoạch ly gián Trương Lương giao cho Trần Bình, một trong đám mưu sĩ của Lưu Bang đảm nhiệm với ngàn nén bạc và một số gấm lụa là.

Xét ra cho cùng thì toàn bộ kế hoạch đó cũng chẳng có gì xuất sắc kỳ diệu, cũng bỏ tiền ra thuê phao đồn tin nhảm, gây hoang mang trong hàng ngũ đối phương, cũng dùng tiền bôi lọ trong hàng ngũ địch, cũng bố trí đón tiếp khách Hạng

nhưng lại giả đồ hiền làm là khách riêng của Phạm Tăng, trong những thái độ trước trọng sau khinh, cũng giả đồ làm tiết lộ tư thư (mạo tử) của Phạm Tăng để lọt vào tay Hạng Vũ. Nói tóm lại đều là những kỹ thuật rất tầm thường như ta đã thấy nhiều trong các cổ thư, chứ chẳng có gì là lý kỳ tuyệt diệu như những sách bỏ thuốc độc của gián điệp chiến tranh hiện tại.

Nếu như Hạng Vũ không phải là một người đa nghi doãn trí, thì những chiến thuật rất tầm thường ấy cũng không đến nỗi mắc bẫy,

Hạng Vũ mắc bẫy, phản gián kế của Trần Bình, xích trặc Phạm Tăng về vườn. làm ông phải uất hận sôi lên đến nỗi phát bổi ung mà chết.

Từ xưa tới nay người ta phê bình Phạm Tăng đã nhiều. Nhưng theo chúng tôi thì có lẽ hai

câu sau đây của Quách-Mạt-Nhược là phần đúng hơn cả.

«Họ-Phạm là một nhà Nho, chịu ảnh hưởng Luân-Lý Nho-Giáo cho nên khi biết Hạng-Vũ là một người nói không nghe, nhất định sẽ làm hỏng việc. Lưu-Bang là một người ngôn thính kế dụng, tương lai sẽ thành công. Nhưng ông trót ra đời về với chủ chúa họ Hạng rồi, Luân-lý Nho-Giáo không cho phép ông bỏ người này theo người khác.

●●●



Lụt ở Huế

Ngồi co ro uống nước trà
Mưa trên mái những buồn xa một mình
Thơ trong ta đã trở buồn
Đêm chiêm bao thấy chiều hồn bóng em
Ba ngày nổi nhớ cao lên,
Như cơn nước lớn vỡ trên mạn giương
Thôi tôi rồi với dáng buồn
Hai tay bó gối vùng thương thổ dài

1.11-1970 Huế

trong quán văn

Ta trong chiều cả phê văn
Trông hơi thuốc, giữa giọng trầm tiếng
thơ

Kỳ cang nghiêm gặp tình cờ
Cơn mưa lạnh thật và vơ vẩn buồn
Ra đi sóng gợn trong hồn
Rồi ta đã thấy nghe thương phận mình
Cuộc tình như án chém treo
Ta thân lang vẫn bọt bèo đó phương

15-11-70 Huế

MỘT THƯỞ'

TIN YÊU

... HOÀNG DIỆP

VỪA tỉnh giấc khi nắng
đã lên cao — Tôi trở mình,
muốn kéo dài thêm giấc ngủ
lười biếng chợt nhớ lời mẹ dặn
« Sáng chủ nhật này con nhớ
xuống Gia-định, chú nhấn việc
gi đó ». Tôi giật mình, vươn
vai ngồi dậy. Tiến lại bên song
— Ngoài kia trời nắng đẹp,
những dải mây lãng-băng bay
bay, tan dần về các ngõ xa —
đường phố nhộn nhịp người xe.
Một chương trình được định
nhanh qua óc — « Đến rủ Bích

đạo Saigon tìm một hàng vải
mới cho cái áo dài, ghé nhà
Chú — Chiều hai đứa đi một
chầu xi-nê. Thế là xong một
ngày...

Tôi bước nhanh xuống nhà
miệng cá khế « Trời hôm nay
xanh xanh gió trong lành mơn
man tà áo, làn mây xanh vẩy
quanh...

— Diệp ơi ! dậy rồi hả con —
Mẹ tôi hỏi vọng lên khi nghe
tiếng con nhỏ riu rít trên nhà —
Tôi dạ lớn tiếng và nói với mẹ.

— Được ngày nghỉ con đây muộn quá phải không mẹ ?

— Chị Thi con nó đi chơi rồi.

— Thưa mẹ thế à, nhưng không sao vì chúng con không thích đi chơi chung đâu mẹ à.

— Nhưng xe con nó đi rồi — nó có việc cần phải đi.

— Trời ơi ! chị ấy hại con rồi, được ngày nghỉ lại chồm mất xe thì chân căng đau mà con đi chơi... miệng nói, chân tiến về bể nước.

... Tôi đánh răng, bọt kem đầy miệng thơm thơm nồng — tôi nghĩ đến ngày hôm nay, đến ngày qua và cho ngày mai



Mở tủ áo, tôi tần ngần chọn lựa — chiếc robe xanh, bộ cao bồi tím, chiếc áo dài hồng — à ! có cả cái nơ hồng. Tôi thay áo lệ làng, ngắm nghía trước gương. Hiệu «Dung» may khéo quá — hai đò vai nở, gò ngực thẳng căng, đi một vòng rồi thất lại,

thất lại xong phồng lên nơi hạ tà úp mình khấp nép. Tôi mỉm cười với mình trong gương. Chiếc áo mới may nịnh thân hình mình quá...

Tôi nhí nhảnh trong tà áo hồng, chiếc nơ được gài duyên bên mái tóc, xách ví đỏ, đi dép trắng, đeo kính nâu Rayban gọn nhẹ màu vàng.

— « Đường ta ta cứ đi, dù xe không có nhà thì vẫn vui như thường »

— Thưa mẹ, cho con đi chơi, xong trưa xuống chú mẹ nhé.

— Thế trưa không về ăn bún chả sao con ? Mẹ làm ngon lắm.

— Bún chả ? Ồ ! ngon quá. Con sẽ về sớm ăn bún chả mẹ nhé.

Tôi cười tí toét ôm mẹ hôn rồi liến thoắng bước nhanh ra cửa.



Con Đường Lý Thái Tổ hôm nay sao đông thế ! Người rồi xe. Khu phố Tàu Bay, nhà thờ Bắc Hà người chen người, dạt cả xuống mặt đường, áo xanh, áo đỏ, áo tím, áo vàng bay bay, bay bay... Xếp hàng. Từng chiếc taxi vụt qua, cái nào cũng đã có người. Một, hai, ba, rồi bốn, năm, sáu, tức quá. Mồ hôi bắt đầu rịn ra lưng áo. Tôi cảm thấy từng tức bà Thy nhà tôi làm sao !!! Không thêm đón xe nữa tôi ngắm trời, nhìn mây..

— A ! Cô bé đây rồi ! Trốn mãi tuần này bắt được rồi nhé !

Tôi quay lại, Sương đang cười, cười rung hai vai, cười nhe răng, cười toét miệng, nhún vai tôi khẽ nói :

— Chờ xe lâu quá anh.

— Xe em đâu ?

— Bà Thy đi mất rồi !

— Tôi không ! đi đâu anh chờ đi nào ? tài xế này suyá lắm.

— Thôi không thêm đi việc này không có anh được đâu.

— Bí mật thế cơ à ? anh biết rồi ! Sương cười.

Hai đứa đứng nói chuyện. Thêm hai kẻ làm chật đường đi

— Điệp à, không cho anh đi thi thôi, mình vào quán nước nói chuyện một lát đã nghe em

— Không.

— Kia, vương đường thiên hạ em thấy không ?

Tôi quay lại khi chiếc xe lam đang loay-hoay tìm chỗ đậu, vài người nhìn chúng tôi lom lom — ngượng ngập tôi leo lên sau yên xe và giao hẹn :

— Chở em xuống Gia-định đi — xuống nhà chú em nghe.

— Cho anh vào nhé ?

— Không được — chú khó lắm !

— Thế anh đứng ngoài đợi, xong chở em về ?

— Thôi

Sương rờ má, chiếc xe lao mình đi, quanh quanh qua các con đường — mãi nói chuyện tôi không để ý đến lúc xe ngừng tôi đây này — ơ kia ! sao lại ngừng đây ? đường Lê-quang-Định cơ mà anh !

Sương quay lại cười, nắm tay tôi nói.

— Không đi đâu hết, bắt cóc được rồi mình phải đi chơi với nhau em biết không ?

Tôi phụng phịu

— Anh ăn gian quá

— Điệp ơi, sở thú hôm nay có hội chợ, mình vào xem rồi xuống chủ sau — nói thật nhé — chẳng phải vô-tình đâu — anh chờ cô bé từ 8 giờ cơ đấy.

— Anh kỳ ghê vậy đó.

Sương cười híp đôi mi, đem xe tìm chỗ gửi, tôi không phản đối, mua vé hai người — Sương

và tôi vào cửa. Tay chàng quàng vai tôi song song bước, chú tôi qua hai trạm kiểm soát. Những cô bán vé nhìn theo tôi thăm.

— Điệp ơi ! họ đang nhìn em — tại em đẹp quá !

— Anh thật chỉ khéo nịnh, em về bây giờ.

Chúng em đi xem từng gian hàng, hôm nay triển lãm gà. Các loại : ăn thịt, để trứng, lông giống ..

— Anh Sương, em chẳng thích này đâu, mà chỉ thích nhìn con gà rôti, những ly hột soda sữa đá hé anh ?

DECAPAN

THUỐC THOA. CHUYÊN
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI
DA.

Sương cười tắt nhẹ má tôi.

— Xấu quá, sao ham ăn thế hả cô bé ?

Tôi cười, rúc đầu vào vai Sương nói nhỏ :

— Thế bộ anh không ham ăn hả.

Chúng tôi bật cười. Sương siết mạnh vòng tay kéo tôi sát lại bên chàng. Tôi mơ hồ thấy chàng cúi xuống mái tóc bông...

— Ê Sương ! chúng tôi quay lại, gặp ngay Thăng đang cười nheo nheo bên con mắt.

— Bọn thằng Linh đang tìm mày đó.

Sương cười quay sang tôi,

— Trốn đi em, mình không xem khu hàng này nữa, bọn nó chứa là phá đám gặp chúng nó giặc lắm.

Hai đứa rời gian hàng gà, đi quanh co theo con đường nhựa bao vòng sâu cỏ non, xa dần

chỗ ồn ào đến nhịp cầu bắc ngang con lạch nhỏ. Dòng nước xanh trong lặng lẽ in hình cây lá — những cây mà chúng tôi không biết tên. Tôi nghịch ngợm lấy kính của Sương đeo vào mắt soi gương trên nước. Sương đeo kính của tôi — ngộ quá em — mình đổi kính nhé ?

Tôi nghiêng người ngắm Sương cười hăng hắc.

— Không được ? trông anh xấu quá, đeo kính con gái trông xỉ quá.

Sương chum môi cười duyên.

— Xấu sao lại có người ngắm mãi.

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CÚM

Tôi nhéo Sương nơi bắp tay non vùng vắng — ghét quá — ghét anh quá, hể nói là nhạt em rồi, em đi về à...

— Thôi cho anh xin, bắp tay chảy máu rồi đây này. Vừa nói chàng vừa vén tay áo lên cho tôi xem vết tím hồng và làm bộ nhăn nhó.

— Thôi mà, anh đau lắm hả? em xin lỗi nhe, ai bảo tại anh?.

Chúng tôi nhìn nhau cười, im lặng. Tôi cúi nhìn mặt nước thoáng suy tư.

— Em nghĩ gì?

— Không có.

— Đừng chối, anh thấy nơi mắt em. Tôi cười quên nghĩ ngợi Sương lấy chiếc mũ Scooteur đội lên đầu tôi nói:

— Ánh nắng mặt trời gian quá, xuyên qua kẽ lá, leo lên má em tôi, phải che đi mới được.

Tôi quay lại, nhìn sâu vào đôi mắt long lanh sáng của Sương.

Chúng tôi nói chuyện trời mây non nước, bàn thiên hạ sự rồi chuyện của mình. Bỗng Sương chỉ sang băng đá bảo tôi:

— Kia em! những đứa bé kia xinh quá, con chúng ta sau này chắc sẽ xinh hơn hẳn em?

— Xấu í.

— Không, chúng sẽ đẹp giống em, chúng sẽ sạch sẽ ngoan ngoãn do sự săn sóc, giáo dục của mẹ chúng.

— Không, giống em thì xấu chết đi. Chúng sẽ giống anh hết cả nhưng em sẽ không cho chúng giống bố chúng cái đa tình.

— Giống em.

— Giống anh cơ.

ANACINE
TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

— À, Diệp, sau này con mình chắc sẽ khôn và thông minh lắm, anh tin chúng chẳng kém ai.

— Em nghi chúng ư i đó anh.

— Sao vậy?

— Tại bố nó lạnh quá cướp hết cái khôn của chúng chứ sao.

Sương chớp mắt. Một thoáng suy nghĩ rồi cướp lời:

— Thôi đi bạn ơi! đừng dọa. Con anh sẽ cho giống em.

— Không thêm, cho giống anh. Nếu chúng hư em sẽ bảo rằng chúng giống bố.

— Hừ, cô bé này lâu cá quá, chúng hư là anh sẽ đánh mẹ chúng đó nghe.

— Ơ! gì mà kỳ thế, em không thêm đâu, anh ăn gian quá à... Tôi phụng phịu quay mặt đi. Sương quàng vai tôi thì thầm,

— Thôi thì giống cả hai vậy: em có chịu không? Hai đứa bật cười,

— Anh thì chỉ khéo chọc em giận rồi lại khéo hòa...

Sương nắm tay tôi mân mê những ngón dài. Nhìn mặt nước suy tư. Tôi khẽ hỏi:

— Anh nghĩ gì? Buồn em phải không?

— Không, anh đang tưởng tượng đến sau này chúng mình chung sống với nhau. Gian nhà nhỏ vang tiếng trẻ nò đùa. em làm cơm, anh sẽ n...ế, m hợ.

Sương dài miệng. Tôi bật cười.

— Trời ơi! mơ mộng gì mà chỉ nghĩ đến ăn thôi, thế mà cứ bảo mình le chả ham ăn đâu, Sương cười khanh khách, kéo

TELMIN
TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM ★ NGON ★ NGỌT

đầu tôi cùng đầu chàng:

— Ô ! chết thật, một giờ trưa rồi em. Mãi bên nhau quên cả đói, bây giờ mình đi ăn cơm Tây nghe ?

— Anh ăn cơm Tây, còn em thì ăn cơm Tàu.

— Hừ, Sương nhường mày. Tôi nhún vai cười né tránh :

— Chúng tôi đi ăn, đi chơi. Khi chiếc xe tình mang tôi về thì đã sáu giờ chiều. Thế là chẳng mua áo. Chẳng xuống chú mà cũng quên ăn bún chả,

— Anh Sương à, thế là tại anh mà công việc của em ứ đọng cả.

Sương ngoài đầu lại, dựa nghiêng bên tôi bảo nhỏ.

— Đẹp hết đi em, anh không thắc mắc gì cả.

— Anh thật xấu, lỡ việc của em chứ anh mà cần gì.

— Mai em dạy sáng hay chiều ?

— Chiều.

— Thế nghĩa là trưa mai me đi B. H phải không ? sáng nay anh sẽ dẫn đi sắm áo.

— Thôi, không thêm, mẹ định nhin về Gia-định em sợ đấy, mẹ biết thì chết, mà chú cũng nhần nữa, lỡ tuần này chú rầy.

— Với chú, em bảo là cháu bạn.

— Không lẽ nói bạn vì anh.

— Ủ, dám nói không ? anh nói hộ.

— Dóc, đồ anh đấy !

— Thế thì em bảo cháu bạn vậy.

— Nhưng mẹ biết em đi chơi mà.

— Thì em nói con gặp cô bạn gái rủ đi tìm người hoán chuyển về sàigòn.

— A ! xui em nói dối nhé. Sau này nếu con nhỏ có hay phia thì không được trách đó, tại anh tập cho em đấy nhé.

PHỒ.THÔNG — 258

Sương quay lại phía sau, tìm tay tôi bầu nhẹ.

— Lém lảm bé ơi ! anh ghét quá.

Chiếc xe lăn bánh đều, dù Sương cố giảm tốc độ nó vẫn đi và đến đường vào nhà. Tôi bảo Sương đừng xuống đi bộ.

Tôi nghiêng mình chào, Sương cười.

— Tuần sau gặp nhau nghe em.

— Không thêm — Tôi nguyệt Sương rồi quay lưng — Được một đoạn xa quay lại tôi thấy Sương vẫn ngồi nguyên thế cũ nhìn theo.

Đường vào nhà trơn láng quanh quanh. Hai hàng cây rung rinh lá. Tôi bước đi và thấy vùng trời trước mặt hồng lên ánh trời chiều. Tôi mơ hồ thấy trong vùng thăm thẳm đó

có tôi, có Sương, có bạn bè, có tiếng cười rộn rã có tiếng nô, có nhạc có ca và... xa hơn nữa có tiếng trẻ nô đùa — có tiếng đàn của Sương réo-rắt có tiếng tôi ca trầm buồn và ấm cúng hơn hết là dáng tôi bèn bấp lửa hồng, dáng Sương đứng sau nệm họ.

HOÀNG-ĐIỆP.

12-11-1970



PHỒ.THÔNG — 259

Chế độ bảo

hiểm và xã

hội tại

TÂY ĐỨC

★ ĐÀO THỊ NGỌC DIỆP

N Ở C Đức thường được biết đến là một nước tiến bộ về kỹ thuật, nơi sản xuất ra nhiều nghệ sĩ triết gia. Một điểm khác ít người biết hơn ấy là Tây Đức là một trong những nước có chế độ bảo hiểm xã hội hoàn hảo trên thế giới tuy chưa đạt đến mức của các nước Bắc Âu nhưng hơn cả Hoa Kỳ và vượt

xa các nước Âu châu khác như Pháp, Ý.

A)- Chế độ bảo hiểm:

Ngược dòng lịch sử, cuối thế kỷ thứ 19 Đức bắt đầu duỗi bước tiến về kỹ nghệ của cường quốc Âu châu trong thời hạn ngắn nhất. Do những chênh lệch trong xã hội sự bất bình đẳng do sự biến đổi của kỹ thuật gây ra càng nhiều hơn và người ta cố gắng tìm những biện pháp để hàn gắn những vết thương xã hội này. Các nghiệp đoàn, đảng xã hội, giáo hội công giáo và tin lành cố góp sức vào công cuộc đó. Đến năm 1884 khi ấy là Thủ tướng nhìn kết quả những cố gắng với con mắt nghi ngờ. Ông cho rằng việc giải quyết những vấn đề xã hội là trách nhiệm của nhà nước và tìm cách giúp đỡ giới thợ thuyền khi họ ốm đau, tai nạn nghề nghiệp hoặc già nua. Thâm ý của ông là muốn thu phục nhân tâm của giới thợ thuyền. Ý nghĩ của ông được thực hiện bằng những đ

luật về chế độ bảo hiểm : bảo hiểm ốm đau (1883), bảo hiểm tai nạn (1884), bảo hiểm tàn tật và bảo hiểm khi về già (1889)

Những đạo luật kể trên cho đến nay vẫn là nền tảng của chế độ bảo hiểm xã hội tại Đức sau những sửa đổi ngày một hoàn hảo hơn cho hợp với hoàn cảnh của một thế giới mới.

Để nhắc lại một lần nữa, qua từ ngữ « bảo hiểm xã hội » ta hiểu đó là bảo hiểm tật bệnh, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm để được trả lương hưu trí và thêm vào đó là bảo hiểm thất nghiệp. Theo thông lệ đối với những người đi làm việc như công tư chức, giới thợ thuyền bắt buộc phải vào những thứ bảo hiểm vừa kể. Tuy nhiên họ chỉ phải trả một nửa tiền đóng hàng tháng được trừ ngay vào lương, còn nửa kia sẽ do chủ nhân hoặc chính phủ trả.

Dưới đây là đi sâu vào từng thứ bảo hiểm :

1). Bảo hiểm để được trả lương hưu trí :

Tất cả những người đi làm việc không phân biệt là công hay tư chức, thợ thuyền nói chung hoạch là thợ mỏ đều được hưởng những quyền lợi của thứ bảo hiểm này, nghĩa là khi họ về già đến 65 tuổi, đàn bà 60 tuổi đều được hưởng lương hưu trí. Trong trường hợp họ bị bệnh tật kéo dài mất khả năng làm việc, thì quỹ bảo hiểm sẽ tiếp tục trả tiền cho họ sinh sống. Trường hợp đương sự mất đi, vợ con họ được hưởng hàng tháng một món tiền. Tuy nhiên số tiền vợ con được hưởng ít hơn số tiền chính đương sự có thể nhận được. Hàng tháng những người làm việc trả một số



tiền vào quỹ bảo hiểm, nhiều tiền ít theo số lương họ kiếm được. Số tiền hưu trí sau này họ được lãnh do đó sẽ tùy thuộc vào tổng số món tiền họ đã đóng khi họ đi làm. Một câu hỏi được đặt ra ở đây: thời giá ngày một biến đổi, số tiền họ đóng trước kia có thể ít hơn đối với mức sinh hoạt hiện tại, vậy làm sao họ có thể sinh sống được? Ngày nay ở Đức người ta theo nguyên tắc «hưu trí động» (dynamische Rente) nghĩa là tiền hưu trí sẽ được tăng theo giá sinh hoạt. Mức độ tăng này sẽ do chính phủ quyết định, cũng chính chính-phủ đứng ra bảo đảm về tiền lương hưu trí. Trong một hoàn cảnh nào đó, cơ sở bảo hiểm không đủ tiền để trả cho các người hưu trí (thí dụ trường hợp sau chiến tranh) thì lúc đó chính phủ sẽ phụ cấp thêm để người được lương hưu trí vẫn có thể sống được. Chính phủ cũng có thể ra 1 đạo luật để tăng tiền hưu trí lên cho tất cả mọi người. Ở Đức cũng đã xảy ra những trường hợp biểu

tình đối tăng lương hưu trí hoặc tăng tiền trợ cấp cho cô nhi quả phụ.

2) Bảo hiểm tai nạn:

Nếu người đi làm bị tai nạn không thể làm việc được hay không thể hành nghề được họ cũng được hưởng một phần hay toàn phần lương hưu trí tùy theo tai nạn nặng nhẹ.

3) Bảo hiểm thất nghiệp:

Một khi người đi làm không có lỗi gì mà bị sa thải thì được hãng bảo hiểm bồi thường thất nghiệp. Mỗi tuần đương sự phải đến Sở Lao-động để sẵn sàng nhận những công việc



Sở Lao-động có thể tìm cho chứ không phải lợi dụng dịp này ngồi nhà nghỉ ngơi mà tiếp nhận bảo hiểm thất nghiệp toàn. Số tiền bảo hiểm bồi thường thất nghiệp này đương sự cũng chỉ được lãnh cho một khoảng thời gian nhất định (khoảng 6 tháng). Sau đó nếu đương sự vẫn chưa có việc làm thì chính phủ Liên-bang sẽ trợ cấp cho đến khi họ kiếm được việc (nước Đức là 1 Liên-bang gồm có nhiều Tiểu bang). Ngoài ra trong thời gian thất nghiệp có thể Sở Xã-hội sẽ đảm nhận một phần nào tiền thuê nhà của đương sự.

4) Bảo hiểm ốm đau:

Bảo hiểm ốm đau có nghĩa là người đi làm và gia đình vợ con sẽ không phải trả phí tổn bác sĩ, thuốc men, tiền nằm nhà thương khi đau ốm. Trong trường hợp có giấy chứng nhận của bác sĩ là bệnh nhân cần phải đi nghỉ, hãng bảo hiểm

cũng phải đảm nhận những phí tổn cho thời gian dưỡng bệnh này. Trường hợp bệnh nặng hay những ngoại lệ như mô tim, thay thận, phí tổn nhiều hơn, cũng có những hãng bảo hiểm nhận trả. Cứ 3 tháng 1 lần đương sự và cả gia đình vợ con mỗi người nhận được 1 phiếu để đi khám bác sĩ trong thời gian 3 tháng, Họ không phải trả một phí khoản nào cho bác sĩ và bác sĩ tính tiền thù lao thẳng với hãng bảo hiểm, cũng như khi bác sĩ cho toa thuốc, đương sự chỉ việc mang lại hiệu thuốc thuốc lấy thuốc về dùng, hiệu thuốc sẽ thanh toán thẳng với hãng bảo hiểm. Có 2 loại bảo hiểm ốm đau cho những người đi làm tùy theo số tiền họ kiếm được hàng tháng.

a — Đối với những người đi làm lãnh lương dưới mức trung bình: họ bắt buộc phải vào quỹ bảo hiểm Địa-phương. Sở dĩ phải bắt buộc họ là vì có thể vì kiếm ít tiền

nên họ không lo xa, không chịu vào bảo hiểm. Do đó phải bắt họ vào nhưng họ chỉ cần trả một nửa số tiền đóng hàng tháng thôi, còn nửa kia chủ nhân phải trả.

b — Đối với những người đi làm nhiều lương hơn :

họ không bị bắt buộc vào phải quỹ bảo hiểm ốm đau địa phương mà có thể tự do lựa chọn một hãng bảo hiểm tư nào khác. Họ cũng không được chủ nhân trả một nửa phí tổn bảo hiểm hàng tháng như những người đi làm lãnh lương dưới mức trung bình.

Khác với bệnh nhân hạng a) thuộc quỹ bảo hiểm ốm đau địa phương một khi đi bác sĩ những bệnh nhân hạng b) phải tự trả tiền thù lao cho bác sĩ và tiền thuốc men, sau đó họ sẽ được hãng bảo hiểm tư trả lại một phần hay toàn phần phí tổn tùy theo họ bảo hiểm nhiều hay ít.

Trong trường hợp ốm bệnh nhân được hưởng một tiền ốm đau (Krankengeld) để thể sinh sống được khi không làm việc.

Tất cả các loại bảo hiểm trên đặt dưới quyền kiểm soát của Bộ Nội Vụ Liên Bang. Dưới quyền Bộ này là Sở Bảo hiểm Liên bang trụ sở ở Bá linh lo tiếp tất cả những gì liên quan đến chế độ bảo hiểm. Trong chế độ bảo hiểm không phải lúc nào cũng êm thấm có sự đồng ý của cơ sở bảo hiểm và người bị ốm, nhiều khi họ phải ra trước «Bà Tòa Ông Lạ» trong trường hợp này là Tòa án xã hội.

Trong những năm trước chiến thứ I ở Đức có khoảng 15 triệu người vào bảo hiểm ốm đau (nghĩa là cứ 4 người bị ốm thì có 1 người vào bảo hiểm trong khi đó ở Pháp cứ 9 người mới có 1), số người vào bảo hiểm tai nạn khoảng thời gian này lên tới gần 25 triệu người.

Ngày nay sau những sửa đổi, hoàn cảnh còn khả quan hơn nữa. Có thể nói ở Đức hầu hết ai cũng vào bảo hiểm cả. Một lý do rất giản dị ví dụ trường hợp ốm đau nằm nhà thương 2 tuần hạng nhì phải trả có khi tới 500 Dollars, nếu không có bảo hiểm thì làm sao tự mình trả nổi ?

Một vài lớp người ngoại lệ :

Sinh viên và học sinh ngoài chuyện do cha mẹ bảo hiểm cũng còn có thể vào bảo hiểm ngay tại trường hoặc tại Đại học. Họ chỉ phải trả một số tiền nhỏ cho mỗi học kỳ và vẫn được hưởng những quyền lợi thường lệ.

Các gia nhân cũng có bảo hiểm trong trường hợp này chủ nhân phải đài thọ bảo hiểm ốm đau. Người ngoại quốc nếu đi làm ở Đức thì cũng theo quy chế chung như một công dân Đức vậy.

Tuy nhiên nếu họ không «ở đời» ở Đức thì khi nước họ về có

quyền lấy lại số bảo hiểm hưu trí đã đóng.

B Những trợ giúp xã hội :

Ngoài chế độ bảo hiểm xã hội bên trên chung cho hết mọi người, để giúp cho những hoàn cảnh đặc biệt, chính phủ Đức còn đặt ra nhiều trợ cấp xã hội khác. Tại mỗi tỉnh có những Sở xã-hội đặc biệt lo vấn đề này với sự góp sức của nhiều nữ trợ tá xã-hội. Thêm vào đó sở lao-động, sở phân phối nhà cửa cũng hoạt động theo hướng này trong phạm vi của mình. Dưới đây xin kể một vài hình thức trợ giúp xã hội.

1) Những căn nhà xã hội :

Những người đông con hoặc kiếm được ít tiền có thể cấp nhà xã hội. Sau chiến tranh và cả bây giờ nữa vấn đề nhà cửa vẫn còn là vấn đề khó giải quyết ổn thỏa đối với nhiều gia-đình. Song song với việc các tư nhân bỏ vốn ra xây nhà bán hoặc

cho thuê, chính phủ cũng xây cất dưới hình thức cho nhà thầu tư nhân vay với một số lời nhẹ, với điều kiện những nhà thầu này chỉ được cho thuê lại những căn nhà mới xây bằng một giá hạ. Người ta gọi loại nhà này là « nhà xã hội ». Có thể ta sẽ hình dung đó là những giấy nhà nếu không lụp xụp thì cũng thiếu khan trang như thể mới hợp với danh từ « xã hội » có tính chất « làm phúc » hơn. Trong thực tế đó là những cao ốc tới 14, 15 tầng, ở tương đối xa thành phố tại một khu thoáng mát, cây cối xanh tươi. Mỗi gia đình được 1 appartement nhiều phòng : phòng ăn, phòng ngủ, phòng khách, bếp... đầy đủ tiện nghi. Một khi những trú cư này mọc lên là liền đó cũng xuất hiện những siêu thị, nhà thờ. Ngoài ra nhà thầu cũng xây cất các vườn trẻ cho trẻ em chơi và chính quyền cũng cho thiết lập những trường học gần đó. Thường ai muốn ở nhà xã hội — đông con, lương ít — cũng có thể làm đơn xin. Việc cấp nhà

tương đối hợp lý, công bằng, không có cảnh những ông bự vắn phây phây chiếm nhà xã hội. Sau khi làm đơn phải chờ đợi ít nhất 6 tháng hoặc từ 1 đến 2 năm tùy theo hoàn cảnh nhà cửa của từng vùng, nhưng bao giờ số cung cũng ít hơn số cần cho nên những người được ở nhà xã hội kể cũng là may mắn.

2) Trợ cấp tiền thuê nhà :

Những ai làm kiếm ít tiền mà không được nhà xã hội có thể được trợ cấp tiền thuê nhà. Phần đông người Đức đều được



hưởng món trợ cấp này, từ giáo sư, công chức cho tới công nhân số tiền trợ cấp nhiều hay ít tùy theo lợi tức và nhân số trong gia đình — Đại thể phụ cấp tiền thuê nhà được tính bằng cách sau đây: chính phủ ấn định mỗi người được ở 20m vuông một gia đình 5 người dù lớn nhỏ được ở 100m vuông. Ví dụ giá trung bình thuê 1m² phải trả 1 Dollar, như vậy gia đình 5 người phải trả tiền thuê 100 Dollars. Vẫn trường hợp ví dụ, không phải trong thực tế, nếu gia đình này kiếm được 200 Dollars, dĩ nhiên họ không thể trả tiền nổi 100 Dollars tiền thuê nhà. Họ sẽ làm đơn nộp ở Sở Phân phối nhà cửa, họ sẽ được trợ cấp cho mỗi mét vuông một số tiền nhất định nào đó, thí dụ nửa Dollar mỗi mét vuông, tức là họ được trợ cấp 50 Dollars hàng tháng tiền thuê nhà. Những ai muốn xin trợ cấp tiền thuê nhà phải nộp đơn mỗi năm 1 lần kèm tờ khai gia cảnh, giấy khai lợi tức. Nếu được họ sẽ lãnh tiền trợ cấp từng tháng một qua bưu điện hoặc qua

trương mục ngân hàng của mình.

3) Chuyển khích xây nhà :

Như đã nói vấn đề nhà cửa tại Đức vẫn chưa giải quyết được ổn thỏa mặc dù có riêng 1 Bộ Kiến Thiết lo vấn đề này. Do đó chính phủ khuyến khích những ai muốn xây nhà riêng hoặc mua appartement. Những người này được chính phủ tặng không mỗi năm khoảng 100 Dollars, được miễn một số lớn thuế lợi tức hàng năm với điều kiện họ phải mở 1 trương mục để dành tiền xây cất hoặc mua nhà tại những Cơ-Sở chuyên lo việc kiến thiết.

4) Trợ cấp tiền cho nhi đồng :

Công chức không được trợ cấp này vì đã được lương con. Những giới khác lợi tức ít, nhiều con, có thể được trợ cấp nhi đồng kể từ đứa con thứ hai trở đi. Cho đứa con thứ hai được 25 Đức-Mã, đứa thứ 3 được 50 Đức-mã, đứa thứ tư

60 Đức-mã, và từ lứa thứ 5 trở đi mỗi lứa con được 70 Đức-mã, tức là càng đông con càng được nhiều trợ cấp. Tuy nhiên gia đình Đức thương chỉ có 2 con là nhiều, ai từ 3 con trở lên đã là ngoại lệ lắm. Tiền trợ cấp nhi đồng được ủy cho Sở Lao-Động đảm nhiệm.

5) Trợ cấp của Sở Xã-hội.

Mặc dù chế độ xã hội được chức chu đáo nhưng để cho những người vì một cơ nào đó lâm vào cảnh túng thiếu Sở Xã-hội sẽ trợ giúp tùy trường hợp. Xin kể vắn tắt một vài hình thức: trợ cấp cho các bà mẹ sắp sanh và những người dưỡng sản cho những người bị bệnh lao, trợ cấp học nghề, trợ cấp sinh sống cho những người cùng cực,..

6)- Những cơ sở xã hội tư :

Ngoài những cơ sở xã hội của chính phủ còn có những cơ sở

tôn giáo của Tin Lành, của Công giáo nhằm giúp đỡ cơ sở những người nghèo khó già cả. Họ giúp đỡ không những về vật mà cả về tinh thần. Những cơ sở này được phép đến từng nhà quyền tiền hoặc quyền tiền ngoài phố, hoặc quyền quần áo để gây quỹ của mình. Tại Đức nhiều Hội đoàn tư đảm nhiệm quản trị về tài chánh cũng như nhân viên nhiều nhà thương, viện dưỡng lão, nhà nghỉ mát cho các bà mẹ. Cho những người ham học và sinh viên các cơ quan Công-giáo và Tin lành cũng cấp học bổng, thêm vào đó nhiều tổ chức tư khác cũng khuyến khích những người hiếu học và trợ giúp cho họ, nhất là cho những người vừa đi làm vừa đi học. Hai đảng lớn ở Đức là đảng Xã hội đang cầm quyền (SPD) và đảng đối lập Xã hội Dân chủ thiên chúa giáo (CDU/CSU) cũng có 2 cơ sở lớn chuyên cấp phát học bổng.



Nhìn qua sự kiện Cộng hòa Liên bang Đức dành tới 1/3 ngân

hoàn hàng năm của Liên bang cho những mục đích xã hội cũng như qua thể chế bảo hiểm và trợ giúp xã hội kể trên, ta có thể nghĩ rằng : « như vậy chắc hẳn mọi công dân Đức đều có cuộc sống ấm no, đầy đủ », Thực tế cũng còn nhiều người Đức sống trong hoàn cảnh cùng cực, và cả bệnh tật v.v...Màng lưới phúc xã hội vẫn còn những lỗ hổng, Sở xã hội chỉ có thể giúp họ phần nào thôi. Vì thế vào những dịp lễ lớn như Phục sinh,

Giáng sinh Sở Xã hội và các cơ quan từ thiện có dịp hoạt động tích cực hơn : Họ tìm đến những người nghèo khó kể trên, nêu trường hợp của một số người cần giúp đỡ lên báo để kêu gọi lòng từ thiện của mọi người, của các Hãng và xí nghiệp lớn. Và những hoạt động vào dịp này của Sở Xã hội cũng như các cơ quan từ thiện thường rất có hiệu quả.

ĐÀO THỊ NGỌC DIỆP
Tây Đức

Da Đen Làm Sao Trắng

Thí dụ : những dân tộc ở Bắc Phi, họ là những dân tộc da màu (đen) thì không làm sao cho trắng được.

Riêng dân tộc Việt Nam, vốn là dân tộc da vàng. Tuy nhiên, có những người vì phải xê dịch nhiều hoặc vì quá lam lũ làm ăn bị ánh nắng mặt trời thiêu đốt nên màu da đen sạm. Trường hợp này làm cho hết đen được, bằng cách : tuyệt đối ở trong mát 1 tháng, năng tắm và kỳ rửa mặt bằng khăn nhám.

Ở các nước văn minh có bào chế thứ kem và phấn đặc biệt, dùng nó không bị nắng ăn chỉ hiêm giá rất đắt. Ở Việt Nam vừa sòng chế được thứ kem và phấn vừa dễ trang điểm vừa có công dụng chống nắng như vậy, nhưng giá trị thì rất bình dân. Đó là CRÈME THORAKAO.

HẸN SAU

Sao anh không về thăm Tuy-an.
Chiều lên trăng lạnh lướt non ngàn.
Mây sầu ngừng đọng trên sông tóc.
Thuyền cũ vương tình lóp sóng lan.
Bãi bèo chiều nay gió lạnh lùng.
Gương sầu ẩn hiện nét thu dung.
Đầy vườn hoa bưởi rơi phơi phơi.
Trên dáng đào phai tiêu nảo nùng.
Gió ở lòng em mắt héo khô.
Gió khơi biển mộng bắc cung hồ.
Tình em như gió ngày xa vắng.
Mang cả hình xưa, ngủ xuống mồ.
Rồi có hôm nào anh đến thăm.
Ngồi trên nấm mộ khóc âm thầm.
Là hương lòng thấp cho em biết.
Nỗi nhớ nuốn đời đã lặn chìm.

HOÀNG VẠN VĨNH

Nhà kiến

trúc tài danh Vũ-Như - Tô

với

Cửu Trùng Đài của vua

Lê

Tương Dực

★ NGUYỄN-TỬ - QUANG

PHỒ-THÔNG — 259

N Ở C Đại Việt, nhà Lê đến đời Uy Mục đế (1505-1509) thì triều Lê bước hẳn vào giai đoạn suy vong với những nhà vua bất tài tàn bạo, sống đắm mình trong tửu sắc hoan lạc, dâm dật.

Vì Lê Uy Mục tàn bạo thái quá, cháu của vua Lê Thánh Tông tên Oanh được phong làm Giản tư công được các quan phò tá cử binh đánh giết Lê Uy Mục, rồi, lên làm vua xưng hiệu là Tương Dực đế.

Nhà vua này càng xa xỉ, dâm dăng quá độ. Lại cho xây cung điện có hàng trăm sở, truyền nhà kiến trúc Vũ Như Tô dựng lâu chín tầng gọi là «Cửu trùng đài ».

Xây lâu chín tầng này, vua Tương Dực muốn đem bày cung nữ tuyệt sắc lên đấy, để múa hát cho nhà vua vui say thưởng trăng, thưởng hoa.

Cái kiêu của lâu chín tầng

này ra thế nào, tiếc rằng không thấy tài liệu ghi chép. Nhưng đối với khoa kiến trúc lúc bấy giờ, tòa lầu dựng được, ngoài tốn công, tốn của, nhưng đòi hỏi phải có một nhà kiến trúc đại tài mới mong kết quả.

Nhưng đã có, đó là Vũ Như Tô. Nhà vua được nghe danh tiếng nên truyền cho đòi lại lại, hỏi :

— Nhà ngươi có thể xây dựng được một tòa lầu 9 tầng ?

Nhà kiến trúc tài danh họ Vũ thành thật, bẩm :

— Vâng ! Hạ thần xây được.

Vua Tương Dực khoan khoái, bảo :

— Vậy ta giao công việc xây cất cho nhà ngươi trông coi. Tất cả nhân công, vật liệu cung cấp có thừa để nhà ngươi tự do xây cất.

Nhưng Vũ Như Tô cương quyết từ chối.

Ông từ chối có cái lý của ông. Vì ông thấy đó là một điều có thiệt hại cho công của nhân dân. Mặc dầu nhà nghệ thuật này rất thêm muốn một dịp thuận tiện nào, để thực hành nghệ thuật của mình hầu có một hình thức cụ thể cống hiến cho đời. Nhưng đem nghệ thuật của mình để phụng sự cho cuộc hoan lạc dâm dật của một bạo chúa, họ Vũ như thế định không bằng lòng.

Ông bị vua Tương-Dực bắt cầm tù.

Nhà vua chưa giết ông chết vì muốn dùng bốn bức tường đen tối của nhà ngục để đe dọa ông, muốn thay đổi ý định của

MIDOL
TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CÚM

ông, muốn biến cải tư tưởng của ông cũng... đen tối như nhà ngục của nhà vua hoàn toàn sử dụng. Vì sự kiến trúc Cửu trùng đài, ngoài Vũ Như Tô, chưa có ai đủ khả năng.

Không thực hành theo ý muốn của bạo chúa tất bị tử hình. Họ Vũ thừa biết như vậy. Nhưng họ Vũ không sợ chết. Cho nên khi có lệnh vua đòi, và trước khi vào Triều, ông đã vĩnh biệt vợ nhà, quyết trung thành với nghệ thuật cao quý, là không đem cái nghệ thuật đó phụng sự cho một bạo chúa ; và ông tự coi mình như một tráng sĩ ngày xưa « một ra đi không bao giờ trở lại ».

Biết khi tiết của chồng, người vợ trẻ đẹp hiền hòa, ôm con nhỏ, nghẹn ngào tiễn chồng qua đôi dòng nước mắt, quyết để mái tóc xanh phủ lấy một màu tang chế trọn đời !

Thế rồi như ta đã biết.

Trước vua Lê Tương Dực, nhà kiến trúc họ Vũ thành thực nhận

mình có đủ khả năng dựng được Cửu trùng đài, nhưng vẫn cương quyết chống lại việc xây cất của nhà vua. Ông cho rằng xây dựng Cung điện và Cửu trùng đài chỉ làm hao công quỹ quốc gia, làm khổ sở trăm họ Công việc kiến trúc này có khác nào công việc kiến trúc ác hại của Thủy hoàng đòi Tần bèn Tàu là xây cung A phòng và lăng tẩm ở Ly Sơn.

Bị chống đối như thế, thay vì nhà vua đem giết chết, nhưng vì cần người nên nhà vua cố dần tức giận mới đem giam vào ngục thất, để ông có dịp hồi tâm hay chờ giờ hành quyết.



Giờ đây, Vũ Như Tô đã ngồi trong nhà ngục rồi.

Cái ý tưởng duy nhất trước kia của ông là đi đề rồi chết ngay, cho nên trí óc ông không còn phải bận suy nghĩ gì cả. Nhưng bây giờ tinh thể lại

đổi khác, mà không chết ngay được, khiến ông có thì giờ để suy nghĩ vãn vơ..

Ngồi trong ngục tù vắng lạnh, trí óc của ông luôn bị căng thẳng vì nhiều đêm ngày băn khoăn suy nghĩ. Ông không tiếc thân mạng mình mà tiếc... tài của mình.

Ông có tài kiến trúc, có chí nhưng ông chưa được thực hành chưa xây dựng một công trình gì vĩ đại. Ông thiếu mọi phương tiện, tuy sống nhiều mộng đẹp với tài danh nghệ thuật nhưng vẫn thất vọng. Nay đã có đầy đủ phương tiện do nhà vua cung cấp, và Cửu trùng đài là một công trình kiến trúc vĩ đại, dịp may đã đến, sao ông lại từ chối, bỏ lỡ thời cơ để biểu dương nghệ thuật của mình?

Kiến trúc được Cửu trùng đài
là để phụng sự nghệ thuật, đề
lại cho đời một công trình vĩ

đại tuyệt mỹ, chớ sao lại
hồi cố chấp bảo rằng
phụng sự bạo chúa? « Họ
bất tài hà hoạn vô dụng »
không biết tài năng ughê
của mình là một hình thức
thê, lại nỗ lực kỷ đem
tài năng của mình dưới 3
đất. Con người sao quá hẹp
cố chấp đến đại độ dễ chết
không để lại cho đời một
trình sáng tạo nào?

Vũ Như Tô, nhà kiến trúc
đanh đáng mẫn của chúng ta
ý nghĩ như vậy.

Trong sự xung đột giữa hai
tướng mâu thuẫn trong nội tâm
phải sống để làm một công
trình nghệ thuật chứ không phải

TELMIN

TRI CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT

PHỔ THÔNG — 251

đề phụng sự cho tên bạo chúa
đâm dật, cái ý tưởng này thắng.

Thế là Vũ Như Tô được ra khỏi ngục.

Ông bắt tay vào việc một cách hăng say.

Suối mấy năm ròng, dân chúng phải nai lưng suor dịch, xây cất cực kỳ khổ sở, vất vả quá đến bình hoạn, chết chóc. làm tổn phí biết bao công của.



[Nhưng công trình kiến trúc vĩ
đại của họ Vũ chưa xong, thì
việc hỗn loạn triều chính kéo
đến dồn dập.

Nguyên Quận công Đô tướng
là Trịnh Duy Sản, vì can ngăn
nhà vua, bị vua đem xử tội phạt
trượng, uất ức nên nổi loạn giết
chết vua Tương Dực,

Nhưng lại một cuộc hỗn loạn
đẫm máu tại triều được diễn ra.

PHỔ THÔNG — 259

Trịnh Duy Sản quyết định lập con của Mục Ý vương là Quang Trị mới 8 tuổi lên làm vua. Nhưng Võ tá Hầu Phùng Mai phản đối, đề nghị lập cháu ba đời vua Thánh tông là con của Cầm Giang vương, tên Ý, được 14 tuổi lên ngôi.

Đề nghị này trái với ý muốn của Duy Sản, nên Sản nổi giận rút gươm chém phăng Phùng Mai chết ngay tại chỗ nghị sự. Thế là Quang Tri được đưa lên làm vua.

Nhưng thảm thay cho ông vua 8 tuổi này, vừa tèo lên ngai vàng 3 ngày thì lại bị người bắt cóc. Kể chủ mưu bắt cóc không ai lạ mà chính là Trịnh duyĐại, anh ruột của Sản.

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYÊN

Vua Quang Trị bị bắt cóc đem vào Tây Kinh, sau mấy hôm bị giết chết,

Nước bấy giờ không có vua !

Giữa lúc rối loạn, An hòa hầu là Nguyễn HoảngDụ đương đóng quân ở bến Bồ đề chống giặc Trần Cao, liền kéo quân về đốt phá kinh thành, lại bắt Vũ như Tô, đem ra ngoài thành xử chém, cho rằng họ Vũ theo vua làm hại của kho.

Thật thảm thay cho nhà kiến trúc họ Vũ !

Một nhà tướng, một tên quân phiệt như Nguyễn hoảng Dụ làm sao hiểu được cái ý tưởng nghệ thuật cao đẹp của họ Vũ ! Và, Dụ cũng đần họ Vũ bị vua Trương Dực cưỡng bách. Họ Vũ cũng như bao nhiêu người khác đều là nạn nhân của một nhà vua dâm bạo.

Người đời thương mến một kẻ tài danh.

Tuy nhiên, cái chết bi đát, oan uổng của Vũ Như Tô đâu sao

cũng đem lại cho người đời một suy nghĩ.

Một công trình văn học, nghệ thuật nào cũng vậy muốn được lưu tiếng tốt với đời là cái công trình đó phải đem lại một ích thiết thực cho quảng quần chúng, hay nói một cụ thể hơn là cái công trình phải để nhân dân hưởng sống.

Cửu trùng đài, tòa lâu đài hùng vĩ nguy nga đó phải chăng chỉ là một vật trang sức dành riêng cho hàng vương quý, cụ thể là nhà vua, bằng nhiều mồ hôi nước mắt xương máu của nhân dân.



1970

VAI GIAI thoại trong Phong trào Duy Tân và chống thuế năm 1970

VÀO những năm đầu của thế-kỷ chúng ta, mặc dầu những cuộc võ trang khởi nghĩa đã tàn tạ dần, những tiếng súng của kháng chiến bắt đầu ròi rả lẻ tẻ nhưng lòng căm thù thực dân của đồng bào Việt-Nam vẫn chưa nguôi ?

Tại miền Trung, các cụ Tây-Hồ, Sào-Nam, Trần-quý-Cáp và Đồng-chí suốt vùng Duyên-hải tới Khánh-hòa vẫn ra công cổ động cho Cách-mạng. Người chủ-trương « *ỷ Pháp cầu tiến bộ và đả phá vua quan* » đó là cụ Tây-Hồ-Lãnh tụ phe bạo động là cụ Sào-Nam cho rằng với quân thù Đế quốc chỉ có bất cộng đái thiên mà thôi — Rồi hai cụ ại đi đường nầy và mỗi cụ cầm đầu một số đồng-chí, thầy đều có bầu máu nóng chẳng ai thua ai.

Bấy giờ thực dân đã đặt xong bộ máy thống trị của chúng ở khắp nơi — Chúng cũng thu nạp được một bọn quan lại

* PHẠM - VĂN - SƠN

trung hình làm chim mồi chó săn rất là ngoan ngoãn. Tại Trung Kỳ, Nam-Ngãi bấy giờ được Tây coi là trung tâm của cách mạng, tên Công-sứ Daudet và Tuần-Vũ Lê Từ đứng ngồi không yên, nghĩa là chúng và bọn tay sai luôn luôn sạo sục khắp các phủ huyện để dò la và lùng bắt những người có dị-chí.

Đầu tháng 7 âm lịch (năm 1907) Công-sứ Quảng Ngãi phái người về kiểm soát nhà và bắt giải ông Cử Lê-đình Cần. Lúc này ông đi vắng và vài hôm sau ông mới về.

Nghe tin bọn cầu tầu « hỏi thăm » mình, ông Cần lên gặp Lê Từ, Ông hỏi :

— Tôi có tội gì mà quan cho đến khám nhà và bắt bớ tôi ?

Lê Từ biết kẻ cách-mạng vốn coi trời bằng vung nên cũng nề đáp :

— Việc này chắc ở nơi quan Công-Sứ, tôi có biết gì đâu ! Ông lên Tòa-sứ coi !

Ông Cần liền lên Tòa Sứ và cùng đặt câu hỏi như trên — Viên Công-Sứ cậy mình nắm quyền sinh tử của dân chúng V.N trong giai — đoạn đặc biệt thuở ấy, nghiêm nét mặt, hỏi :

— Mày không có tội à ? Thế mấy hôm nay mày đi đâu ?

Ông Lê-đình-Cần nổi xung về thái độ hách dịch của viên Công sứ, cũng hỏi lại:

— Thế ông cũng đi đâu mà tôi cũng thấy đi luôn ? Daudet đáp :

— Tao đi có việc, mày có quyền gì mà hỏi tao như vậy ?

— Vậy tôi cũng đi có việc.

— Mày đi rủ người ta làm giặc, chứ còn có việc gì !

Lê-đình Cần càng giận thêm, nói lớn thêm :

— Ông là quân cướp nước, tôi là kẻ mất nước, vậy ai là giặc ?

— Mày không làm giặc, sao mày lại hót tóc ngắn ? (1).

Ông cần hỏi lại :

— Vậy ông cắt tóc ngắn để làm gì ?

Daudet nói :

— Tao hót tóc để khỏi bị chấy cắn.

— Thi tôi cũng vậy !

Daudet không còn biết đối đáp ra sao liền cho lính dẫn ông Lê-đình Cần sang dinh Tuần-Vũ. Hôm sau Lê-Tư và Daudet vì chưa tìm ra cách gì hợp lý để trừng trị Lê-đình-Cần cho xứng đáng, liền thả cho ông về nhưng dặn ông « đừng đi đâu để Tây nó nghi ».

Nhưng ông Cần đâu có chịu ngồi nhà. Vài hôm sau ông đi Sơn Tịnh về đến cầu Bàu giang thì gặp Công sứ Daudet đang ngồi chiếc xe tay có người đẩy. Tháp tùng y có tên thông phán Bùi hữu Cung cưỡi ngựa theo sau.

Daudet thấy Lê-đình Cần, lại hỏi:

PHỒ-THÔNG — 259

— Mày đi đâu ?

Ông Cần không thèm trả lời Daudet tức quá liền sẵn lại tát ông một cái. Ông Cần không chịu kém, Sẵn cái gậy trong tay ông phang cho nó hai cái liền như trời giáng, trong khi Phán Cung và người kéo xe xúm vào can, và bắt ông về tỉnh. Ông bị khép vào tội « đả mạ thượng quan » và kết án tù chung thân.

Thuở đó việc tư pháp còn ở trong tay Nam triều theo điều ước Pháp ký với Việt Nam năm 1884, nên cái án tòa tỉnh Quảng Ngãi làm ra phải đệ lên Bộ Hình thẩm duyệt, vì vậy việc đánh viên Công sứ vài gây không thể xử đến tù chung thân được.

DECAPAN

THUỐC THOA. CHUYÊN
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI
DA.

Bộ Hình phải giảm xuống thành án 3 năm khổ sai đây đi đồn làng Ri tức đồn Gi lãng ở miền thượng du tỉnh Quảng Ngãi. Qua năm sau vụ nhàn dàu Nam Ngãi biểu tình chống thuế, Công sứ và Tuần Vũ lại lôi tội cũ của ông ra và cáo rằng « năm trước ông đã dạy dân làm loạn, phản đối triều đình, mắng và đánh quan trên, nay lại xin dân làm loạn vây thành » và kết tội tử hình.

Nhưng Bộ bác án này để tránh sự công phần của sĩ — dân, nhất là phong trào cách mạng còn đang âm-ỉ chưa tắt. Sau này mãn hạn tù ông Lê-đình-Cần lại bị đưa về quản thúc ở Quảng-Ngãi (Chế độ quản thúc thời Pháp thuộc là giữ người có tội ở làng, không cho đi ra đâu xa, phải có đơn xin quan Huyện hay Phủ mình tùy thuộc).

Kỳ sau : Mấy nhà ái-quốc tỉnh

Quảng - Ngãi : Đoàn - Khả
Nguyễn-bá-Loan, Nguyễn-đình-
Quảng.

1) Thuở đó, do cụ Tây-Hồ
Trần-quý-cáp thủ xướng việc
« cải lương » đồng bào nhiều người
cắt búi tóc và mặc áo ngắn.



PHỒ-THÔNG — 259

Cho em lần cuối

Tôi viết cho em lần cuối cùng
Ngày mai ly biệt biết còn không
« Chút tình lãng tử » theo năm tháng
Rồi sẽ phôi pha tiếng nhạc lòng
Tôi viết cho em lần cuối cùng
Rồi đây mai mốt biết còn không
Hay là tôi chết trong thu chết
Và kẻ vui bên chén rượu nồng
Tôi viết cho em lần cuối cùng
Người đi trong nước mắt chờ trông
Nào biết sinh ly hay tử biệt
Cũng thôi phó mặc cuộc xoay vần
Tôi viết cho em lần cuối cùng
Lịm buồn nào biết nói gì hơn
Thơ nhắc lên đây bao kỷ niệm
Em ơi ! mai mốt biết còn không ?

(6-12-1970)
ĐẶNG HUYỀN THU

Một tôn giáo lớn

ẤN ĐỘ GIÁO

●●● CHU MINH THỤ

I. VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ ẤN.

TRỂ Ế T-ly Ấn - độ, cũng giống như của Hi-lạp, coi hiện tại như ảo tưởng phù du, do đó lịch sử không được ghi chép rành mạch.

Nền văn minh lâu đời nhất của giống dân sống trên giải đất Ấn độ hiện nay, được nhiều nhà khảo cổ cho là vào khoảng 2.500 tới 1.500 trước Tây lịch, nhưng nền văn minh đó vẫn còn là một điều bí mật, vì chưa ai đọc được thứ chữ viết của họ. Nền văn minh đó hình như có nhiều điểm

trội hơn cả văn minh khu vực Mésopotamie và Ai cập cùng thời, và cũng có tánh cách thành thị, vì dân chúng tập hợp theo lưu vực sông Indus, Nhưng ta chưa hiểu vì lý do gì nền văn minh đó suy tàn (cũng có thể là hủy hoại vì thiên tai đột ngột) và có dính líu gì với giống dân da sậm (Dravidien) sống sau đó không.

Vào khoảng 1.500 năm trước Tây lịch, khi giống da trắng (Aryen) có lẽ gốc gác ở Iran hiện nay, xâm nhập từ Tây Bắc thì giống da sậm bị đẩy dần về phương Nam.

Từ thế kỷ 15 tới thế kỷ thứ 6 trước T.L., được gọi là thời Vệđà, các kinh kệ và Ấn độ giáo thành hình, sửa soạn cho các thời đại rực rỡ sau này.

Năm 327 trước Tây lịch, hoàng đế Alexandre le Grand của Hi Lạp tiến chiếm Ấn độ, thắng vua Porus, nhưng sau đó rút lui, chỉ để lại ảnh hưởng văn hóa, nhất là về phương diện mỹ thuật.

Thời đại Maurya (322 tới 185 trước T. L.) đạt tới mức sáng chói tới đỉnh dưới trào vua Asoka (theo đạo Phật) với một quốc gia rộng lớn gần bằng Ấn độ ngày nay, ngoại trừ miền cực Nam.

Sau khi phân chia vào khoảng thế kỷ thứ 2 trước T. L., miền Tây Bắc chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền văn hóa Hi Lạp, thời đại Gupta (320 sau Tây lịch tới đầu thế kỷ thứ 6) cũng huy hoàng không kém, nhất là về phương diện văn hóa.

Khi Hung nô tiêu diệt đế quốc

Gupta, Ấn độ lại chia ra thành nhiều vương quốc nhỏ.

Năm 1192, một Tiểu vương A phú hãn đem quân xâm chiếm, và Ấn độ trở thành một quốc gia Hồi - giáo. Dưới thời vua Chah DJahân (thế kỷ thứ 16-17), Hồi giáo và Ấn độ giáo được nhà vua tìm cách hòa hợp nhau, nhưng đế quốc tan rã.

Đến năm 1858, Ấn độ trở thành thuộc địa của ba nước Anh, Pháp, Bồ Đào Nha.

Ấn lấy lại sự độc lập từ 1947.

II. NGHIỆP VÀ LUÂN HỒI.

Trong 3 tôn giáo lớn thay phiên nhau ngự trị trên đất Ấn, hiện nay chỉ có Ấn độ giáo là còn giữ địa vị then chốt. Phật giáo bị loại khỏi đất Ấn từ thế kỷ thứ 10, và Hồi giáo chỉ có tín đồ ở hai miền cực Tây và cực Đông, lập thành quốc gia Pakirtan (Hồi quốc).

Với 400 triệu tín đồ, Ấn độ giáo sở dĩ phát triển và tồn tại tới nay, là nhờ nó chứa những

đặc điểm thích hợp với tâm tánh dân Ấn, mặc dầu đối với người « ngoại đạo », nó có vẻ kỳ quặc và đầy mâu thuẫn.

Lý do là các triết gia Ấn có tinh thần vô cùng rộng rãi. Bao giờ họ cũng bình vực một quan điểm bằng lý luận : « *quan điểm này cũng đúng* » thay vì *chỉ có quan điểm này là đúng* ? Do đó, các môn phái hoặc các lời giải thích về một thể siêu hình tuy bề ngoài nhiều khi có vẻ chống đối nhau nhưng thiết ra, vẫn được coi là phản ánh dưới những khía cạnh khác nhau, một số nguyên lý căn bản chung.

Về phương diện triết lý, Ấn độ giáo có các đặc điểm :

— Hai nguyên lý căn bản hướng dẫn triết lý thuyết là Nghiệp và Luân hồi. Nghiệp là gieo nhân nào sẽ hái quả nấy. Luân hồi linh hồn bất tử phải trải qua nhiều kiếp sống, cho tới khi nào giải thoát mới thôi. Linh hồn (hay là *Ngã*) là cái

gì bất tử, nhưng không thiết phải cảnh luân hồi nghiệp báo. Nếu biết sự giải thoát, *Ngã* sẽ đồng nhất với Đại *N* (tức trời) và linh hồn sẽ đời hưởng hạnh phúc.

— Có 3 cách dẫn tới sự thoát đó : hoặc gột rửa mọi tưởng vụ lợi, đam mê trong hành động hằng ngày hoặc bằng tri thức trực giác, chẳng hạn như bằng thiền định; tức Yoga hoặc bằng thờ phượng. Có điều kiêng kỵ mà người tín cẩn tuyệt đối tránh là sự sanh và bạo động.

Ấn độ giáo phân chia xã hội ra làm 4 thành phần :

- Giai cấp tăng lữ bà la môn
- Giai cấp chiến sĩ, quý tộc
- Giai cấp thương nhơn, thị chủ,
- Giai cấp thợ thuyền, t

Ngoài ra, còn những tiện dân tội lỗi và ngoại giáo được coi như ngoài hệ thống đẳng cấp

Những người khác đẳng cấp với nhau không bạo giết ăn cơm chung, hoặc kết hôn với nhau.

Sự phân chia đó không căn cứ nơi tài sản hay địa vị xã hội mà là trên căn bản thiêng liêng. Mọi sự bất công vì lý do đẳng cấp được quan niệm như là hậu quả tất nhiên do tiền kiếp tạo nên. Chẳng hạn kiếp trước vì làm ác, kiếp này đầu thai trong giai cấp tiện dân để gánh chịu các khổ não. (nếu được bình đẳng với các giai cấp trên tức là đã gian lận).

Về phương diện tôn giáo, triết lý đó đã được hệ thống hóa như sau.

Thượng đế (tức Đại *Ngã*), vì là một thực thể siêu hình, vô hình dung, nên đã cụ thể hóa hình ảnh của mình bằng 3 vị thần là Đấng sáng tạo *Brahmā* (cha của muôn loại), Đấng hủy diệt *Shiva* (ban mầm sống, vì chết tức là sắp tái sanh), Đấng bảo tồn *Vishnu* (ban phước lành).

Ba vị thần hợp thành « Ba ngôi tối linh » cai quản vũ trụ và đứng đầu vô số thần linh khác mà một số là các kiếp hóa thân của 3 ngôi tối linh.

Thần *Brahma* vô thường vô phạt, thường được thờ dưới hình vị thần có 4 đầu nhìn ra 4 hướng; Thần *Shiva*, nguyên gốc là một vị thần của dân bồn xứ trước khi giống *Aryen* chinh phục Ấn độ, nên được coi là vị thần lâu đời và có uy tín nhất, rất được kính nể thường được thờ dưới hình thể dương vật nằm trong âm vật, tượng trưng cho nguyên lý âm dương, nguyên tắc của sự sống.

(ở nhiều nơi trong Đông Nam Á, như xưa kia ở Bắc Việt, có thờ thần dâm, dương vật... hoặc ở Ai lao, có hình ảnh tượng trưng cho sự giao hợp trai gái trong lễ Boun Bang Fay... không hiểu có nguồn gốc địa phương hay đã chịu ảnh hưởng của Ấn độ giáo ?)

Thần *Vishnu* thì được kính

miền vi hay giảng trần đề trực tiếp tế độ. Phật Thích Ca, theo Ấn độ giáo, cũng là một trong các kiếp hóa thân của Vishnu. Vishnu được thờ dưới hình thức thông thường nhất là nằm nghỉ trên mình « xà thần » (rắn nhiều đầu) trên mặt biển vô biên.

III TỪ KINH VÊĐA (PHÊ ĐÀ) TỚI ANGKOR WAT.

Trước khi giống da trắng Aryen du nhập Ấn độ người bản xứ Dravidien có tục sùng bái thiên nhiên và nữ thần. Trong các buổi lễ, vị chủ tế vừa ca hát vừa dựng lên vị thần một thứ rượu rút từ cây « Soma » Tập kinh Rig Veda phát sanh từ đó. Về sau, các tu sĩ bà la môn bày ra các nghi thức tế tự phức tạp, và soạn những bản thánh ca để hát kèm theo nhạc, do đó có tập *Sama Veda*. Lần hồi, óc ma thuật lẫn áp, phát sanh tập *Yajur Veda*, gồm các câu thần chú. Đạo sĩ Atharvan viết tập *Atharva Veda*, khai triển ý nghĩa ba bộ trên.

Bốn bộ Veda là nền tảng của Ấn độ giáo sau này. Mỗi bộ lại chia làm ba phần : phần đầu gồm thánh ca và thần chú, phần giữa nói về nghi thức tế tự, phần cuối, càng ngày càng phát triển trở thành tác phẩm thuần túy triết và làm nền tảng cho tư tưởng Ấn. Đó là *Upanishad* (Á nghĩa thư), hiện còn khoảng 10 bộ.

Vì chú trọng tới vấn đề tế tự (nhất là đối với dân tộc Aryen trái với dân Dravidien thiên về trầm tư) nên đền thờ mọc lên như nấm. Văn hóa do đó cũng chịu ảnh hưởng và nhất là nhờ sự nhơn cách hóa các vị thần, văn chương mỹ thuật phát triển mạnh mẽ. Chẳng hạn như các thiên anh hùng ca « *Râmâyana* » và « *Mahâbhârata* » phản ảnh tư tưởng Ấn độ giáo, giống như *Iliade* và *Odysée* phản ảnh tư tưởng đa thần giáo Hi-lạp.

Ấn độ giáo còn lan tràn ảnh hưởng tới các quốc gia kế cận (như Phù Nam, Chơr - lạp) trong các cổ vật tìm được ở Óc Eo, Rạch giá, có dấu vết của

văn minh Ấn độ giáo). Và như thần dưới thời đại Moghol, ở Ấn chúng ta biết, dân tộc Kmer, từ thế kỷ thứ 9 tới 12 đã thâm nhập văn hóa đó, nên mới có những đền đài đồ sộ Angkor Vat, Angkor Thom, Bayon... còn lưu lại tới nay.



Trong thế kỷ 17, nghệ thuật Ấn độ giáo hòa hợp với Hồi giáo sáng tạo nên nhiều tác phẩm độc đáo, đáng kể nhất là đền TaJmahal và các tranh truyền



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm-Ngũ-Lão

Điện thoại : 25861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHÙ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN
NHÃN CỔ ÁO, (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP BỀN, KHÔNG PHAI
Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Saigon TÌM 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Truyện dài đường rừng

CHIẾC VÒNG CỨU MỆNH

● của MẠCH-QUẾ-HƯƠNG

(Tiếp theo T.P. 257)

HOÀNG Ngọc gượng cười từ giả mọi người, chàng dặn dò Mộng Quyên nên an tâm chờ đợi ngày chàng trở lại. Chàng muốn nói riêng với Bích Chiêu một vài lời cảm tạ nhưng không tiện nói.

Chàng đành nhìn Bích Chiêu với đôi mắt tri ân. Bích Chiêu đã hài lòng đón nhận tia nhìn đầy

cảm mến đó rồi vui vẻ chào chàng lên đường bình yên.

Hoàng Ngọc đi rồi, lâm trụy trở nên buồn vắng.

Mộng Quyên cả ngày ít nói, đắm chiêu trông ngóng bóng người về.

Lão Pha giai vắng người rẽ thảo tương la thường cùng người tâm sự trong những ngày qua, Những người

giúp việc nơi làm trại ai cũng mến chàng vì chàng vì vui tính, và thường chịu nhọc sức đến gia đình con cái họ khi đau ốm.

Chỉ riêng có tên quét trại bị Thao Sơn mua chuộc, hắt bấu mỗi khi chàng vừa khuất dạng sau rừng :

— Thôi ! đừng hòng mang xác đến đây nữa ! Mi sẽ rũ năm xương tàn nơi chôn nhau cắt rún của mi ! Đáng kiếp ! Đừng mong đến đây làm chủ ta nhé !

Tiền bạc Thao Sơn đã ám mờ lương tri hắt,

Riêng Bích Chiêu, từ ngày đánh cắp được chiếc vòng cứu Hoàng Ngọc nàng thấy vui vẻ trong tâm hồn nhưng chạnh nghĩ đến ngày sau nàng thấy rồi lòng.

Nếu đột nhiên đoạn giao với Thao-Sơn thì hắt sinh nghi còn đến thăm hắt là một cực hình đối với nàng.

Tuy thế, cách 5,6 hôm nàng lại phải lặn lội đi tìm gặp hắt vẫn

tỏ ra yêu chiều hắt và hứa hẹn với hắt đủ điều nào là nàng bàn đến chuyện cưới hỏi, nào là lo sửa sang làm trại, nàng đồng kích rất tài tình, hắt không mấy may nghi-ngờ.

Và lần nào đến thăm hắt nàng cũng khuyên hắt nên trở về con đường quang minh chính đại, giúp ích cho xã hội, từ bỏ, nếp sống tội lỗi hiện tại

Bích Chiêu cố đem tình cảm và lời lẽ dịu-dàng đánh thức lương tri của con người tham lam, hung ác để cho hắt đừng sát hại dân vô tội vùng này.

Một hôm nàng đánh bạo hỏi hắt :

— Anh Thao-Sơn à ! Em nghe đồn rằng không biết bao nhiêu người đã bỏ xác nơi này vì họ nuôi mộng đi tìm vàng và bị bộ hạ anh sát hại, có thật thế không anh.

Ban đầu Thao-Sơn e ngại Bích Chiêu ghê tởm hắt nên không đáp. Nhưng khi nhìn đôi mắt

vàng lợn cầu khẩn của nàng! thấy tấm lòng sắt đá bị lay chuyển và thú nhận.

— Từ khi anh tìm được suối cát đãi ra vàng anh nuôi mộng làm chúa tể vùng này. Kề ra số người lần dò vào đây bị thuốc hạ anh sát hại cũng khá nhiều.

Sở dĩ anh hành động như vậy là cốt để cho họ ngán mà không dám bén mảng đến đây. Anh cốt tìm được nhiều vàng tạo một sự nghiệp vĩ đại, sống một đời sống — để vương để rửa một mối hận lòng.

— Mỗi lần em đến đây, anh đãi em dùng đầy đủ mọi thức ăn ngon quý, mua tận các xứ xa, chốn núi rừng này làm gì có! Anh gọi mua bằng máy bay chắc?

— Đúng vậy, khi anh cần một thứ gì anh chỉ ra lệnh là có người lo lường, mang đến đây tức khắc.

Tuy sống đế vương, nhưng anh còn một mối hận đời mà

anh chưa rửa được. Anh định còn sát hại nhiều người nữa kia! Anh đã trở thành khác máu.

Bích Chiêu khẽ rung mình. Nhưng Thao Sơn không nhận thấy và say sưa nói tiếp:

— Nhưng từ khi có em đến đây anh thấy trong số người ghê tởm. Anh còn có một tấm lòng biết đến anh cho nên lửa hờn như lắng dịu và tâm hồn anh đã thay đổi nhiều rồi.

— Em rất mừng cho anh đó!

— Để rồi anh sẽ kể mẫu chuyện của anh cho em nghe. Phải ch trước kia anh sớm được nghe lời khuyên nhủ của em, được một bàn tay mềm mại xoa dịu nỗi oán hờn thì anh đâu có quá hung tợn như thế này!

Anh Sẽ rửa hờn cho mẹ anh! Mẹ anh đã chết thê thảm bởi một kẻ giàu có giết hại.

— Tội nghiệp quá!

— Khi nào anh vui anh kể lại cho em nghe.

— Vàng!

Bích-Chiều mừng thầm khi nghe lời nói hướng thiện của Thao-Sơn tuy thế nàng vẫn dè-dặt, và tìm lời cáo biệt, hẹn một dịp khác sẽ hầu chuyện lâu hơn.

Thao-Sơn đưa nàng trở về với bao niềm quyến-luyến chân thành.

Về nơi tư phòng, đêm đêm, một mình ngồi ngắm cảnh rừng âm-u, bao-la, vắng vẻ Bích-Chiều vẫn thấy lòng vương vấn nhớ Hoàng-Ngọc, nàng cố xua

đuôi hình bóng Hoàng-Ngọc nhưng càng xua đuổi, nó càng bám chặt vào tâm tư nàng. Nàng phải rên rỉ thốt một câu ai oán.

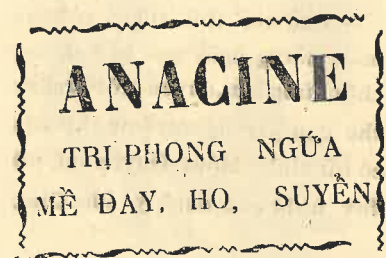
— Tình yêu là chi mà nó hành hạ tâm hồn ta quá đời! Tạo Hóa sinh ra con người với những tình cảm dạt dào để rồi con người phải vương mang hệ lụy. Tình yêu chỉ đến với ta trong một phút thể mà suốt đời ta xua đuổi mãi nó không đi!

Đề quên tất cả và đề quên sầu, Bích-Chiều vui dần vào công việc làm trại.

Ban ngày nàng chăm nom gia súc, săn sóc đám trẻ thơ, con cái của các người giúp việc gia đình nàng, nàng thường phụ với danh y Pha giai cứu chữa các bệnh nhân nghèo khổ, sống xa đô thị thiếu thốn đủ mọi bề.

Ban đêm nàng dệt vải, dệt lụa rồi tự tay nàng may áo quần phân phát cho kẻ rách rưới, cơ hàn Dân chúng ở đây quý trọng nàng vô cùng.

Nhờ Bích Chiêu thảnh thơi đến thăm, nên Thao Sơn ít khi quấy rầy Mộng. Quyên, Mộng Quyên thấy vắng bóng Thao-Sơn cũng đỡ lo sợ, và nàng cứ ngày



đêm trông ngóng tin tức Hoàng Ngọc.

Thời gian xa cách đối với nàng dằng dặc vô biên.

— Từ khi Hoàng-Ngọc về đến quê nhà, cha mẹ chàng mừng rỡ lắm. Suốt mấy tháng dài vắng mặt tin con, hai ông bà lo sợ và thương nhớ vô cùng.

Hôm nay, khi chàng trở về và thổ lộ là chàng đã hết buồn về việc Thanh Thủy, cha mẹ chàng mừng thầm.

Đêm khi nghe chàng thuật lại chàng đã thọ nạn ở Savannakhet và được lão Pha-Giai cứu giúp cha mẹ chàng bảo chàng phải lo đền đáp công lao của ân nhân chàng hơn hở tiếp.

— Con xin thú thật với ba má lành hững ngày con bị nạn nơi chốn rừng sâu, duyên trời đưa đây cho con gặp người yêu mới. Đó là cô nữ sinh Mộng-Quyên ái nữ duy nhất của danh y Pha-Giai.

— Ba mừng cho con đó.

— Má cũng thấy yên lòng khi được biết con đã có nguồn an ủi và đã quên lãng mối tình đầu dở dang.

— Đoạn bà mẹ chàng quay sang nói với chồng :

— Trời Phật đã nhỏ phước cho gia đình rồi đó ông à !

Miền con trai tôi được vui là tôi thấy tôi có phước lớn.

Phụ thân chàng cũng triu mến nhìn con :

— Từ đây nếu con thấy đồng ý nơi nào, cha mẹ điều chỉnh lòng con hết. Một lần đính ước dở dang thấy con buồn rầu ba



PHỔ THÔNG — 25

má cũng rất thương tâm. Vậy con hãy lo sửa soạn nhà cửa và chọn ngày lành tháng tốt cử hành hôn lễ, để ba má rước nàng dâu về đây sớm cho vui nhà vui cửa.

— Con xin cảm tạ ba má.

Hoàng - Ngọc tuyệt nhiên không cho cha mẹ chàng hay biết việc chàng đã bị thư và được Bích-Chiều lo giải cứu. Chàng ngại cha mẹ chàng hay được sẽ lo rồi rồi sinh ra đau ốm.

Chàng còn lần lựa chờ ngày thoát qua tai nạn hiểm nghèo đó rồi sẽ đi rước Mộng-Quyên mỗi lần cha mẹ chàng hỏi thúc việc cử hành hôn lễ chàng viện cớ rằng :

Mấy tháng nay vắng nhà con rất nhớ ba má. Vậy con xin được ở lại nhà gần gửi ba má một thời gian rồi sẽ đi rước nàng cũng chẳng muộn.

Ba má chàng rất hài lòng về

sự yêu mến và hiếu thảo của chàng.

Kể từ ngày chàng về biệt thự Hoàng-Hoa được trang hoàng long lộng lấy từ trong đền ngoài. Ba má chàng lo sắm sửa lần lần đủ mọi thức ăn, thức uống để lo tổ chức thật long trọng cuộc hôn lễ sắp đến.

(Còn nữa)



PHỔ THÔNG 259

Chân thành

VỀ TH-C

*Trót sanh lạc bước trời mơ,
Ngàn năm con én vương tơ sông hồ.
Giữa lòng thăm thẳm xứ thơ,
Phương xa gió lộng bến bờ trắng sao.
Rồi trong cảm-xúc nhiệm mầu,
Đầm đìa mực thắm rặt rào bút nghiêng.
Dòng thơ, suối nhạc triền miên,
Đồng hành có bạn giữa miền lữ avây.
Cuộc phù sinh, nẻo vũng lầy,
Chân thành bạn nhé, đông đầy túi thơ.
Xin bao dung những đại khờ,
Thắm tươi giao cảm, đẹp mơ mộng dài.
Chiến-chinh dẫm bước trang đài,
Dám đâu sánh nhịp gót hài giáng-Tiên.
Giữa hồn còn giọt nắng thiêng,
Xin soi rặng nét dịu hiền nơi nơi.
Và trong thăm thẳm cuộc đời,
Mắt xanh xin gọi cho người mắt xanh.*

PHƯƠNG - ĐẠI

VÒNG TRỜI

Văn hóa quốc tế

□□□ NHUYỄN-KHẮC-TIẾN-TÙNG

Pháp

- Trưng bày họa phẩm của Goya

T RÊN hai tháng (từ 26.9 đến 7.12.1970) tại lâu đài Tuileries ở Paris có cuộc triển lãm 60 bức tranh danh tiếng Goya.

Francisco de Goya (1746-1828) là một nhà danh họa người Tây ban Nha. Trong cương vị họa sĩ chính thức của triều đình xứ này Goya đã vẽ nhiều bức chân dung Hoàng gia (Charles IV, Marie-Louise...)

Trong kỳ triển lãm ở Paris có những bức tranh được trưng bày lần đầu tiên như bức vẽ Thánh Phao-lô, bức vẽ Charles III đi săn .v.v...

- Hợp tác giữa các nhà Xuất bản Pháp-Đức

Trong khi bên rải rác nhiều nhà xuất bản nhỏ, nhiều nhà của chính các văn thi sĩ chủ trương thi ở Âu-châu ngành xuất bản đang có khuynh hướng tập hợp lại làm việc chung với những kẻ

hoạch xâm chiếm thị trường khoa học, quý mô.

Một nhà xuất bản vừa thành hình tại Pháp mang tên *France Loisirs* » Thành viên là một số các nhà xuất bản tên tuổi ở Pháp và cơ sở Presse de la Cité. Về phía Đức có sự tham dự của cơ sở xuất bản mới thành lập « *France Loisirs* » hiện nay chưa có dự định xuất bản riêng mà chỉ lo bán đĩa hát và những sách đã in ra rồi.

Người yêu sách còn phải chờ những bước kế tiếp mới phân đoán giá trị phẩm chất đặc biệt riêng của *France Loisirs* được.

Anh

● Báo của sinh viên và quần chúng

Mấy năm gần đây nhiều cuộc « biến động sinh viên » đã là đề tài thường xuyên của báo chí tại Việt Nam cũng như ở nhiều nước Á châu, Mỹ châu, Âu châu... Nguyên nhân

những biến động thật nhiều : chính trị, xã hội, sự không hiểu nhau giữa thế hệ v.v.. Đề phổ biến quan niệm của mình, sinh viên phân phát truyền đơn, tiếp xúc với các giới khác, ra báo. Tại Cambridge sinh viên cực đoan Anh xuất bản từ một năm nay tờ *Shilling Paper* với ý nghĩa trình bày tư tưởng của mình với xã hội xung quanh. Quần chúng Cambridge được đọc những bài bàn tới sinh hoạt hàng ngày như vấn đề nhà ở (một vấn đề rất nan giải đối với các nước kỹ nghệ Âu châu), vấn đề giao thông, và dĩ nhiên là một vấn đề nóng bỏng là vấn đề Việt Nam nữa. Tờ *Shilling Paper* đã gặt hái được kết quả rất đáng kể đến nỗi ở 6 Đại học khác cũng thấy xuất hiện nhiều tờ báo tương tự, có nơi mang luôn cả tên *Shilling Paper* !

Hố ngăn cách giữa dân chúng Anh và sinh viên tại các trường đại học Anh (với những truyền

thống nặng nề cổ hủ) nhờ sự xuất hiện của những tờ báo sinh viên đã được san bằng một phần nào. Tiếng nói của những người trẻ tuổi dù ở một phương diện có cực đoan, xung đột với thể chế đương thời và bị đàn áp nhưng vẫn là tiếng nói tha thiết cho tương lai ở nhiều nước trên thế giới, kể cả Việt Nam nữa.

★ Nữ tác giả trình thám vẫn chưa già.

Năm 1929 xuất hiện trên nền văn chương trình thám quốc tế một nhân vật mới : Hercule Poirot, thám tử từ người Bỉ, tuổi không trẻ, không già. Nhân vật này còn tiếp tục xuất hiện trong các tiểu thuyết trình thám của Agatha Christie, một tiểu thuyết gia danh tiếng quốc tế của Anh. Cho tới nay bà đã sáng tác trên 60 tiểu thuyết và 17 kịch bản. Có vở kịch của Bà đã được trình diễn liên tiếp 18 năm liền tại Luân Đôn. Mới đây Bà vừa kỷ niệm sinh nhật lần thứ 80 của mình, và càng già càng dẻo dai, đồng thời với ngày thượng thọ đó cuốn truyện mới

nhất của bà « Hành khách đi Francford » cũng ra mắt độc giả hâm mộ.

★ «Người nữ nghệ sĩ trong năm» : Barbara Hepworth

Tại Pháp lần đầu tiên một nữ nghệ sĩ không có quốc tịch Pháp được bầu làm « Nữ nghệ sĩ trong năm » (1970), đó là nhà điêu khắc nổi tiếng người Anh : Barbara Hepworth, Danh hiệu này được trao tặng nhân dịp triển lãm hàng năm « Salon de la femme ». Barbara Hepworth vì bị đau nên không trực tiếp nhận vinh dự này tại Nice vào ngày 2-10 vừa qua được. Ban giám khảo cat tụng bà « đã góp phần một cách xuất sắc cho nghệ thuật » và giải thưởng được trao cho bà vì « toàn thể những sáng tác của bà từ trước tới nay.

« Salon de la femme » là cuộc triển lãm thường niên những tác phẩm của các Họa Sĩ và điêu khắc gia phái nữ.

HOA KỲ



RUDOLF CARNAP

Hoa-Kỳ

● *Rudolf Carnap, triết gia thời danh của Thực chứng luận, từ giả cuộc đời*

Dù muốn dù không, khi *Rudolf Carnap* già biệt hẳn cuộc sống tư tưởng, phải nhận rằng Triết học hiện đại đã mất đi một đại diện nhiều ảnh hưởng.

R. Carnap sinh ngày 18. 5. 1891 tại Ronsdorf thuộc vùng sông

Rhin, Đức. Ông mới mất tháng 9. 1970 tại Los Angeles (Hoa Kỳ, sau cơn trọng bệnh 79 tuổi. Trong cuộc đời huấn của mình, Carnap dạy tại đại học Vienne, Áo sau đó tại Praha (Prague), khác. Khi tị nạn Đức quốc lan tràn ở Âu châu, cũng một số triết gia thuộc phái Vienne (Wienr Kreis)

các nhà triết thức khác, lưu vong sang Hoa Kỳ, dạy tại Chicago trước khi làm giáo sư ở Los Angeles năm 1954. Triết học của Ông là một thứ *Thực chứng luận* (Positivisme) và *Luận lý toán học* (Logistique).

Theo ông triết học là sự phân tích luân lý về ngôn ngữ. Ông muốn biến triết học thành một khoa học chính xác và cho rằng những gì vượt khỏi giới hạn này là « siêu hình », dĩ nhiên chữ siêu hình dùng với nghĩa không mấy tốt đẹp!

Những tác phẩm chính bằng Đức Ngữ của Carnap là *Der logische Aufbau der Welt* (Cấu tạo luận lý của thế giới, 1928, Rhein, Đức. Ông mới mất tháng 9. 1970 tại Los Angeles (Hoa Kỳ, sau cơn trọng bệnh 79 tuổi. Trong cuộc đời huấn của mình, Carnap dạy tại đại học Vienne, Áo sau đó tại Praha (Prague), khác. Khi tị nạn Đức quốc lan tràn ở Âu châu, cũng một số triết gia thuộc phái Vienne (Wienr Kreis)

Character of theoretical Concepts 1956 v.v...

Cuối tháng 10.1970

NGUYỄN - KHẮC TIẾN - TÙNG

(1) Về một vài hoạt động của cơ sở xuất bản Đức Bertelsmann xem thêm : cùng một tác giả.

Tiền hưu trí cho những người cầm bút, Phở Thông số 247, 15-6-70 trang 60-63 và *Vòm trời văn hóa quốc tế*, Phở Thông số 253, 1.10-70 trang. 20.26



PHỞ-THÔNG — 25

PHỞ-THÔNG

« Phản trụ đầu châu »

● TÁN-NHÂN

«Trai thời TRUNG HIẾU làm đầu»
(ĐỒ CHIỀU)

HI

O ÀNG Phi Hồ nguyên soái triều Thương thời Mạc Trụ, người đã làm sản sanh ra thành ngữ: « Phản Trụ đầu Châu » không phải do những thành bại ở chiến trường, mà là một lối rẽ quan trọng trong tư tưởng « Trung quân vương » hấp thụ bởi luân-lý Khổng-Mạnh của ông khi ông không còn chịu nổi Trụ Vương một ông vua dâm loạn, bạo ngược, nên về với Châu Văn Vương để đồng cùng nhau lật đổ chế độ bạo tàn.

Vốn là tướng lãnh, Hoàng phi Hồ có xông pha nơi trận mạc là thường, nhưng điểm quan trọng

ở chỗ ông phá vỡ và vượt được thành kiến cố chấp bởi hời thiếu suy xét về Trung quân mà bọn Phong kiến bảo thủ dùng làm rào kềm (Apartheid) nhất giữ bấy nhăm mắt làm thân trâu ngựa suốt đời.

Nói thế, không có nghĩa là nên luân-lý cổ truyền Á-đông bị vứt bỏ; ngược lại cần được minh xác và áp dụng cho nghiê-túc,

«Trai thời TRUNG HIẾU làm đầu»
Gái thì HIẾT HẠNH là căn tr
mình
(Đồ Chiều)

Tiêu chuẩn Luân-lý rành rành

đó, nhưng cái kiêu của con người là :
khởi phản tác dụng « gây ông đập lưng ông »

TRUNG VỚI AI ???

Đó, mới là vấn đề và cũng là chủ đề của các cuộc thời đàm, chính luận.



Mỗi một thời đại, một gia đoạn lịch-sử, một hoàng cảnh khách quan và chủ quan của mỗi quốc gia, dân tộc đó áp dụng, hay bị áp đặt một thể chế phù hợp hoặc đối nghịch với đa số nhân dân, thường do một áp lực hoặc tiến bộ hay thoái bộ, đều vượt ra ngoài ý muốn của cá-nhân. Cho nên tánh cách pháp lý (thực thể) chỉ tương đối đứng trên phương diện nhân tâm, mà dấu hiệu tối yếu tối là LÒNG DÂN (dân tộc tự quyết)

Bởi sự phức tạp đó mà người dân rất lấy làm khó khăn để đồng góp một cách sáng suốt chữ TRUNG của mình cho đúng đối tượng (nhà cầm quyền) để

Nhà cầm quyền thì luôn luôn thay đổi theo sự tiến hóa của lịch sử, theo luật thăng trầm lực lượng của nhau, càng khó hơn nữa những loại nguy quyền tay sai bả nhin phản quốc do ngoại bang áp đặt cũng mang nhãn hiệu « quốc gia, ái quốc, ái quần » để mong đổi gặt hầu cường đoạt chữ Trung trong nhân dân để ám trợ cho ngôi vị cũng như cho mưu đồ xâm lược.

Từ chế độ Tù trưởng Bộ lạc, qua Phong kiến, đến Tư bản, lên Xã hội chủ, nghĩa nó phản ảnh một sinh hoạt thật tại Xã hội theo đà tiến hóa của đời sống con người. Thời đại « ăn lông ở lỗ » sống bởi chế độ Bộ lạc, thì ngôi vị thống trị từ trong tay một người trọn quyền sanh sát theo cá tính của vị tù trưởng (cá nhân), tới ông vua thời Phong kiến (một triều đình), qua chế độ Dân chủ Tư sản (1 giai cấp giàu), lên chế độ vô sản chuyên chính (1 giai cấp nghèo)

chế độ nào cũng đòi hỏi chữ Trung của người dân, vì một lẽ rất dễ hiểu là nếu không có chữ Trung đó (của người dân) thì không chế độ nào tồn tại nổi,

Như vậy, chữ Trung là vũ khí nhiệm mầu vạn năng, một tề mịch lực vô biên, một nền tảng vững chắc cho chế độ nó vốn là Sở Hữu Của Dân của những kẻ bị bắt buộc phải cung nạp dè dặt thay vì bảo tồn chế độ phù hợp với quyền lợi của dân; thì ngược lại giữ vững quyền lợi thống trị của kẻ thù, dù nó là đồng chủng loại cũng vậy. Vì loại này đã mất gốc không còn Dân tộc tính lẫn nhân tính: Trụ Vương tìm thú vui trên sự chết chóc đau khổ của dân,

Bọn Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống, Phạm Quỳnh... « xem thù như cha mẹ » (Nói với cụ Phan bội Châu dựng mộ bia cho con chó Vá. Trích dịch: « không phải chủ là thù, không vì món ăn phản chủ. Bọn mặt người lòng thú xem thù như cha mẹ, thấy này họ mới nghĩ sao ? ! ») Bọn này mong tước đoạt chữ

Trung trong nhân dân để HAI DÂN vì tư lợi.

Nếu dưới thời Bộ lạc cai theo cá tính của vị tù trưởng, chẳng cần luật lệ gì cả: Con người là một bầy nô lệ cho tù trưởng trọn quyền sanh sát thì qua chế độ Phong kiến giai đoạn đầu chỉ là chế độ Tù trưởng mở rộng (Pha hoàng Louis XIV phán : « cái gì trăm muốn là hợp pháp » Con người trở thành Nô lệ cho quan lại Phong kiến. Đến khi cuộc cách mạng Pháp 1789 của những người dân bị áp bức nổi lên đòi quyền sống, Bọn tuyên ngôn NHÂN-QUYỀN và DÂN QUYỀN lần đầu tiên trong lịch sử Nhân loại mới

DECAPAN

THUỐC THOA. CHUYÊN
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI
DA.

được thành văn. Tuy nhiên, từ tuyên ngôn đến thực hiện còn do kết quả đấu tranh bằng xương máu của con người.

Khác hơn Bộ lạc, con người dưới chế độ Phong-Kiến được lý tưởng hóa chữ TRUNG. Thành Á-đông ảnh hưởng qua triết thuyết Khổng tử đặt ra trật tự Tam cương, ngũ thường mà quần thần cương được xếp ở hàng đầu. « Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung » cũng trong ý đồ đó, nghĩa là kêu đòi chữ Trung trước hết người dân phải riêng « đành » cho nhà vua để bảo vệ và thần phục vị « con trời » (thiên tử) như một nhiệm vụ thiêng liêng không có gì thay thế được.

« Căn cứ theo danh từ Khổng học, Vua gọi là nguyên chủ (nguồn gốc và ông chủ); vì người là chủ toàn quốc và nguồn gốc của quyền chánh trị. Luật pháp lệnh lạc không có sự ưng chuẩn của nhà vua không phải là luật lệnh. Như thế, vua là nguồn gốc chủ quyền chánh trị.

Tuy nhiên nhà vua không phải là nguồn gốc của quyền hành tuyệt đối chánh trị. Mặc dù triều thần nhận mệnh lệnh nhà Vua, nhưng chính vua lại nhận mệnh lệnh của « Thiên » chính « Thiên » mới có quyền hành tuyệt đối (...) Người trị dân này gọi là Thiên tử hay nôm na là con trời. (3)

Vua vì vậy là Thiên tử, là « phụ mẫu chi dân ». Trời chỉ định vua trị dân. Mặc dù vua có quyền hành thiêng liêng, nhưng vua vẫn là người, là một cá nhân như muôn ngàn người khác, địa vị và quyền hạn của vua hết sức tương đối. Nếu vua không hiền, không làm việc vì dân chúng, theo luật thiên nhiên vua sẽ bị hạ chức và có người nối ngôi.

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CÚM

Trên đây trích một đoạn của quyển « Tư tưởng chánh trị trong triết học Không giáo » của GS Trần quang Thuận: Theo ông, tuy vua là chủ nghĩa quốc gia nhưng vua nhận lệnh nơi « Thiên » mà theo không thuyết quan niệm chữ « Thiên » cụ thể được diễn tả trong câu : « Trời thấy như dân thấy, Trời nghe như dân nghe » nói nôm na là « ý dân là ý trời » hay « Dân muốn như Trời muốn ».

Quả thực Không Tử là lý thuyết gia Phong Kiến đầu tiên xây dựng thuyết Trung quân. Thần-thánh-hóa ông vua và lý-tướng-hóa chữ Trung, ông thu dụng chữ Trung trong thần dân bằng thuyết Trung-quân thay vì bằng vũ lực thô bạo của viên tù trưởng thời Bộ lạc. Nếu đặt cái thuyết ấy ra, thực chất ông vua đó là gì nếu không phải là viên tù trưởng mở rộng nhờ tài ưu biệt cá nhân (Thiết mộc Chân v.v) chinh phục được nhiều bộ lạc lập nên, hay tập ấm hưu truyền.

Nhà vua thống trị con người

nhờ lý thuyết Trung-quân tuyệt đối : « Dưới trời không có hai mặt, trong nước không có hai vua » (6). Vốn muốn chiếm lĩnh độc quyền chữ Trung trong thần dân để bảo vệ ngai vàng nắm độc quyền truyền tử lưu tôn uy thế tuyệt đối quốc gia cho dòng họ nhà vua.

Dù thuyết « Chính danh » của Không tử rất cần thiết trong thời các bộ lạc hỗn độn tương tranh với chủ trương : Vua phải ra vua, tôi phải ra tôi, chồng phải ra chồng, vợ phải ra vợ... một trật tự luân lý để văn hồi xã hội, hỗn loạn lúc giao thời từ chế độ « Vô-Vi-Vị-Ngã » của Lão tử — Dương chu phản ánh thật tại thời đại sống hoàn toàn theo bản ngã trong rừng ; thì khi nề nếp sinh hoạt đã vào khuôn khổ, thì chủ trương Tôn quân tuyệt đối ấy không còn là trọng tâm thiết yếu, chỉ làm cho vua chúa ngạo ngễ quá quắc thêm hơn, nên Mạnh Tử xác định lại : « Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh » cho thích hợp với trào lưu.

Thuyết Trung quân đi lần từ tuyệt đối đến tương đối vì sự quá lạm dụng của vua chúa, cũng như sự phản bội của nhà cầm quyền luôn luôn vương mắc trong « vòng luẩn quẩn của Nông dân » lật đổ vua chúa tàn bạo này để rồi cũng dựng lại chế độ phong kiến khác : Thành Thang đuổi vua Kiệt lập nhà Thương, nhưng nhà Thương lại sản sanh ra Trụ Vương, Cũng như nhà Châu diệt Trụ Vương rồi lại có U vương. Lê Lợi có Lê Chiêu Thống... Cách mạng tinh có từ buổi đầu nơi con người lãnh đạo vớu là người bị áp bức lần lượt biến chất khi địa vị thay đổi từ bị áp bức trở thành kẻ áp bức. Thành Thang, Châu Văn Vương, Lê Lợi đều là nạn nhân của bạo quyền trước kia họ cùng bị áp bức, nên họ cũng nhau tranh đấu và được nhân dân bị áp bức ủng hộ. Bởi thế, chánh quyền buổi đầu phần nào phù hợp với quyền lợi đa số nhân dân ; nhưng cái tương quan giữa nhà cầm quyền với dân chúng lần lần mâu thuẫn

theo nhịp độ thời gian biến chất xa rời quần chúng của vua chúa.

Mâu thuẫn này ngày càng sâu sắc từ triều đình (vua quan) với lê dân, đến giữa triều đình với nhau. Đây là tới giai đoạn « hết thú rừng làm thịt chó săn » vì quyền lợi giữa vua và quan đã đến lúc cấu xé giành giật lẫn nhau để thụ hưởng: Trụ vương cưỡng đoạt sắc đẹp Giã Thị vợ tối thần Hoàng phi Hồ. làm cho Giã Thị phải liêu minh nhảy xuống

Bà lạ đòi lấy cái chết để bảo tồn triết trình. Đây là một giọt nước thêm vào ly đầy, thành ngữ « Phẫn Trụ đầu Châu bể đầu từ đó.

Trước Trụ Vương bạo tàn dân loạn, phản Trụ đầu Châu là khư ám hồi minh » bỏ tối về sáng, không Tử và môn đồ không hề chèn trách vụ này.

« Kinh Xuân Thu có ghi chép 36 vụ giết Vua Chúa có chỗ dùng danh từ « sát » có chỗ dùng « thích nghĩa là muốn ám

chỉ sự giết hại tự nhiên, đúng luật và sự giết hại phạm pháp. Điều phân biệt này hết sức quan trọng đối với tư tưởng dân luật ngày nay. Kinh Xuân Thu cho hay rằng giết vua hay giết cha không Phạm tội hành thích nếu những vị này đáng tội xử trảm — Tinh thần cách mạng này được diễn tả một cách rõ ràng sau thời Khổng Tử 100 năm, do đồ đệ của Ngài là Mạnh Tử, khi vị này tuyên bố là giết người bạo ngược không phạm tội sát (7)

Nhưng tại sao miệng đời lại dùng câu « phản Trụ đầu Châu » để chửi rủa, ngụ ý biến nhẹ kinh khi ? Phải chăng vì dư luận bị nhà cầm quyền Phong kiến đầu độc bóp méo (theo kiểu B. au dauglu) bảo vệ thuyết Trung quân mù quáng vốn đã lỗi thời để làm rào kẽm gai (apartheid) giữ bày tôi nhắm mắt làm trâu ngựa suốt đời.

Giã thử Hoàng phi Hồ ú li bất liêm sỉ nhường vợ cho vua (còn khá hơn dâng vợ

ho ngoại kiều) bầm riết vào lợi danh lợi nhơ bần mà trợ bạo vì ngược kéo dài chế độ tàn bạo của Trụ vương là kéo dài tai họa cho nhân dân, thái độ đó đối với nhân dân, với lịch sử có đáng hoan nghinh tán thưởng hay chê trách ?

Chữ TRUNG của ta lại đi cùng phụng cho chế độ tàn bạo phi nhân như vậy sao ???

Nếu đem Tỷ can, thái sư Văn Trọng so với Hoàng phi-Hồ, Khương tử Nha, Châu Văn Vương mỗi bên sử dụng chữ TRUNG nhằm vào ĐỐI-TƯỢNG khác nhau nên kết quả cũng khác nhau.

Phạm Quỳnh quan niệm chữ Trung là phải dâng hiến cho thực dân xâm lược Pháp. Ông nói : « Ai đã ái quốc, tức vị nước Pháp » (8) tư cách và thái độ của Phạm Quỳnh đối với quốc gia Dân tộc được nhà văn Thiều Sơn phản ánh lại trên báo L.A : « Ông Quỳnh bảo : Dân chúng như con GIUN cái ĐẾ, từ dưới

PHỖ-THÔNG — 259

họ ngó lên lầu đài dinh thự, thấy mình (Quỳnh) đương cùng ly với nhà cai trị Pháp họ nghĩ mình là việt gian bán nước ; chớ họ có biết đâu mình đang tranh đấu cho quyền lợi quốc gia dân tộc mà trong đó có họ ! »

Ôi ! bất hạnh thay cho dân tộc Việt Nam với lối « yêu nước » của nhóm Phạm Quỳnh.

Riêng giới trí thức V N thì « con sâu » này đã đầu độc sâu rộng trong nền văn hóa dân tộc những độc tố còn hiện rõ trong mạch máu giáo dục hiện nay.

Hôm nay, sau nhiều nổi biến thiên thăng trầm của đất nước, những lời « Ái quốc, ái quần » của nhà « trí thức » Việt Nam (nhóm Phạm Quỳnh) lòng tôi vô cùng đau xót.

Tình yêu Tổ quốc đồng bào có thể còn chen chúc được với đồng Franc, đồng dollar để tìm một vị trí khiêm nhường trong trái tim hạng người khinh miệt Dân tộc mình như « con giun cái đế » ấy được sao ?!

PHỖ-THÔNG — 259

Đem chữ Trung của Trần bình Trọng, Lê Lai, đến Nguyễn văn Út, người lính quốc gia dám đổi mạng với trung tướng Chanon .. một EM BÉ BÔNG GÒN (Lê văn Tám ?) đem thân làm đuốc đối kho đạn Đakao ; Truong đình Dót dùng thân mình làm nút chặn cản bánh xe đại bác khỏi rơi xuống núi để đánh Pháp ở Điện biên Phủ ; cảm thấy họ hiền ngang vĩ đại làm sao !

Trong lúc học giả Phạm Quỳnh đại thần Nguyễn Thân, tổng đốc Thân trọng Huê, Hoàng cao Khải...những hạng người « con cái một nhà hai tổng đốc, Pháp Nam hai nước một trung thần ! » ấy bề thế chức tước họ quá lớn lao. Chắc hẳn họ có nhiều huy chương lắm ! Có điều cũng chắc chắn là huy chương ấy nhứt định không phải của Dân tộc Việt Nam vì lẽ các ông ấy không phải trung với tổ quốc VN !

Cho nên cụ Đồ Chiểu đã nói lời nói đầu tiên trong tác phẩm nổi danh của cụ là « Lục Vân

Tiền » câu : « Trai thời trung
hiếu làm đầu » — Đúng ! —
Nhưng mà TRUNG VỚI AI ???

Chắc chắn là mọi người hôm
nay đã giải đáp được rồi, vì lẽ
sách Thánh hiền không bao giờ
dạy một thứ luân lý quái gở :
« Pháp Nam (hay gì gì Nam) 2
nước 1 trung thần ! »

Mà chỉ có : TRUNG VỚI
NƯỚC, HIẾU VỚI DÂN.

T.N

(1)- Chuồng nhốt dân da đen ở
Nam phi của người da trắng :
sớm thả đi làm, chiều về nhốt
lại. Bài GS Lý chính Trung
trong ĐẤT NƯỚC số 1 tháng 11-
1967.

(2)- Phạm Quỳnh ca ngợi triều
đại toàn quyền Albert Sarraut là
thời « minh trị » là « đáng từ
phụ » đến đối trong bài diễn
thuyết ở văn miếu đăng trong
Nam Phong số 22 tháng 4-1919
Sarraut Khoa Trường khóa lác

rằng : » dân An nam gọi tôi là
cha hiền, thì có người cha hiền
lại bỏ con ! » (chủ nghĩa thực
dân Pháp của Nguyễn văn Trứ
trang 12)

(3)- Sdd chủ thích : ph V, qu
XI ph V, qu I. VIII Sử kinh

(4)- Sử kinh ph V. chg 2 qua
chg V.

(5)- Sdd Mạnh Tử : phần V. qu
I chg V

(6)- « » đoạn I

(7)- Mạnh tử : « Tàn nhân giả vị
chi Tàn : người hại nhân gọi là
Tàn,

Tàn nghĩa giả vị chi Tặc :
người hại nghĩa gọi là Tặc.

Ngã văn sát nhứt phu Trụ
vĩ văn thần thi kỳ quân » Ta
nghe giết đũa tên Trụ chưa nghe
tôi giết vua :

(8) Chủ nghĩa thực dân Pháp
của Nguyễn văn Trứ trg 141.

Tìm hiểu vị tiền đạo khoa sử

học Tây Phương Hérodote

□ NGUYỄN QUANG TÔ

NÓI tới vị ty tổ khoa sử
học Đông-phương, người ta
nhắc tới Tư-Mã-Thiên, cũng như
khi nói tới vị Tiền đạo khoa Sử
học Tây-phương, người ta liền
nhắc tới tên Hérodote. Vì lẽ tác
phẩm lịch-sử của ông là viên đá

đầu tiên để dựng lâu đài sử học
Tây-phương.

Có người sẽ nói : Trước Héro-
dote ở Tây phương cũng đã có
những sử gia xuất hiện, ví dụ :
Hecatalus ở Miletus và Hellani-
cus ở Lesbos v.v...

Tuy nhiên, thời kỳ hai nhà
viết sử-học Tây phương, tới
Hérodote ông mới viết nên
bộ lịch-sử tương đối hoàn bị,
cho nên ông được tôn xưng là
vị tiền đạo khoa sử học Tây-
phương là rất hợp lý.

THÂN THỂ SỰ NGHIỆP HÉRO-
DOTE (480-430 TRƯỚC TÂY
LỊCH)

Hérodote hiện nay được
người Tây phương tôn xưng là :
« ông vua chuyện cổ tích. Người
cha đẻ môn lịch sử ở Tây-
phương. Nhà pháp minh của
nhân chủng học.

Ông sinh trước Tây lịch kỷ
lúc bấy tại nước Hy-lạp đang
có sự tương tranh của Nhã-
điền và Ba-ur với Hy-lạp, ông
lớn lên giữa lúc Hy-lạp đang

suy đồi xuống giốc, chế độ chuyên chế thịnh hành, bọn quý tộc làm gió, giai cấp bình dân bị trị khùng bao nổi áp bức bất công.

Ông là con cái của một gia đình quý tộc tại miền tiểu Á-tê-Á, lúc bấy giờ ở dưới quyền thống trị của bọn Đế quốc Ba-Tur. Theo pháp lệ hiền hành về quy định quốc tịch thì ông là người Ba-Tur, nhưng lại kiều cư sang tiểu Á-tê-Á của người Hý-lạp.

Năm ông 33 tuổi, bị người ta bắt buộc xa rời quê hương sang ở Nhã-Điền. Tới năm 430 trước Tây lịch ông chết luôn ở đây.

Xuất thân trong một gia đình quý phái. Những người anh em của ông, đều nổi tiếng là những nhà thơ vĩnh sử.

Hérodote được sinh ra và lớn lên trong một gia đình phong phú về cổ thi, chuyện cổ thần thoại, các giai thoại lịch-sử, cho nên từ lúc còn thơ ấu người ta đã tập cho ông kể chuyện cổ

tích, bằng cách kể chuyện cho mẹ nghe, cho anh em chị em trong gia đình cùng nghe chung. Chỗ nào ông kể không hay, người lớn sửa chữa lại cho. Chuyện này thì bắt sang chuyện khác. Như thế có nghĩa là ông đã được luyện tập viết văn sử từ lúc còn thơ ấu.

Lớn lên đi học, sau khi từ ngưỡng cửa nhà trường, ông đam mê đọc sách, những sách vở đương thời ông đọc hầu hết, đọc nhiều rồi ông bắt đầu viết. Nhờ vậy, Hérodote không những là một sử gia mà còn là một văn gia nữa...

Cũng giống như Tư-Mã-Thi ở Trung-hoa, bình sinh Hérodote rất thích đi du lịch, ông có nguyện vọng muốn tìm hiểu mọi sự vật trong đời. Không những ở Hý-lạp mà ông còn đi du lịch nhiều nước khác, như Ba-Tur, Assyria, Ba-Ý-Lơ (Babylon) Seythia. Thời gian ở Ai Cập, đôi bờ sông Nin là nơi ông lưu trú lâu nhất, vì thời

ông ở nơi đây có nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu quan sát lâu nhất.

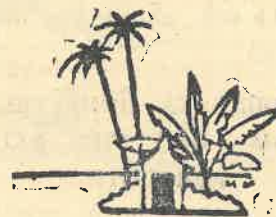
Ngoài ra ven miền Hắc hải, Ba-lục-Tur (Palestine) v.v.. không nơi nào là ông không quan sát tới. Thời gian du lịch quan sát của Hérodote là 17 năm (tự năm ông 20 tới 37 tuổi).

Trong 17 năm du lịch cuốn sổ tay của ông người ta thấy ông ghi chép hết sức tỷ mỉ đủ thứ đủ bộ môn không đề sót một chi tiết nhỏ nào. Cho tới những phương tiện vận tải bằng thuyền, bằng voi nay lừa ngựa ở vùng Âu-Phát-Lạp-Đế (Euphrates river) và sông Nin Ông cũng rất lưu ý tới những khoáng sản, vàng bạc, và các loại kim khí, cũng những phương thức mậu dịch ở Tây Phi-Châu.

Cả tính của ông rất thích những cái lạ, cho nên ông rất hay kể những loại động vật kỳ quái ở các nơi mà ông đã được trông thấy, cũng những phong tục kỳ quái trác lạc của từng địa phương.

Ví dụ : tục ăn thịt người, lấy xương đầu lâu của kẻ địch làm ly uống nước, chôn sống người, uống máu phát thê v.v...

Ông cũng không quên kể rõ những nếp sống của những giống người thiểu số ở các nước có những hành vi quái lạ. Ví dụ trong bộ sử của ông có chỗ ông ghi rõ : « Ai muốn lấy người con gái Souromatair làm vợ, thì phải giết cho được một kẻ thù của giống người này, thì nàng con gái ở đó mới nhận làm chồng. Mount Pangat là người đầu tiên chủ trương chế độ đa thê, ở Lycians lấy họ mẹ mà không lấy họ cha. Tại Babylon có những cái chợ chuyên môn bán con gái. Tại Pelasgians có tục dùng sức mạnh ăn cướp con gái



kẻ khác về làm giả tỷ hay vợ người ở Lybyans ăn giống sâu rọm, cắt tóc thì đằng trước cao trắng, phía sau để tóc dài, hay cạo một nửa đầu bên trái mà bên phải lại để dài mặt mũi bôi đen, thân thể vẽ vân, trông rất quái gở v.v.v...

Hérodote, một người rất chịu khó ghi chép tỉ mỉ những chuyện kỳ khôi của những giống người kèm theo những nhận xét sâu sắc tỉ mỉ của ông.

Có lẽ cũng vì thế mà người sau tôn xưng ông là một nhà nhân chủng học đầu tiên.

Tác phẩm lịch-sử đầu tiên của ông là bộ sử nước Ba-Tur, Ông bắt đầu viết vào năm 448 trước Tây-lịch kỷ nguyên ở tại Lonia.

Nguyên tắc viết sử của Hérodote là vừa du lịch quan sát vừa ghi chép sự việc giống như một nhà viết phóng sự điều tra vậy.

NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC BỘ SỬ ĐẦU TIÊN CỦA HÉRODOTE

Các sử gia cận đại nhận định cho rằng bộ sử đầu tiên Hérodote gần như một bản lược án của một vị thực sĩ sử-học.

Khởi điểm ông ghi chép cuộc chiến tranh Ba-tur xâm lược Hy-lạp vào năm 490 trước Tây lịch kỷ nguyên. Đặc biệt bộ lịch sử này người ta chê ông viết phần tổng luận quá dài chiếm 2/3 sách.

Số lượng bộ sử gồm có 8 chương mà phần tổng luận chiếm mất 6. Trong phần tổng luận ông đã đào sâu tới những điểm rất sâu xa, của từng sự kiện lịch sử.

Sau đây là nội dung từng chương một.

CHƯƠNG I : Truy tầm tới nguyên nhân sâu xa giữa cuộc tương tranh Âu Á và lịch trình phát triển nước Ba-Tur.

CHƯƠNG II : Tường thuật về việc Ba-Tur xâm lược Ai-cập nhân đó ông khảo sát và ph

hình rất rõ ràng về lịch sử Ai Cáp.

CHƯƠNG III : Tường thuật Cambyses chinh phục Ai-Cập, Ethiopea cùng Ammonia nhưng bị thất bại.

CHƯƠNG IV : Tường thuật việc Vua Ba-Tur Darius gây chiến với Sythians; cũng trong chương này tác giả khảo sát khá tỉ mỉ kỹ càng về nhân tính, phong tục, tôn giáo, chính trị, kinh tế v.v., của các nước Bắc Âu.

CHƯƠNG V : Tường thuật cuộc tương tranh giữa Ba-tur và Hy-lạp.

CHƯƠNG VI : Tác giả đi sâu vào vấn đề để phân tách tìm kiếm nguyên nhân trực tiếp và gián tiếp, nông cạn và sâu xa của cuộc xung đột Ba-Tur và Hy-lạp.

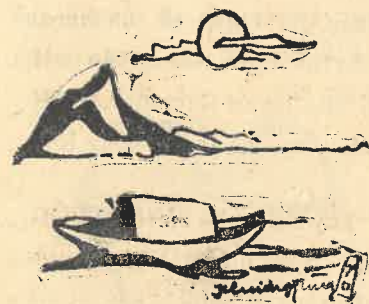
CHƯƠNG VII : Năm 490 trước Tây lịch kỷ nguyên, sau trận chiến bại tại Marathon, quốc vương Ba-Tur là Darius ráo riết chuẩn bị để khai chiến lần nữa.

CHƯƠNG VIII : Mô tả quân đội Hy-lạp đại thắng quân Ba-Tur ở Solonus

CHƯƠNG IX : (chương cuối cùng) Tác giả ghi chép tường tận trận ác chiến tại Thermopylac, đôi bên đều tổn thất nặng nề.

Rồi ông kết luận : mặc dù vậy, nhưng cái ý đồ xâm lăng ai-cập của người Ba-Tur vẫn chưa chịu tan biến hẳn. Nhưng rồi đánh mãi không thắng nổi, cuối cùng cũng phải rút quân về, nói là để bảo đảm danh dự ; danh dự của một tên tướng cướp không hạ nổi gia chủ, cuối cùng phải rút lui.

Bộ lịch-sử này của Hérodote, hoàn toàn khác với một bộ



chính sử cổ động và khô khan, làm người đọc phải nhớ những nhân danh, địa danh, ngày tháng một cách cực nhọc; mà trái lại ông viết rất duyên dáng hấp dẫn. Mặc dù tác giả không cố ý tiểu thuyết hóa tác phẩm của mình, nhưng trong khi trình bày, phụ diễn sự việc, ông khéo lồng vào những đoạn nói về triết lý, về bối cảnh lịch-sử, văn hóa, xã-hội của mỗi địa phương, có khi tường thuật lại những cuộc hùng biện ở những cuộc hội họp, hay ở ngay mặt trận, làm cho người đọc hào hứng đến nỗi đọc không biết chán.

Ở đây ta phải kể rằng : viết chính sử như thế, thì Hérodote chưa thành công, vì phương pháp viết chính sử không thể như thế được. Nhưng bảo là viết để cho người thích đọc, thì Hérodote quả đã thành công lớn.

Tuy nhiên, bộ sử của Hérodote các sử gia hiện đại Tây phương cho rằng còn những khuyết điểm như sau đây :

Khuyết điểm lớn lao nhất của ông là bản thảo đầu tiên ông không hề chia chương mục, mà cho tới năm 1608, khi ấn hành lại không biết được là lần đầu mấy người ta mới thay ông đặt tên chương và cái tên là « THOẠI SỬ ».

Một khuyết điểm khá quan trọng nữa là : Trong khi tác giả ghi chép cuộc chiến-tranh giữa Hy-lạp và Ba-Tur với La-Mã về chiến mà bỏ sót những chiến cuộc quan trọng ở những Phoenicia, Carthage, và Etrugia ; cũng như chiến cuộc ở Trofjan Hérodote cũng nói một cách quá sơ sài.

Nhưng sau khi phê bình như vậy rồi, các sử gia Tây phương hiện đại cũng đều phải nhận chân giá trị của Hérodote qua tác phẩm đến phải kể những câu sau đây :

«Tuy vậy, đọc hết bộ sử đầu tiên của Hérodote, ai cũng phải công nhận ông là người đi nhiều biết rộng, quan sát sự việc thấu đáo, câu

duyên dáng, hấp dẫn...

«Cho nên bộ sử của ông cho tới nay vẫn còn là một kho tài liệu, vừa phong phú, vừa quý giá các sử gia cả thế giới, khi viết lịch sử không ai không phải dùng nó làm tài liệu tham khảo ; nhất là khi viết về lịch-sử những nước như Hy-lạp, Ba-Tur, Ai-Cập, đều phải dùng bộ sử của ông làm tài liệu chủ yếu.

SỬ QUAN CỦA HÉRODOTE

Qua những giòng trên ta thấy rằng Phương pháp viết sử của Hérodote tác giả căn cứ vào hai tài liệu :

- 1) Căn cứ vào sách vở cũ mà ông đã từng đọc và nghiên cứu.
- 2) Tham hợp, phối kiểm những tài liệu của ông đã du-lịch quan sát trong 17 năm.

Khi ghi chép sự việc ông không bao giờ chỉ căn cứ vào tài liệu sách vở cũ, cũng như những tài liệu tai nghe mắt thấy như thế ấy mà là ghi chép như thế ấy

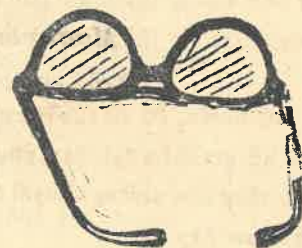
Trước khi ghi chép sự việc, bao giờ ông cũng sàng sảy, chọn lọc, nghiên-cứu, phân tích dựa trên tinh thần biện chứng, khoa học. Có những điểm tồn nghi là ông ghi rõ tồn nghi, ông không chủ quan phiến diện, ông chuyên dùng một sự quan rất chính xác, lấy sự thực làm căn bản.

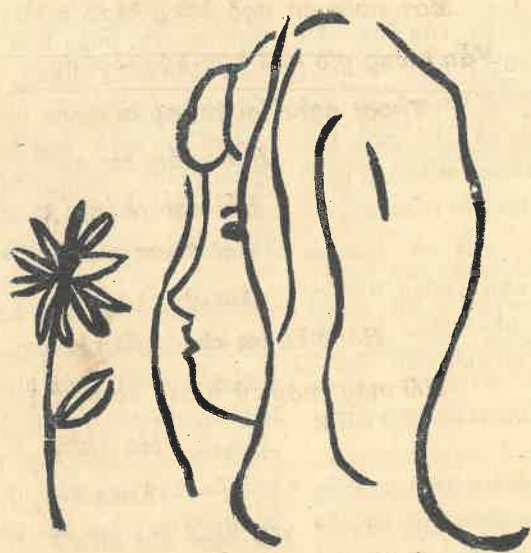
Chính nhờ vậy, mà bộ sử của ông cho mãi tới nay, cả thế giới vẫn phải công nhận là bộ lịch-sử rất có giá trị đầu tiên của khoa sử học Tây phương, và bản thân ông vẫn được coi là nhà Tiền đạo của khoa học nhân loại nữa.

NGUYỄN - QUANG - TÔ

Cao học Văn chương

□□□





Bao giờ quên được chuyện Tô Châu

Mười năm trở lại bên TÔ-CHÂU,
Trời cao biển rộng bóng em đâu ?

Mười năm thương nhớ,
Chín khúc vương sầu !

Em về đâu ?
Tìm chẳng thấy !

Vẫn làn mây trắng bay-bay ấy,
Mới nhìn cứ ngỡ bóng hình ai.
Vẫn luồng gió mát hây-hây thoảng;
Thoạt nghe lại tưởng ai cười.

Buồn lắm em ơi !
Bút nào tả xiết ?
Cúi đầu mãi-miễn,
Tìm vết chân em.
Hỏi biển im không đáp lại,
Hỏi mây mây cứ hững hờ bay.
Mà thôi,
Em ơi !

Hỏi làm chi nữa ?
Khi :

Hòn Kim-Dữ cứ lặng buồn,
Nước Đông-Hồ thêm lặng-lẽ.
Mười năm thương nhớ,
Chín khúc vương sầu !

Bao giờ gặp lại người năm trước ?
Bao giờ quên được chuyện TÔ-CHÂU ?

4-11-1970

ĐIỀN-THỦY
(KIÊN-GIANG)

Đá vọng phu

● SH THÁI-TÀU

ĐÁ Vọng - phu hay Vọng-phu-thạch là một thắng cảnh cổ tích nằm trên núi Chánh-Oai thuộc dãy Văn-quy, Núi Bà quận Phú-cát, cách Qui-nhơn lối non 30 cây số về hướng Bắc.

Trên núi có bốn hòn đá xanh trông giống hình một người đàn bà đang bế đứa con ngồi bên cạnh một con mèo và chiếc rổ vá dằm dằm nhìn ra biển đông như trông như đợi.

VỌNG-PHU-THẠCH BÌNH ĐỊNH:

Vọng-phu-thạch này mang một sự tích ly kỳ rằng :

Ngày xưa có hai vợ chồng một gia đình nọ sinh được hai người con, một trai lên tám, một gái lên sáu. Một hôm hai vợ chồng đi làm vắng nhà, hai đứa bé kia mới rủ nhau ra vườn đốn mía ăn. Đang lúc hăng say chặt mía, chẳng may lưỡi dao nơi tay người anh sút cán văng ra trúng ngay đầu đứa em gái ra máu ra lênh láng, nằm bất tỉnh. Người anh tưởng đứa em đã chết, sợ cha mẹ về đánh đòn nên tìm đường lẫn trốn.

Hai vợ chồng đi làm về thấy cơ sự, vội đưa người con gái vào nhà lo thầy chạy chữa. Ít lâu sau vết thương hơi đầu người con gái đã lành mà tin tức

người con trai kia thì biệt tăm. Ông Bà buồn khổ, sinh bệnh rồi tiếp nhau qua đời. Đứa con gái đơn độc sống phiêu bạt rày đây mai đó giữa chợ đời.

Ngày tháng lần lượt trôi qua. Người con gái kia lớn lên kết duyên cùng một chàng ngư phủ. Vợ chồng đầm ấm sống yên ổn trong một ngôi nhà dưới chân núi Bà Phú-cát. Hằng ngày, chồng đi nghề chài lưới, vợ ở nhà nội trợ trông nom đứa con xinh xắn đầu lông vừa mới lên hai lên ba.

Một buổi sáng nọ rồi rảnh, chồng ngồi vạch đầu bắt chích cho vợ. Vừa vạch đầu vợ người chồng chợt thấy một vết sẹo dài nơi chân tóc ngay sọ. Chồng hỏi vợ nguyên ủy. Người vợ thuật lại chuyện năm xưa bị người anh không biết hiện giờ sống chết ra sao !

Người chồng ngạc nhiên thầm nhận ra mình là anh và người vợ hiện tại là em gái mình ngày xưa. Phần thương nhớ cha mẹ, phần ăn năn lỗi lầm ngày trước,

phần bị mặc cảm tội lỗi hiện tại dày vò. Chàng đau khổ, nhưng chàng cố dấu kín sự tình không cho vợ biết. Một buổi sáng nọ đi hành nghề, chàng bỏ đi biệt tích.

Người vợ ở nhà càng chờ càng chẳng thấy chồng về, bèn bồng con lên núi đứng trông. Nàng thương nhớ vô vàng, bỏ ăn, tình chung thủy rên rỉ tâm can, mặc cho nắng gọi mưa chang. Lâu ngày nàng, con, rổ vá, con mèo hóa thành đá.

Từ ấy người địa phương gọi là ĐÁ VỌNG-PHU và toàn dãy núi Văn-quy mang hình đá nói trên có tên là NÚI BÀ và trở thành một danh sơn thắng tích của tỉnh Bình-Định.

Không biết ngày xưa, Tôn-thọ-Tường có đến viếng Đá Vọng-phu này không mà để lại một luật :

Hình đá ai đem đặt biển đông,

Giống hình nhĩ nữ dạng
ngồi trông
Da dôi phần tuyết phơi màu
trắng
Tóc gội dầu mưa giữ bụi
hồng
Ngày ngắm gương ô soi đáy
nước,
Đêm cài lược thỏ chải trên
không.
Đến uay phông đã bao nhiêu
tuổi
Trạc bèn gan chẳng lấy
chồng (1)

Thi sĩ Song-Thanh và Thường-
Tiên họa nguyên vận :

Nhìn con chạnh tủi lệ sầu
đông
Hóa đá tro hình dạng ngóng
trông
Đêm hừng sương chang đầu
điểm bạc,
Ngày phơi nắng rắng má
phai hồng.
Gió lay những đợt thuyền ai
ghé
Trăng đôi nào bến nước dè
không

Sương tuyết chỉ sòn gan
Khư khư một dạ chẳng
chồng
(Song-Thanh)

Nghe nói vọng phu ở
Đ
Chân đi chưa tới, mắt ch
tr
Bạc đen bìa lăm tình qu
Tiết nghĩa buồn cho ph
má h
Ôm trẻ dầm sương ai b
c

Trông chồng thành đá
rằng không
Tro tro một khối từ sơ
Thêu dệt ra chỉ chuy
ngóng chồng (1)
(Thường-Tiên)

Thi-sĩ Ngọc-Xích cũng có m
bài y tiền đề bài của Tôn-th
Tương :

Đừng đo bao giờ đến
gi

Trông chồng thành đá khối
tro tro.
Xuân tàn thu đến trông
muôn dặm,
Gió tạt mưa tuôn quyết một
một thờ
Đất khách riêng lo thân
chích mác
Giữa trời cam chịu cảnh bơ-
vơ
Bề khô núi vỡ lòng không đổi
Khăng khăng chôn chưa
đứng đôi chờ (1)

Thời tiền chiến thi-sĩ Trường-
Xuyên ở Bình-định đi ngang qua
vọng phu-thạch cũng có cảm đề
hai luật :

Chồng đi biệt tích tự bao giờ.
Một góc trời Nam một dạ
chờ
Lụy nhớ mưa ngàn tuôn
nượ nượ,
Tóc thề mây núi bạc phơ
phơ !
Non chồng nghĩa nặng cao
vời vọi,
Nước vương tình sâu chảy
lững lờ
Dán biển đã bao đời kiếp
trải,

Lòng sòn một tấm mãi tro
tro.

★

Người đã không về tin cũng
không
Đầu non dất trẻ đứng trông
chồng
Nước mây quanh vắng trông
khó lẽ
Mưa nắng phơi pha má lợt
hồng.
Lời thề vững ghi lòng sắt đá,
Khối tình riêng nặng gánh
non sông.
Nỗi niềm ai biết ai không
biết.
Gương nguyệt nghìn thu rạng
biển Đông,

VỌNG-PHU-THẠCH LẠNG SƠN :

Đó là Đá Vọng-phu ở Phù-cát,
Bình-định. Còn đá Vọng-phu
trong câu cao dao :

Đồng-đăng có phố Kỳ-lừa
Có nàng TÔ-THỊ, có chùa
Tam-Thanh

*Ai lên xứ Lạng cùng anh
Tiếc công bác mẹ sinh thành
ra em*

*Tay cầm bầu rượu nắm nem
Mân vui quên hết lời em dặn
dò*

*Gánh vàng đi đò sông Ngó
Năm đêm mơ mộng đi mò
sông Thương... »*

Và trong 3 bản nhạc « Hòn Vọng-phu » I, II, III » của Lê-Thương là Đá Vọng-phu ở tỉnh Lạng-sơn (Bắc - Việt) gần xứ Đồng-dăng, bên động Tam-thanh và cạnh sông Kỳ-cung, trông cũng nhang nhác hình một người đàn bà ôm con. Người đàn bà ấy là nàng TÔ-THỊ.

Chuyện kể rằng :

Nàng và chồng đang sống với nhau đầm ấm, yên vui thì bỗng trời làm loạn lạc. Chàng phải ra đi lính thú trấn ải biên thùy. Trước còn tin đi tin lại, sau bắt vô âm tín. Tô-Thị ở nhà nhớ chồng ngày ngày bông con lên núi ngóng trông. Nhưng hết ngày này qua tháng khác mà người chinh-phu vẫn biến biệt chẳng

thấy trở về. Nàng đợi mãi, đợi mãi cho đến một ngày kia, nàng và con nàng hóa đá.

Theo một vở hát của Nguyễn-thức-Nghiêm soạn và ông Phan-Phong-Linh trích dẫn trong bộ « Động Tam-Thanh » (2), thì nàng Tô-Thị là người làng Tô-Thị xinh đẹp và đoan trang. Gần đấy có một người học trò nghèo tên Đậu-kim-Liên, học giỏi. Hằng ngày đi học đi ngang qua nhà rồi đem lòng yêu dấu và nhờ người đến hỏi làm vợ. Đồng thời cũng có Đình - trưởng Kỳ-lừa hỏi Tô-Thị làm vợ lẽ.

Không tham ruộng cả ao liền của Đình-trưởng, Tô-Thị lại tham cái bút cái nghiên của anh học trò nghèo nên sau đấy lấy kim-Liên và mở cửa hàng ở phố Kỳ-lừa để nuôi chồng ăn học,

Đình-trưởng thì vẫn thả lời ong bướm. Nàng cự tuyệt và sỉ vả. Đình trưởng đem lòng thù bèn tìm cách bắt Kim-Liên đi lính thú. Tô-Thị thương nhớ chồng viết thư thăm hỏi và dệt gấm thành

thơ đề gửi cho chồng nhưng đều bị Đình-trưởng tìm đi không lời tay Kim-Liên.

Phần thi quá nhớ chồng, phần thi bực tức vì Đình - trưởng. Tô-Thị phát điên chạy lên núi hướng về phía Bắc ngóng chồng, lâu ngày hóa thành người đá.

Khi Đậu-Kim-Liên về biết rõ sự tình buồn rầu, than khóc rồi đi tu ở chùa Tam-Thanh, Tô-Thị hiện vào hoa sen trong chùa rồi ở hoa sen ra đoàn tụ với chồng.

Căn cứ vào sự tích và vì núi mang hình người đá nên gọi là Núi Vọng-phu hay Núi Tô-Thị.

Thi hào Nguyễn-Du có bài Vọng-phu-thạch này rằng :

*Thạch đa ? Nhân đa ? Bể hà
nhân ?*

*Độc lập sơn đầu thiên bách
xuân*

*Vạn kiếp diêu vô vân vũ
mộng*

*Nhất trình lưu đắc cổ kim
thân*

*Lệ ngân bất tuyệt tam thu
vô*

*Đài triện trường minh nhất
đoạn văn*

*Từ vọng liên sơn diêu vô tế
Độc giao nhi nữ thiện di
luân.*

Quách-Tấn tạm dịch :

*Đá hay người ? ấy ai người
ấy ?*

*Đầu non cao trải mấy nghìn
xuân !*

*Giấc không bén mộng Vu
thần*

*Tám thân kim cổ trong ngàn
gương trình*

*Mưa ba thu lệ tình lai láng
Ngàn rêu in một áng sầu
vẫn*

*Non xanh liếp mắt xa gần
Gánh luân thường để riêng
phần thuyền quặng (3)*

(Còn nữa)

Tao - Đàn Quỳnh dao

Đêm 20-12-1970 Tao Đàn Quỳnh . Dao
hợp tại nhà Tôn - Nữ Hỷ-Khương, đường
Trần Hoàng-Quân — Chợ lớn. Dự hội có trên
10 Nữ Thi-nhân có tên tuổi, trong đó vài ba
có bạn trẻ ngồi lẫn với mấy vị lão thành,
người Bắc, người Huế, người Nam. Bên Nam
giới được mời cũng có vài ba người. Vũ-
Hoàng Chương ốm nặng, có thơ cáo lỗi.

Đây là những bài thơ xướng họa trong
đêm hội thơ ấy.

Mộng Thanh Bình

Thanh bình mộng cũ dệt thành thơ,

Tri kỷ cùng ai... vẫn đợi chờ :

Hoa cỏ điểm tô mừng vận mới,

Sơn hà tổ rạng đón xuân sơ.

Bút nghiên còn được tình mây nước,

Chinh chiến tàn-phai cuộc gió mưa,

Nam Bắc chung vui ngày hội ngộ
Khải hoàn ca khúc trời đường tơ.



Đôi hàng kính gửi khách yêu thơ,
Xin chớ làm ngơ, chớ hững hờ,
Bữa tiệc chiều nay đã dọn sẵn,
Ngày này, tháng ấy, (1), lúc năm giờ.

Tôn-Nữ-Hỷ Khương

(1) Ngày tháng đã ghi chú ở một bức thư
kèm trên.

Họa nguyên vận

1— Trót vì mang nặng nghiệp thi thơ,

Há để giai nhân luống nhọc chờ.

Gặp bạn làng văn mừng rỡ-rỡ,

Ta lòng mấy vận họa sơ-sơ.

'Thanh-bình trở lại qua giông tố,

Tiết-tháo còn trơ trái nắng mưa.
Một bức dư đồ muôn thuở rạng,
Ngại gì vươ g vẫn mấy vòng tơ.



Yêu thơ nên phải nặng vì thơ,
Nào dễ làm ngơ, dễ hững-hờ.
Thi tửu đâu bằng thi hữu hội,
Góp vui xin hẹn đúng ngày giờ.

TRÚC-NAM

2— Giấc mộng dao thời phở nhạc thơ
Nước non đàn những lắng cung chờ
Bình sơn chạnh nhớ hoa tươi thắm
Hương Thủy còn mơ liễu sồn sơ
mong hết thời đen thay vận đỏ
Mà không rày gió lại mai mưa
Thân kinh đất ấy nền vương giả
Tiếng Trúc hòa xen lẫn tiếng Tơ

Đào-Vân-Khang

3— Cuối mùa Đông chuyển qua Xuân

Lắng nghe oanh cất lời ngân thanh bình.
Dậm ngàn núi đẹp màu xanh,

Vườn thơ muôn vẻ đầu xinh nét cười.

Ai tô vàng nuốt tia trời,

Cho kim cương chiếu sáng ngời trùng dương.

Cành tre mát bóng xóm làng.

Bước chân kiến tạo nẻo đường thênh thang.

Thanh bình tươi nết thi chương.

Thanh bình hoà rảy sắc hương chào đời.

Trùng-Quang

4— Bạn đã trao mình, phải họa tro
Dầu cho không họa chẳng ai chờ.
Mộng Thanh-Bình đẹp, sao đành chối ?
Tình Hỷ-Khương thân, nào dám sơ !
Tay khéo hân ngon trà với bánh
Giọng êm đã át gió cùng mưa.
Rất mong bạn hiểu : Anh Hoàng bệnh
Nên chẳng tắm, Oanh cũng nhả tơ !

Thục - Oanh (Bà Vũ-hoàng-Chương)

5 — Thanh bình em khéo kết vần thơ
Mơ ước cho nên, ý vẫn chờ
Đón ánh mây lành, vui thịnh trị
Đội làn hoa thắm, hết tiêu sơ
Rồi đây, sông núi tươi màu sắc
Bỏ lúc, quê nhà ủ nặng mưa
Sóng đỏ tan dần trên đất tổ
Hồi hương vun sỏi nghiệp tâm to.

Chung-Anh

6 — Kinh họa năm vần gửi bạn thơ
Quá yêu đâu giám phụ công chờ
« Đội Mùa Trăng » đẹp hoa tươi tốt
Đến « Mộng-Thanh-Bình » cúc sồn-sò
Đất loạn từng phen tràn ngập sóng
Vườn quê bao độ dải dầu mưa
Chung vui bút-mặc tình tri-ngộ
Lắng giọng oanh vàng, dạo phím to.

Hồng-Thiên

7 — Đem giải mây vàng dệt áo thơ
Giữa khung lãng-dịu, nước non chờ
Đề người thiếu phụ không trông ngóng
Cho lớp hài-nhi khỏi xác — xơ
Rồi nữa trẻ già vui trước ngõ
Đâu còn bom đạn đội ngoài mưa
Hiền-Lương nổi lại bờ Nam Bắc
Đôi bên giao-hòa một tiếng to

HƯƠNG — KHUÊ

8 — Đêm dài đăm mãi mộng vào thơ
Đôi bên trăng sao mấy nhịp chờ
Đây bóng đôi xuân đang dựng lại
Hay nền khung gấm mới đan sơ
Một dòng vân-ảnh chơi vơi nhạc
Nửa mái hoa-đình lất-phất mưa
Cát bụi chìm đi...hương đất dậy,
Cho đào mộng cánh, liễu non to

ĐAN — QUÊ

9— Thanh bình chung ý ghép vần thơ
Mong ước cùng nhau nguyện đón chờ.

Gió cuốn mây chì theo ngã mới.
Bướm bay vườn thắm dậy hương sơ
Nhớ ai tóc gội ngoài sương gió
Thương kẻ vai mòn dưới nắng mưa
Mùa đã về, muôn hoa nở cánh
Nhạc tung bừng én dật cung tơ

PHƯƠNG-ĐÀI

10— Mười ngón tay ngà rắc cánh thơ.

Lầu oanh dậy tiếng nước non chờ.
Âm thanh động ngọc khi tàn cuộc
Điệp khúc gieo vàng lúc khởi sơ.
Nét gấm mây trời sầu đốt lửa
Dòng son lụt cuốn hận ngày mưa.
Vườn lòng nở thắm hoa thi phẩm
Đồng điệu giao tình đẹp trúc tơ.

QUY-HƯƠNG

11— Đây bến Hương Giang thực bến thơ,
Giọng êm, tư đẹp... dám ơ hờ.
Hăm hai, tháng một xin y hẹn.
Cùng với Quý Hương đến đúng giờ,



Bồ câu sao chẳng ngự vườn thơ ?
Dân tộc ta đang mỏi mắt chờ..
Ác chiến đã gieo cơn khủng khiếp !
Cuồng phong còn trút cảnh tiêu sơ !
Bắc Nam ắt sẽ buông gươm súng,
Đất nước rồi đây bớt gió mưa.
Hòa hội cầu xin mau ký kết.

Thanh bình nhạc khúc nắn giấy tơ.

Đinh Thị Việt Liên.

12— Liên hoan đồng điệu nổi duyên thơ.

Ao ước từ lâu, há phải chờ
Mắt đã vấn vương giòng chữ mới
Tai còn văng vẳng giọng ban sơ
Gió mây dào dạt tình non nước
Tâm sự buồn vui lúc nắng mưa

Ngày đẹp ba miền vui hạnh ngộ
Nhạc đều dìu dặt nổi hừng tơ.

✱

Dăm vắn mển họa với nàng thơ
Cảm tấm lòng ơi dăm nhẹ hờ
Rượu nếu lưng bình, xin chiết nữa
Giới nghiêm mong nói rộng thêm giờ

Phạm V. Liên

13— Sông núi sừng chiều kết ý thơ

Bút nghe gió dậy tiết đông chờ
Chưa tàn mai trắng thêu vườn cũ
Đã chớm đào non điểm cánh sơ
Một giấc thanh bình say sóng nhạc
Đôi bờ giao cảm lắng dòng mưa
Trăng khuya chưa nhạt chân trời khói
Đàn chuyễn xa còn vọng tiếng tơ

Uyên-Hương

14— Chiến-tranh tàn phá cả vườn Thơ.

Còn mấy tri-âm, để đón chờ ?
Rỉ-rã Tao-đàn giòng uất hận,
Điêu-hiếu hoa bút nét tiêu-sơ.
Đêm ngày bóng quẻ đang say máu,

Non-Nước hồn thiêng đã ối mưa.
Áp mộng Thanh-bình năm tháng mỗi,
Thân tấm ớn lạnh biếng buông tơ.

Thân đáp thơ mời

Sẵn lòng ham-mộ, há σ-hờ,
Nghe tiếng Quỳnh-Dao nhóm bạn thơ,
Thẹn chút mây râu không xứng đáng,
Thăm gia khép-nếp một đôi giờ —
Nhưng dịp ngày Đông sắp lụn tàn,
Quần-Tiền tụ-hợp Hỷ-Khương trang,

Xiết bao Vinh dự thân bần sĩ
Lĩnh-hội tao-nhân ý ngọc vàng.

Nguyễn Vũ

Phân Ưu

Ngậm ngùi đau xót trước Vong-Linh Cụ
Ưng-Ưu, lâm chung tại Vũ-dạ, Huế, ngày
10-12-1970, và thành kính phân ưu cùng Sư-Bà
Diệu-Không, Giáo sư Bửu-Hội và tang quyến.

NGUYỄN-VŨ



● Đạo-Lâm. Chương-trình Đại-Hiệp Tôn Giáo

● Đạo Lâm. Thánh kinh trọn bộ.

Của Tu-Sĩ Huỳnh-Huệ-Giác, Giáo-hội Duy-thức-lòng
(chủ Bảy) Ba Xuyên.

★ Tình yêu tuổi học trò

Truyện dài bằng thơ của
Hà-Minh. Quýy ronéo.

★ Chiến sĩ vô danh

Tiểu thuyết dã — sử. tranh đấu, của Dương-Tử-Anh
Văn-hóa Dân-tộc Xuất bản

● Khô-Lụy

Thơ của Phương-Tấn.

Người trẻ Việt Nam xuất bản, Sài Gòn.

● Tham-Dự

Tập san của những người viết trẻ. Ảnh thơ đêm ăn-
hành, Vĩnh Long.

● Còn gì cho anh

Thi-tập của Hà-Huyền-Chi.

« Thế hệ tôi làm như trang liệt sử một giòng sông
một chứng tích tương tàn »

Tác giả là một thiếu-tà Dù có nhiều thành-tích chiến-
trận và Văn-ngệ trong lớp trẻ Hôm nay. Tác giả x.b

● Ba mươi hai bài lục bát

Thi tập của Phồ-Đức.

Tác-giả hiện là « chủ-biên cơ-sở xuất bản Nhân-Chứng »
192-194 Lê văn Duyệt, Sài Gòn.

★ Tìm Hiểu, Phật — Pháp

★ Phật giáo thực hành của Cư Sĩ Khánh Vân. Nguyễn
Thụ-Hòa Nha Tuyên-uy Phật Giáo Việt Nam.

● Giai thoại chốn am thiền của Phồ-Hòa

● Giải luận giáo lý của Nha Tuyên-uy Phật giáo

Bốn cuốn sách nay rất có ích cho những người muốn
tìm hiểu Phật-giáo.

* Muốn tìm hiểu đời sống Lành liệt của một bon chỉ biết
đường mây cưỡi tơ ham dòng ruồi, trường liễu thương
ai chịu lạnh lùng »

* Năm người đã sống chiến đấu cho tổ quốc không gian
viết truyện

*** ĐƯỜNG MÂY**

Đào vũ anh hùng, kiếm thêm,

Trần viên Phương, Phạm Hò, Lê văn Trước.

Không Gian Xuất bản phát hành trên toàn quốc

*** Trời Nam Khói Lửa.**

Thi tập của Xuân-Phong Nguyễn-ngọc-Cầm.

« Tập thơ chọn những bài đặc-ý của tác-giả rút trong các cuốn
thơ đã in, cùng một số tác phẩm mới. Tác-phẩm tham-dự giải Văn
Học Nghệ-Thuật 1970 của Tổng-Thống V.N.C.H ấn loát rất mĩ
thuật trang nhã — Bìa do tác giả trình bày.

Tác-giả xuất bản.

*** Thành Phố buồn thiu**

Truyện dài của Đặng trần Huân-Hiếu Đề vẽ bìa. Sáng tạo Xuân
bản. Trình bày đẹp.

*** Thơ m Lá Tình Bay**

Tuyển tập thơ văn của Nguyễn Công Hoe, Báo chí Trung-học
Hòa-Hảo Xuất bản (An-Giang)

— Những người, chưa yêu, đã yêu, tìm đọc

Tình nửa cuộc

thơ Lê Phước Quỳnh.

Nhập cuộc xuất bản — đầu xuân 1971

Viết từ nỗi nhớ

thơ Trần Hữu Nghiễm

Nhập cuộc tái bản — phát hành nhân ngày BỐN NĂM
NHẬP CUỘC (6-1-1971)

PHÁT HÀNH VÀO DỊP XUÂN TÂN HỢI (1971)

Non nước xứ Quảng tân biên

của Phạm Trung-Việt

Tập biên khảo toàn diện về Quảng Ngãi. In lần thứ hai. Tài
liệu tăng bổ, sửa chữa, kiểm chứng. Hơn 40 hình ảnh Lịch sử,
thắng cảnh, nhân vật, sinh hoạt. Sách dày 300 trang. Bìa của họa
sĩ Nghiêu-Đề.

Nhà sách Khai Tri Saigon phát hành.

Có bán tại các nhà sách lớn Quảng Ngãi và các tỉnh.

Xi-rô

NICO B6

BÊ BÊ

CÓ SINH-TÔ B6 + SINH-TÔ PP

trị

em nhỏ:

ỐC SỮA

ĐEN

LỖ LỎI NGOÀI DA

SUY NHUỘC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN BẢO-CHÊ NGỌC-DIỆP CHOLON

28IX BYT 1-7-68



XI-RÔ

PHONG-ĐỒ

TONIVITAL

Của trẻ em

Gồm có các
sinh-tô

A - C

D - PP

B1 - B2

B12

B6

LYSINE



*Bồi-dưỡng cơ-thể
Giúp trẻ em chóng lớn*

trị:

BIỀNG ĂN - GÂY CƠM

SUNG LƯỠI - SUNG RUỘT

Viện Bảo-Chê
NGỌC-DIỆP
CHOLON

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY.

28IX BYT/TC-4-68

trị: LÀ CHẢY NHIỄM ĐỘC
Ở RUỘT

KIỆT-LY CÓ ĐÀM MAU

Dùng thuốc

TANIGELAMIDE

Thuốc viên cho người lớn
Thuốc bột cho trẻ em.

PHONG-PHU

Hợp với
người lớn
trẻ em

ĐƯỢC TẠO CÁC NHÀ THUỐC TÂY
2060/BYT/17-8-67



NƯỚC NGỌT

"CON CỌP"



Ở mọi nơi,
Thôn quê,
Thành thị.

Nước ngọt Con Cọp
ở đâu,
Đấy là Khỏe Mạnh,
Sống Lâu, Yên Dối.

(Brasseries et Glacières
de l'Indochine)

6, Hai-Bà-Trung, Saigon Tél: 20.311